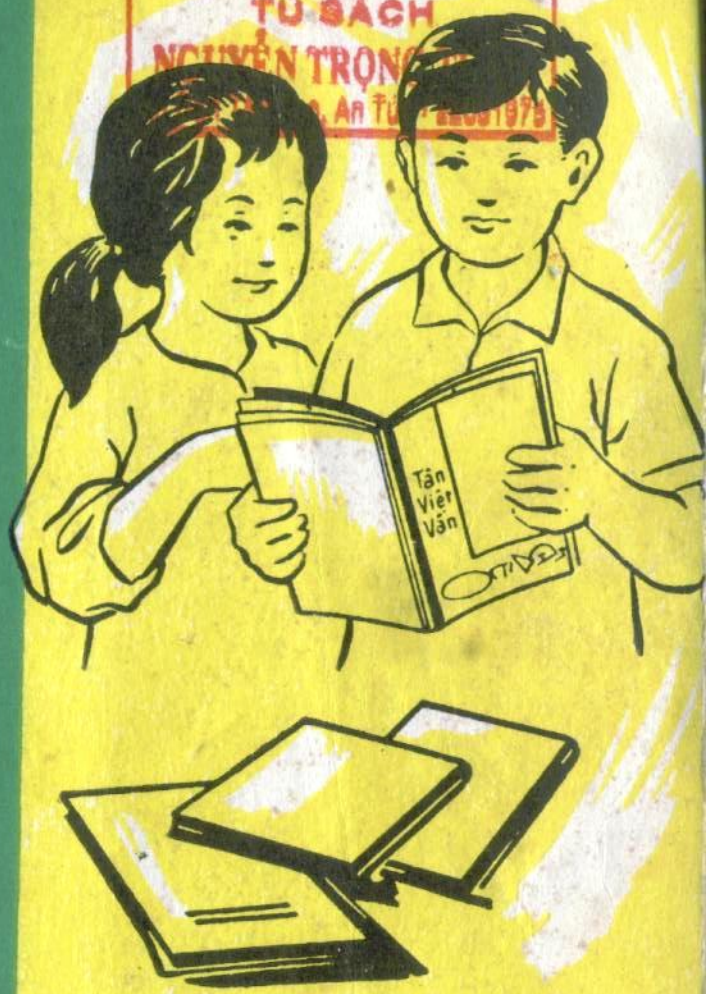
BÙI-VĂN-BẢO

TỦ SÁCH
NGUYỄN TRỌN

# Tân Việt Văn




## LỚP TƯ

BÙI VĂN BẢO

Mai Trac Nhi
TỦ SÁCH
NGUYỄN TRỌNG TUẤN
An Dân Tân Tạo, An Túc - 22031975

# TÂN VIỆT-VĂN

## LỚP TƯ

GỒM CÁC MÔN

NGỮ-VỰNG — TẬP ĐỌC
HỌC THUỘC LÒNG — CHÍNH-TẢ
TẬP LÀM VĂN — TẬP VIẾT
Với 30 Tranh Giải-trí cuối tuần
30 trang Tập đọc vui và
16 tranh Minh-họa in offset nhiều màu

Sống Mới xuất-bản

# TÂN VIỆT-VĂN

LỚP TƯ


BIÊN-SOẠN VỚI SỰ CỘNG-TÁC CỦA CÁC BẠN

*Nhà văn* : LÊ-TẤT-ĐIỀU

*Nhà thơ* : TRẦN-HUYỀN-ÂN — KHÁNH-LINH

*Nhà giáo* : BÙI-QUANG-MINH — CHU-ĐỨC-NHUẬN

*Họa-sĩ* : NGUYỄN-MẠNH-TUÂN

HUỲNH-PHÚ-NHIỀU

Tốt-nghiệp trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Saigon



SOẠN-GIẢ GIỮ BẢN-QUYỀN.

CẤM KHÔNG ĐƯỢC TRÍCH LẠI HOẶC MÔ-PHỎNG MÀ KHÔNG XIN PHÉP TRƯỚC


## *Lời nói đầu*

Trước kỷ-nguyên mới và trước sự thúc-giục, khuyến-khích của các bạn đồng-nghiệp xa gần, anh em chúng tôi mạnh-dạn cho in bộ **Tân Việt-Văn** này để trân-trọng gửi tới giới-thiệu cùng quý-vị.

Do kinh-nghiệm của nhiều năm trong nghề dạy trẻ và soạn sách, lại được học-hỏi qua các tài-liệu, phim-ảnh, sách-báo ngoại-ngữ và cùng phong-phú, chúng tôi cố gắng trình-bày bộ **Tân Việt-Văn** theo sát mấy tiêu-chuẩn sau đây :

**1. VỀ HÌNH-THỨC :** Chữ in rõ-ràng, sáng-sủa ít lầm-lẫn. Các bài tập đọc đều được đưa lên đầu trang và ở mỗi cuối tuần lại có những bài tập đọc vui bằng văn vần và văn xuôi, những tranh giải-trí, gợi óc tò-mò và trí phán-đoán của trẻ em, khiến chúng càng VUI MÀ HỌC. Ngoài ra, các tranh minh-họa của một họa-sĩ hữu-danh, được in nhiều màu tươi-đẹp, sẽ rất thích-hợp với cảm-quan của các em từ 6 đến 12 tuổi, xưa nay chỉ ưa nét vẽ và màu-sắc.

**2. VỀ NỘI-DUNG :** Các bài đều được biên-soạn theo đúng phương-châm sư-phạm là đi **từ dễ đến khó** và luôn luôn có tính-chất **vui-vẻ, linh-hoạt, thiết-thực.**

a) Về bài **tập đọc** cần liên-quan đến chương-trình Ngữ-vựng, xưa nay người ta thường có thói quen trích những đoạn văn rời-rạc tuy có giá-trị về phương-diện văn-chương, song thường không hợp với tâm-hồn trẻ nhỏ vì ít tính-chất giáo-dục. Ở đây, từ lớp Năm đến lớp Nhất, tại lớp nào chúng tôi cũng nhờ thẳng các nhà văn yêu trẻ soạn những bài tập đọc thành **một câu chuyện liên-tục, sát thực-tế và gần-gũi với trẻ em hơn.** Học-sinh trong khi tập đọc, sẽ tìm thấy ở đó những người bạn quen-thuộc, cùng làm việc và cảm-nghĩ như mình, chắc-chắn sẽ thấy thêm phần hứng-thú.

b) Để không thiếu-sót, ở các bài **chính-tả**, chúng tôi đã lựa-chọn những đoạn văn hay trong nhiều văn-phẩm để cho các em làm quen với các lối hành-văn khi thì bay-bướm, văn-hoa, khi thì hùng-mạnh, sắc-bén của các văn-gia nổi tiếng...

c) Về cách giải-nghĩa hoặc đặt câu hỏi, chúng tôi cũng hết sức thận-trọng. Chúng tôi tránh lối giải-nghĩa rườm-rà hoặc sơ-lược quá vì cả hai lối này đều không thích-hợp với trẻ em bậc tiểu-học. Các câu hỏi đều được lựa-chọn kỹ-càng để luôn luôn thay đổi mà **không có những câu hỏi mơ-hồ, vu-vơ** chỉ cần trả lời **không** hoặc **có** v.v...

d) Về **văn vần** dùng làm các bài **học thuộc lòng**, chúng tôi đã hợp-tác cùng một số thi-sĩ để soạn riêng những vần thơ trong sáng, dễ hiểu, giàu nhạc-điệu cho thích-hợp với các em hơn.

Nói tóm lại, trong khi biên-soạn bộ Tân Việt-Văn này, chúng tôi đã cố-gắng vạch ra **một đường-lối rõ-rệt để noi theo** mà không chắp-nhặt, vá-víu hoặc bắt-chước một cách vụng-về, vô trách-nhiệm. Mặc dầu chúng tôi đã cố-gắng rất nhiều, song vẫn không sao tránh khỏi được mọi khuyết-điểm, vậy mong quý-vị cao-minh vui lòng chỉ-giáo cho và chúng tôi rất hân-hạnh chờ đón những lời vàng ngọc của quí-vị, để trong kỳ tái-bản sẽ sửa-chữa lại, hầu làm đẹp lòng quí-vị.

*Sài-gòn, đầu xuân 1964*

# LỜI CHỈ-DẪN
## của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục

*Ngày nay khoa Việt-ngữ được dùng để rèn-đúc và phát-huy tư-tưởng dân-tộc. Ngoài ra, khoa này còn nhằm mục-đích :*

*1) Về thực-tế, trực-tiếp làm cho học-sinh bậc tiểu-học có một căn-bản ngữ-vựng cần-thiết trong sự học-tập.*

*2) Giúp cho học-sinh có những tài-liệu dùng trong sự tiếp-xúc hàng ngày :*

*a) Phát-biểu tư-tưởng của mình bằng lời nói hoặc câu văn.*

*b) Hiểu-biết tư-tưởng của những người chung quanh mình khi nghe nói hoặc khi đọc câu văn.*

*Chương-trình Việt-ngữ gồm có :*

*— Ngữ-vựng,*

*— Tập đọc, Học thuộc lòng,*

*— Chính-tả và Văn-phạm, Tập viết,*

*— Tập làm văn.*

*Trong thời-khắc-biểu của các lớp Tiểu-học đều có ghi những môn ấy, duy môn Tập làm văn không ghi ở thời-khắc-biểu lớp năm. Trong những giờ ngữ-vựng và tập đọc, thầy-giáo phải tập cho học-trò nói chuyện (nói cho bạo-dạn và cho tự-nhiên, có thứ-tự, có đầu đuôi, đừng kéo dài từng tiếng một). Còn môn văn-phạm thì chỉ ghi trong chương-trình lớp nhì và lớp nhất, nhưng cũng cốt để dạy đại-cương về ngữ-pháp mà thôi. Giáo-chức sẽ dùng những bài chính-tả hoặc tập đọc để giúp học-sinh nhận-xét một vài định-luật thông-thường riêng của Việt-ngữ, để giúp chúng trong việc tập làm văn.*

*Những vấn-đề trong chương-trình đã ấn-định sẽ học đi, học lại kỹ-lưỡng theo phương-pháp tiệm-tiến, đi từ chỗ biết đến chỗ chưa biết, từ chỗ gần đến chỗ xa, từ chỗ dễ đến chỗ khó, từ chỗ cụ-thể đến chỗ trừu-tượng. Giáo-chức phải dùng vật-liệu, tranh-ảnh hoặc tỉ-dụ thiết-thực để cụ-thể-hóa tất cả các vấn-đề đem dạy cho học-trò. Mỗi vấn-đề sẽ làm chủ-điểm cho tất cả các môn ngữ-vựng, tập đọc, học thuộc lòng, chính-tả, tập làm văn... Trong lúc dạy Việt-ngữ, giáo-chức nên nhớ rằng chương-trình ấy không phải đứng tách hẳn chương-trình của các môn học khác như đức-dục, công-dân giáo-dục, sử-ký, địa-lý v.v... mà phải cố tìm cách cho chương-trình các môn-học ấy và khoa Việt-ngữ có liên-lạc với nhau.*

*Ở lớp nhì và lớp nhất, những danh-từ khoa-học và kỹ-thuật (thuật-ngữ) những danh-từ Hán-Việt hoặc ngoại-lai (tân-ngữ), những danh-từ thường dùng trong công-văn sẽ chiếm một phần quan-trọng. Các tiếng gốc ở chữ Hán sẽ dạy nhiều hơn và giảng kỹ hơn, theo lối tách riêng từng chữ, rồi hợp lại mà giải-nghĩa toàn cả tiếng, hoặc cả câu thành-ngữ.*

*Đặc-biệt chú-ý về Việt-ngữ : Nên nhẹ về phần tầm-chương trích-cú, nghệ-thuật vị nghệ-thuật và phải chú-ý đề-cao văn-đề nghệ-thuật vị nhân-sinh (phục-vụ cho đạo-đức con người, cho hạnh-phúc gia-đình, cho an-ninh xã-hội, cho Độc-lập, Tự-do).*

# CHƯƠNG-TRÌNH VIỆT-NGỮ LỚP TƯ

*(LỜI DẶN.— Giáo-viên sẽ tùy chủ-điểm, tùy địa-phương, tùy thời-tiết... mà dạy các mục này, mục nào trước, mục nào sau, tùy-tiện.)*

## NGỮ-VỰNG

**Học-đường** : Hiệu-trưởng, giáo-chức, học-trò, anh, em bạn, các trò-chơi (dạy nhiều tiếng hơn ở lớp Năm). Bổn-phận học-trò ở học-đường.

**Thân-thể** : Các bộ-phận bên ngoài thân-thể và công-dụng. Vệ-sinh (tắm, rửa, xỉa răng, đánh răng, chải tóc).

**Ăn-uống** : Các thứ đồ-ăn, các thứ đồ-uống. Các đồ-dùng trong việc ăn-uống. Vệ-sinh về ăn-uống.

**Quần-áo** : Các thứ quần-áo Việt-nam (áo dài, áo cánh, áo ba-ba, áo cụt tay, áo ấm, quần dài, quần đùi, khăn, giầy, dép, nón, mũ). Giặt-ủi. Việc giữ-gìn quần-áo.

**Gia-đình** : Cô dì, chú bác, cậu mợ. Cách xưng-hô. Công-ơn cha mẹ, ông bà, cô dì... Bổn-phận đối với người trong gia-tộc.

**Nhà-cửa** : Các thứ nhà (nhà gạch, nhà tranh, nhà lá...) Các gian nhà. Đồ-đạc thường dùng trong nhà.

**Súc-vật** : Gia-súc. Chăn-nuôi.

## TẬP ĐỌC — HỌC THUỘC LÒNG

Tập đọc, học thuộc lòng những bài (văn xuôi hoặc văn vần) hay ngắn, thiết-thực có liên-quan với chương-trình đức-dục và ngữ-vựng, bài quốc-ca, ca-dao có ý-vị (Chú-ý đến cách phát-âm và giọng).

## CHÍNH-TẢ

Viết trăm những bài ngắn có tương-quan với chương-trình đức-dục và ngữ-vựng (có thể trích trong các bài tập đọc hoặc học thuộc lòng). Tập viết các dấu (dấu chữ, dấu giọng, dấu câu) cho đúng và đặt cho đúng chỗ dấu phẩy (phết), dấu chấm câu, dấu chấm gạch, dấu hỏi, phẩy chấm, (dấu than), ngoặc đơn, ngoặc kép, xuống dòng (qua hàng) và viết lùi vào đầu dòng, chấm hết (chấm dứt).

## TẬP VIẾT

Tập viết chữ thường, lớn nửa khổ. Giải về cách viết từng chữ, từng tiếng.

## TẬP LÀM VĂN

Tập làm miệng rồi mới làm bài viết, theo thứ-tự sau :

1. Tập điền câu bằng tiếng đã học ở ngữ-vựng.
2. Trả lời những câu hỏi về tạp-đề trong tuần-lễ.
3. Đặt thành câu với những chữ đã chọn.
4. Trả lời những câu hỏi về một đề-mục dễ.

**(Trích Chương-trình Tiểu-học)**

## NHÂN - VẬT CHÍNH

**Dũng : 7 tuổi học lớp Tư.**

**Dũng sống trong một gia-đình trung-lưu còn đủ ông bà, cha mẹ. Dũng có anh là Cường và em bé là bé Hồng 6 tuổi đã học lớp Năm.**

**Dũng có các bạn cũ cùng học lớp Năm, năm ngoái là Hùng, Phong, Hoàng và một số bạn mới năm nay.**

# TUẦN - LỄ THỨ 1

## *NGỮ - VỰNG*

### I. Hiệu-trưởng

**BÀI GIẢNG.— Hôm nay Dũng thấy ông *hiệu-trưởng* vui-vẻ quá ! Ông *tiếp chuyện phụ-huynh* học-sinh trong *văn-phòng*. *Đơn xin học*, sổ sách xếp trên *bàn giấy* rất thứ-tự. Bên cạnh bàn giấy là *tủ* đựng *hồ-sơ*.**

**HỌC TIẾNG.— 1) Hiệu-trưởng ; Văn-phòng ; Đơn xin học : Sổ sách ; Bàn giấy ; Tủ ; Hồ-sơ.**
**2) Hiệu-trưởng vui-vẻ.**
**3) Tiếp chuyện.**

**CA-DAO, THÀNH-NGỮ.— *Thưởng, phạt công-minh.***

**GIẢI-NGHĨA.— Hiệu-trưởng : Người đứng đầu một trường.— Văn-phòng : Phòng làm việc, tiếp khách. — Hồ-sơ : Giấy-tờ cần-thiết về một người hay một việc gì (Thí-dụ : Hồ-sơ học-sinh gồm có : đơn xin học, giấy khai-sinh, giấy chứng-chỉ v. v...) — Tiếp chuyện : Nói chuyện với ai. — Thưởng, phạt công-minh : Thưởng, phạt rất công-bằng và sáng-suốt.**

**TẬP NÓI CHUYỆN.— *Dũng thấy ông Hiệu-trưởng thế nào ? — Ông tiếp chuyện phụ-huynh học-sinh ở đâu ? — Trên bàn giấy ông Hiệu-trưởng có xếp những gì ? — Hồ-sơ đựng ở đâu ?***

★

### II. Nhân-viên trong trường

**BÀI GIẢNG.— Ở các lớp có *thầy-giáo* và *cô-giáo* dạy học. Bác *tùy-phái* trông coi trường. Thầy-giáo của Dũng *hiền-lành* và *vui vẻ*. Thầy *giảng* bài rất dễ hiểu. Thầy *chấm* bài cho học-sinh rất cẩn-thận.**

**1) Thầy-giáo ; Cô-giáo ; Tùy-phái.**
**2) Thầy-giáo hiền-lành ; Vui-vẻ.**
**3) Giảng bài ; Chấm bài.**

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Không thầy, đố mày làm nên.*
*— Trọng thầy mới được làm thầy.*

GIẢI-NGHĨA.— Tùy-phái : Người phụ giúp việc để ông hiệu-trưởng sai-phái mang giấy-tờ đi đây, đi đó — Không thầy, đố mày làm nên Làm việc gì mà không có người chỉ-bảo thì không thể nào thành công được. Cũng ví như học-sinh đi học, nếu không có thầy dạy-bảo thì khó lòng mà có thể tiến-bộ được.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Đứng đầu một lớp là ai ? — Ai trông coi trường ? — Dũng học thầy-giáo hay cô-giáo ? — Tính-nết thầy-giáo của Dũng thế nào ?*

☆

## *TẬP LÀM VĂN*

I.— **Tập điền câu bằng những tiếng đã học ở ngữ-vựng.**

*Ông (.....) đang tiếp chuyện phụ-huynh học-sinh trong (.....) Hôm nay Dũng thấy ông hiệu-trưởng (.....) quá ! Trên bàn giấy của ông xếp đầy (.....) và (.....)*

BÀI SỬA.— Hiệu-trưởng ; Văn-phòng ; Vui-vẻ ; Hồ-sơ ; Sổ-sách

II.— *Trường Dũng có nhiều thầy-giáo và (.....) Thầy-giáo của Dũng (.....) và vui-vẻ. Thầy (.....) bài rất dễ hiểu. Thầy (.....) bài bằng bút (viết) mực đỏ.*

BÀI SỬA.— Cô-giáo ; Hiền-lành ; Giảng ; Chấm.

☆

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) *i, í, ì.*
2) *i, ỉ, ị.*



## *TẬP ĐỌC* Nhớ trường

Ba tháng hè, Dũng phải xa trường, xa thầy, xa bạn. Dũng được ba má cho đi đây, đi đó. Thời-gian nghỉ-ngơi thật là vui-vẻ. Nhưng đôi khi, em lại cảm thấy nhớ trường. Hồi học lớp Năm, Dũng còn nhỏ-dại và bỡ-ngỡ quá ! Các bạn Dũng cũng vậy. Dũng nhớ bạn, nhớ lớp học. Em nhớ cả những bóng cây che mát trong sân trường...

PHÁT-ÂM.— Nghỉ-ngơi — Bỡ-ngỡ — Che mát.

GIẢI-NGHĨA.— Thời-gian : Một khoảng thì-giờ — Bỡ-ngỡ : Chưa quen, còn lạ.

CÂU HỎI.— *Ba tháng hè, Dũng phải xa ai ? — Ba má cho Dũng đi đâu ? — Dũng cảm thấy nhớ gì ? — Hồi còn học lớp Năm, Dũng lớn hay nhỏ ?*

---

## *CHÍNH-TẢ* Ông Hiệu-trưởng

Ba tháng nghỉ hè đã trôi qua. Hôm nay đi học, Dũng lại thấy ông hiệu-trưởng. Trông ông già hơn năm ngoái. Mắt ông vẫn đeo kính trắng. Nụ cười luôn nở trên môi. Ông rất yêu trẻ và vui-vẻ với mọi người.

GIẢI-NGHĨA.— Trôi qua : Đi qua như nước chảy, trôi — Yêu trẻ : Thương-mến trẻ con.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

TR : Trông thấy — Chông-gai
GI : Già-cả — Dẫn-dà — Rãy-rà
? : Vẻ mặt ; Vui-vẻ — Vẽ hình ; Nét vẽ.

*H. T. L.*

## Ngày khai-giảng

*Trọn mùa xa-cách đã qua*
*Hôm nay khai-giảng, cả nhà về đông.*
*Bãi-trường những nhớ cùng trông*
*Giờ đây da xạm, môi hồng thêm duyên.*
*Thầy, cô, đi lại trên hiên*
*Kìa, ông hiệu-trưởng trông hiền làm sao.*
*Bác phu bận-rộn ra vào*
*Muôn người như một, người nào cũng vui.*

PHÁT-ÂM.— Xa-cách — Da xạm — Bận-rộn.

GIẢI-NGHĨA.— Trọn mùa : Suốt mùa, hết cả mùa — **Khai-giảng** : Bắt đầu giảng dạy — Da xạm : Da rám nắng — Bận-rộn : Mắc nhiều công-việc, không rảnh.

CÂU HỎI.— *Trọn mùa gì đã qua ? — Hôm nay là ngày gì ? — Thầy, cô đi lại ở đâu ? — Bác phu bận-rộn làm gì ?*

---

*CHÍNH-TẢ*

## II.— Thầy-giáo

Thầy-giáo dạy Dũng còn trẻ lắm ! Thầy dạy dễ hiểu. Thầy thường gõ thước trên bàn hay vỗ tay ra hiệu cho cả lớp. Lúc về thầy trông cho các em đi thẳng hàng. Thầy săn-sóc học-sinh như cha mẹ trông con vậy.

GIẢI-NGHĨA.— Vỗ tay : Đập hai lòng bàn tay với nhau cho thành tiếng để ra hiệu hoặc reo mừng — Săn-sóc : Chăm-nom, chú-ý tới.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

| | | | |
|---|---|---|---|
| Y | : Dạy học | — | Chơi đại |
| TR | : Còn trẻ | — | Chẻ tre |
| D | : Dễ hiểu | — | Rễ cây |



*TẬP ĐỌC*

## Ông hiệu-trưởng

Năm nay bé Hồng đã được đi học. Bé có vẻ thích lắm. Dũng dắt tay em, đi theo cha tới trường.

Ba đưa Hồng vào phòng ông hiệu-trưởng để xin học. Ông hiệu-trưởng ngồi sau bàn giấy. Ông đang tiếp các phụ-huynh học-sinh. Mặc dầu rất bận-rộn, ông vẫn tươi-cười với mọi người. Ông đeo cặp kính *(kiếng)* trắng để đọc các đơn xin học.

PHÁT-ÂM.— Hiệu-trưởng. — Phụ-huynh. — Kính trắng.

GIẢI-NGHĨA.— **Hiệu-trưởng** : Người đứng đầu một trường. — **Phụ-huynh học-sinh** : Cha, mẹ, anh, chị của học-sinh — **Mặc dầu** : Dù thế, dầu thế.

CÂU HỎI— *Năm nay bé Hồng đã được đi đâu ? — Dũng dắt tay ai ?— Ai đưa Hồng vào phòng ông hiệu-trưởng ? — Ông hiệu-trưởng đeo cặp kính để làm gì ?*

☆

*TẬP ĐỌC VUI*

### LỜI KHUYÊN ĐẦU NĂM

Các em cắp sách ra trường,
Chớ nên thơ-thẩn bên đường rong chơi.
Mặt-mày lau-rửa hẳn-hoi
Áo-quần chớ để có mùi hôi-tanh.
Ngồi trong lớp, cố học-hành,
Chớ làm ầm hoặc nhổ quanh chỗ ngồi.
Ra vào đều xếp hàng đôi,
Chơi cầm dao, kéo, lỡ thời nguy-nan.
Làm bạn tốt, học-trò ngoan,
Rồi ra trong xóm, ngoài làng đều khen.

BẢO-VÂN

## GÀ ĐẺ TRỨNG VÀNG

Ngày xưa có hai người, nhà ở cạnh nhau. Mỗi người nuôi được một con gà mái. Mỗi ngày cả hai con đều đẻ, mỗi con một trứng bằng vàng.

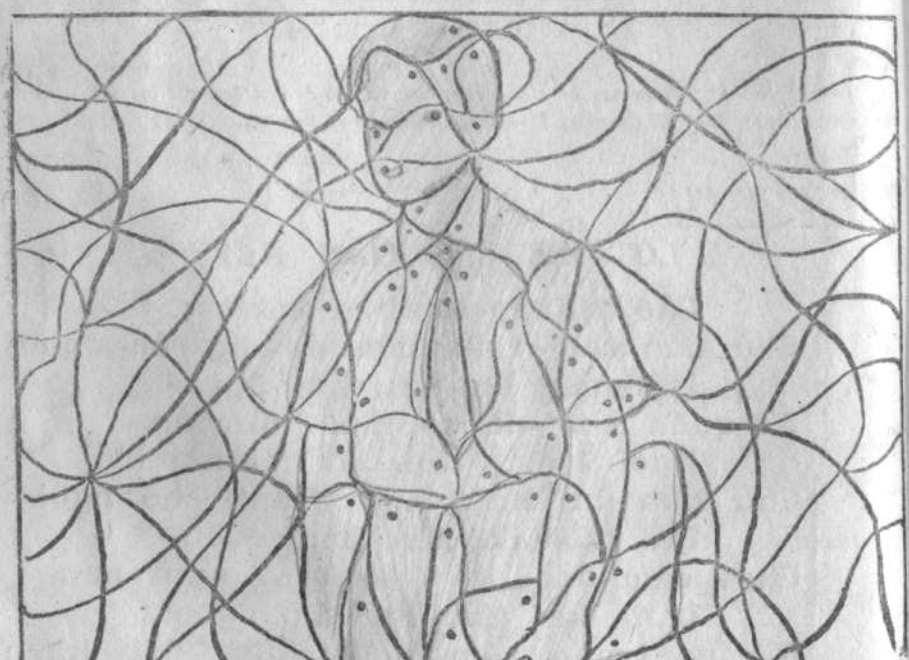
Người thứ nhất nghĩ rằng : « Con gà của mình đã đẻ được trứng vàng, chắc trong bụng nó có nhiều vàng. » Anh ta bèn mổ ra để lấy nhưng chẳng thấy có gì !

Người thứ hai thấy gà đẻ trứng vàng nên ngày nào cũng cho gà ăn thật nhiều. Anh ta nghĩ rằng : « Nếu nó ăn no có thể mỗi ngày đẻ được hai trứng vàng ». Không ngờ ăn no, béo quá, mỡ lấp, gà không đẻ được nữa. Rồi chẳng bao lâu gà cũng lăn ra chết.

**« Rõ thật tham thì thâm. »**

☆

*TRANH GIẢI - TRÍ CUỐI TUẦN*



*Hình ai đây ? Các em tô màu đỏ vào những chỗ có chấm đen sẽ !*

# TUẦN - LỄ THỨ 2

*NGỮ - VỰNG*

## I. Học - sinh

BÀI GIẢNG.— Lớp Dũng có mười *nữ-sinh* và bốn chục *nam-sinh*. Tiến là học-sinh *chăm-chỉ* và *ngoan-ngoãn*. *Sách-vở*, *bút-thước* của em xếp trong cặp rất có thứ-tự. Tiến *học* bài thuộc làu, *làm* bài rất đúng. Thầy-giáo đã *khen* Tiến mấy lần.

HỌC TIẾNG.— 1) Nữ-sinh ; Nam-sinh ; Sách-vở ; Bút-thước.
2) Học-sinh chăm-chỉ ; ngoan-ngoãn.
3) Học bài ; Làm bài ; Khen.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Có học mới biết.*

— *Làm bạn tốt, học-trò ngoan.*
*Rồi ra trong xóm, ngoài làng đều khen.*

GIẢI-NGHĨA.— Nam-sinh : Học-sinh con trai — Nữ - sinh : Học-sinh con gái — Ngoan-ngoãn : Biết vâng lời, làm vừa lòng mọi người — Chăm-chỉ : Chịu khó làm việc, không lười-biếng — Có học mới biết : Có học thì mới hiểu-biết mà theo điều hay, tránh điều dở.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Lớp Dũng có bao nhiêu nữ-sinh ? — Tiến là học-sinh thế nào ? — Cặp của Tiến đựng những gì ? — Tiến thường được ai khen ?*

☆

## II. Bạn-bè

BÀI GIẢNG : Hùng, Phong, Tiến là những *bạn thân* của Dũng. Dũng nhớ lời cô : « Các con nên *chọn bạn mà chơi*. Ta nên gần bạn *tốt* để *bắt-chước* và *xa-lánh* bạn *xấu*. *Bạn-bè* học cùng lớp phải *giúp-đỡ* lẫn nhau. »

HỌC TIẾNG.— 1) Bạn-bè — 2) Bạn thân ; Tốt ; Xấu.
3) Bắt-chước ; Xa-lánh ; Giúp-đỡ.

**CA-DAO, THÀNH-NGỮ :**

*— Chọn bạn mà chơi.*

*— Học thầy không tày học bạn.*

GIẢI-NGHĨA.— **Bắt-chước : Làm theo — Xa-lánh : Tránh không chơi với — Giúp-đỡ :** Bạn thiếu bút ta cho mượn, bạn không làm được toán ta chỉ bảo, thế là giúp-đỡ — **Chọn bạn mà chơi :** Chọn người tốt mà chơi, xa-lánh người xấu.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Hùng, Phong, Tiến là những bạn thế nào của Dũng ? — Cô giáo khuyên Dũng thế nào ? — Ta nên gần người tốt để làm gì ? — Ta nên xa-lánh người thế nào ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**I.— Tập điền câu bằng những tiếng đã học ở bài ngữ-vựng.**

*Lớp em có năm chục (. . . . .) Em (. . . . .) bài thuộc lầu, (. . . . .) bài rất đúng. Sách-vở, (. . . . .) của em xếp trong cặp rất có thứ-tự. Em được thầy-giáo (. . . . .) luôn.*

BÀI SỬA.— Nam-sinh (nữ-sinh) ; Học ; Làm ; Bút-thước ; Khen.

☆

**II.—** *Cô giáo thường khuyên chúng em : « Các con nên (. . . . .) » Ta nên gần (. . . . .) tốt để bắt-chước và (. . . . .) bạn xấu. Bạn-bè nên (. . . . .) lẫn nhau.*

BÀI SỬA.— Chọn bạn mà chơi ; Bạn ; Xa-lánh ; Giúp-đỡ.

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) *u — ùi.*

2) *u — ủi.*

## *TẬP ĐỌC* — Cô giáo cũ

Dũng đứng chờ ba ở cửa văn-phòng. Vừa lúc ấy thì cô giáo lớp Năm đến. Cô mặc chiếc áo dài trắng. Nụ cười hiền-từ luôn nở trên môi. Dũng chào cô. Cô xoa đầu Dũng và nói :

— « A ! Trò Dũng ngoan-ngoãn của cô đây. Năm nay Dũng lên lớp Tư rồi. Cố gắng chăm-chỉ nhé ! »

Dũng « dạ » khẽ một tiếng. Em rất cảm-động khi gặp cô giáo cũ.

PHÁT-ÂM.— Chờ — Trắng — Xoa đầu.

GIẢI-NGHĨA.— **Chờ :** Đợi — **Hiền-từ :** Hiền-lành, tử-tế như một người mẹ.

CÂU HỎI : *Dũng đứng chờ ba ở đâu ? — Vừa lúc ấy thì ai đến ? — Cô mặc chiếc áo gì ? — Cô giáo nói gì với Dũng ?*

---

## *CHÍNH-TẢ* — 1.— Vào lớp

**Dũng và các bạn đã tới trước cửa lớp. Nam-sinh, nữ-sinh đều xếp thành hàng ngay-ngắn. Các em ăn-mặc sạch-sẽ. Trông em nào cũng ngoan-ngoãn, dễ thương. Thầy-giáo mỉm cười, ra lệnh cho các em vào lớp.**

GIẢI-NGHĨA : **Ngay-ngắn :** Rất thẳng, không lệch.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

| | | |
|---|---|---|
| G : Thành hàng | — | Thương-hàn, Hàn gắn. |
| Y : Ngay-ngắn | — | Ngai vàng |
| X : Đèn xếp, Xếp hàng | — | Ông sếp. |

H. T. E.

## Lớp em

*Lớp em sĩ-số năm mươi*
*Tính ra thì đã có mười nữ-sinh.*
*Lòng như trang giấy trắng tinh*
*Thương-yêu nhau ở trong tình bạn thân.*
*Làm quen khi đã ngồi gần*
*Đồ-dùng thiếu-thốn, đỡ-đần giúp nhau.*
*Không phân giỏi, kém, nghèo, giàu...*
*Học-hành kẻ trước, người sau tiến đều.*

PHÁT ÂM.— Trắng tinh — Kẻ trước, người sau.

GIẢI NGHĨA.— **Sĩ-số** : Số học-sinh — **Trắng tinh** ; Rất trắng — **Tiến đều** : Tiến cùng một lượt với nhau.

CÂU HỎI.— *Sĩ-số lớp em là bao nhiêu ? — Trong số ấy có bao nhiêu nữ-sinh ? — Lòng học-sinh vì như gì ? — Bạn thiếu đồ-dùng, ta phải làm thế nào ?*

---

*CHÍNH-TẢ*

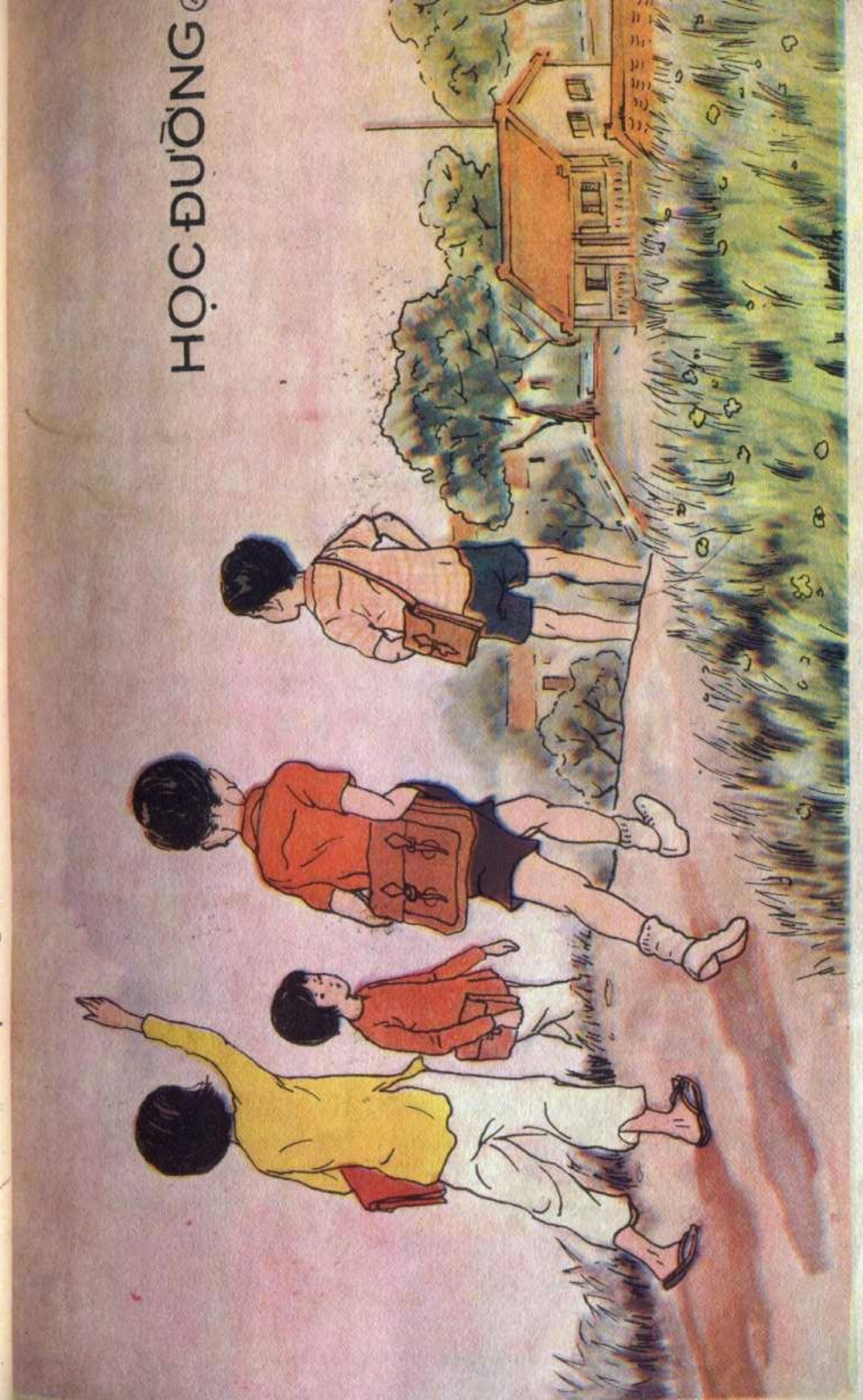
## II.— Bạn mới

Trong lớp có nhiều bạn đã cùng học với Dũng năm ngoái. Trông người nào cũng vui-vẻ, bạo-dạn. Lại có thêm mấy người bạn mới. Họ còn nhút-nhát lắm ! Đến giờ chơi, họ chưa dám cười-đùa, chạy-nhảy như học-sinh cũ.

GIẢI-NGHĨA.— Bạo-dạn : Không kinh-sợ gì — **Nhút-nhát** ; Sợ-sệt, không bạo-dạn.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

T : Nhút-nhát — Biếng-nhác
D : Không dám — Giám-thị — Rám má
TR : Trông-nom — Chông-gai



*TẬP ĐỌC*

## Bạn học

Cô-giáo vào văn-phòng. Dũng bước xuống sân. Chợt em nghe có tiếng gọi: «Kìa bồ Dũng, chúng tôi đi kiếm bồ mãi.» Dũng tươi-cười nhìn các bạn. Mới có ba tháng mà anh nào cũng có vẻ lớn hẳn lên. Anh Tiến cao hơn một chút. Còn anh chàng Phong thì vẫn nhanh-nhẹn như năm ngoái. Riêng Hùng, nước da đã đen thêm lại hay đùa-nghịch. Lâu ngày mới lại gặp nhau, thích quá!

PHÁT-ÂM.— Xuống sân — Tươi-cười — Nhanh-nhẹn.

GIẢI-NGHĨA.— Chợt: Bất thình-lình — Bồ: Tiếng gọi bạn thân — Kiếm: Đi tìm.

CÂU HỎI: *Dũng chợt nghe có tiếng gọi thế nào? — Dũng tươi-cười nhìn ai? — Các bạn đều có vẻ thế nào? — Lâu ngày mới gặp nhau, các em thấy thế nào?*

---

*TẬP ĐỌC VUI*

### BÉ ĐI HỌC

Bé còn nhớ buổi hôm nao . . .
Mỗi lần đi học, khóc vào, khóc ra
Bé thường oán-trách chị Nga
Bắt Bé viết mãi thật là mỏi tay,
Nhưng mà đến buổi hôm nay
Miệng đọc, tay viết, chữ này xinh-xinh
Bây giờ mẹ Bé hết khinh:
«Bé viết không nổi một hình cái cây»
Cô thường khen Bé học hay
Con Minh, con Yến phen này kém chưa?

THANH-ĐẠM

## MỌT VÀ TÒ - VÒ

Ngày xưa, con mọt và con tò-vò thường hay đánh đáo với nhau.

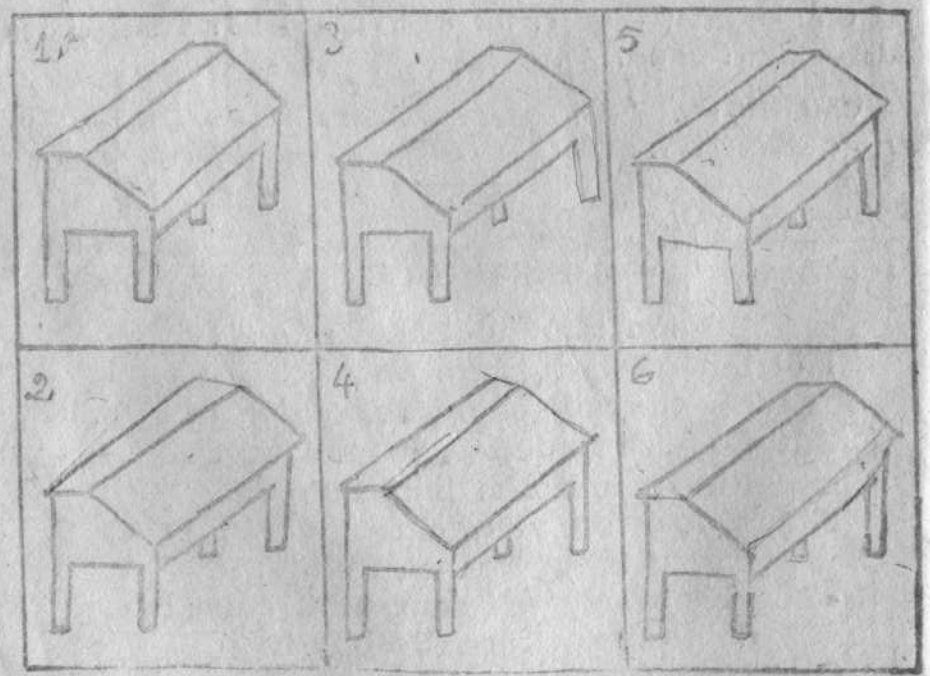
Mọt thua luôn, nợ tò-vò nhiều lắm. Tò-vò đòi nợ, Mọt cứ khất lần.

Nhưng kỳ thực, mọt không lấy đâu ra tiền mà trả. Tô-vò thúc-giục. Mọt không biết làm thế nào. Một hôm thấy tò-vò vừa đến ngõ, mọt chui tọt vào trong gỗ, không dám ra nữa. Tò-vò cứ đứng ngoài chờ đòi nợ.

Từ đó mọt cứ chui-rúc vào trong gỗ để trốn nợ. Còn tò-vò thường hay làm tổ ở kèo, cột phía ngoài để chực đòi nợ.

☆

TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN




*So với cái bàn số 1 thì những cái bàn kia còn thiếu những gì ?*
*Các em thử thêm vào xem.*

## TUẦN-LỄ THỨ 3

*NGỮ-VỰNG*

### I.— Các trò chơi

BÀI GIẢNG.— *Sân trường* trong *giờ chơi* thật là *ồn-ào* ! Chỗ này, mấy em trai đang bắn *bi (đạn)*, cưỡi *ngựa gỗ*. Chỗ kia các em gái *nhảy dây, chồng nụ*. Cảnh sân trường *vui-vẻ* quá ! Thầy-giáo thường bảo : « Chúng ta *chơi mà học* được nhiều điều có ích. »

HỌC TIẾNG.— 1) Sân trường ; Giờ chơi ; Bi ; Ngựa gỗ ; Dây.
2) Sân trường ồn-ào ; vui-vẻ.
3) Nhảy dây ; Chồng nụ.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Chơi mà học.*
— *Thay đổi không-khí.*

GIẢI-NGHĨA.— Ồn-ào : Nhiều tiếng cười nói ầm-ĩ — Chồng nụ : Tên một trò-chơi có hai em ngồi, xếp tay cao dần để những em khác nhảy qua. — Thay-đổi không-khí : Ngồi trong lớp lâu nóng-nực, ra chơi, học-sinh được chơi ở sân rộng, nhiều không-khí nên dễ chịu hơn.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Sân trường trong giờ chơi thế nào ? — Các em trai đang làm gì ? — Các em gái đang chơi gì ? — Cảnh sân trường lúc này thế nào ? — Thầy thường bảo các em thế nào ?*

☆

### II.— Các trò-chơi (t.t.)

BÀI GIẢNG.— Các em trai *chơi cướp cờ, rồng rắn*. Các em gái thích *nhảy vô, đánh chuyền*. Dưng ưa *đá cầu, bắn bi nhất*. Thỉnh-thoảng thầy còn dạy cho các em những *trò-chơi mới, lạ*.

HỌC TIẾNG.— 1) Trò-chơi rồng rắn ; Trò-chơi cướp cờ.
2) Trò-chơi mới, lạ.
3) Đá cầu ; Bắn bi ; Đánh chuyền *(đánh đũa)*.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Ở chọn nơi, chơi chọn bạn.*

*— Vui chơi, ca máa.*

GIẢI-NGHĨA.— Cầu : Đồ-chơi bằng lông gà của trẻ em, dùng để đá tung lên — Ở chọn nơi, chơi chọn bạn : Ở thì chọn nơi yên-lành, chơi thì chọn bạn tốt.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Em trai thích những trò-chơi gì ? — Các em gái ưa những trò-chơi gì ?— Dũng thích trò-chơi gì nhất ?— Thỉnh-thoảng thầy dạy cho các em những trò-chơi thế nào ?*

---

## TẬP LÀM VĂN

I.— Tập điền câu bằng những tiếng đã học ở bài ngữ-vựng :

*Trong giờ chơi (. . . . . ) thật là ồn-ào. Chỗ này mấy em trai cười (. . . . . ). Chỗ kia mấy em gái nhảy (. . . . . ). Các em nô-đùa (. . . . . ) lắm.*

BÀI SỬA.— Sân trường ; Ngựa gỗ ; Dây ; Vui-vẻ.

☆

II.— *Giữa giờ học có (. . . . . ) để trẻ em giải-trí. Học-sinh nô-đùa ở (. . . . ) Có nhiều thứ (. . . . . ) như : bắn bi, đánh chuyền v.v. Thỉnh-thoảng thầy lại dạy cho học-sinh những trò-chơi (. . . . . )*

BÀI SỬA.— Giờ chơi ; Sân trường ; Trò-chơi ; Mới lạ.

---

## TẬP VIẾT

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) *t — tí — ti.*

2) *t — tu — tu.*

## TẬP ĐỌC — Bạn học (*t.t.*)

Phong nháy mắt rồi nắm tay Dũng nói :

— « Lát nữa chúng mình xin thầy-giáo cho ngồi cạnh nhau chứ ? » Hùng hớn-hở tiếp :

« Tụi mình học-hành chăm-chỉ. Ai cũng được lên lớp Tư. Thích quá! » Dũng cùng các bạn nắm tay nhau đi quanh sân. Các em kể cho nhau nghe những chuyện vui trong dịp nghỉ hè. Phong khoe được đi tắm biển. Dũng và Hùng lên nghỉ mát ở miền núi.

PHÁT-ÂM.— Nháy mắt — Hớn-hở — Dịp.

GIẢI-NGHĨA.— Nháy mắt : Chớp mắt, ra hiệu bằng mí mắt — Hớn-hở : Lộ vẻ vui-mừng — Tụi mình : Bọn mình.

CÂU HỎI.— *Ai nắm tay Dũng ? — Dũng và các bạn được lên lớp mấy ? — Các em nắm tay nhau đi ở đâu ? — Các em kể cho nhau nghe những chuyện gì ?*

---

## CHÍNH-TẢ — I — Giờ chơi

Trong giờ ra chơi, sân trường thật là ồn-ào. Chỗ này mấy em trai cười ngựa gỗ, bắn bi. Chỗ kia, các em gái nhảy dây, chồng nụ, đánh chuyền. Học-sinh nô-đùa vui-vẻ quá !

GIẢI-NGHĨA.— Nhảy dây : Nhảy qua một sợi dây đang quay.— Đánh chuyền : đánh đũa, tung trái banh lên rồi nhặt đũa và đỡ trái banh.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

| | | |
|---|---|---|
| TR : | Trong giờ, Bên trong | — Cái chong chóng, Chong đèn |
| CH : | Chồng nụ, Chồng sách | — Trồng cây |
| V : | Chỗ này | — Van nài, Nài ngựa. |
| D : | Nhảy dây | — Phút giây — Rây bột. |

*H. T. L.*

## Giờ ra chơi

*Sân trường muôn sắc khoe tươi*
*Tiếng la, tiếng hét, tiếng cười, inh tai.*
*Chỗ này, mấy nhóm em trai*
*Cướp cờ, chạy đuổi, ngã xoài, reo vang.*
*Chỗ kia, em gái dịu-dàng*
*Cùng nhau họp lại nhẹ nhàng nhảy dây.*
*Trong sân luôn có các thầy*
*Mắt vui âu-yếm nhìn bầy trẻ-thơ.*

PHÁT-ÂM.— Inh tai — Ngã xoài — Dịu-dàng.

GIẢI-NGHĨA.— **Inh tai**: Làm vang tai lên — **Ngã xoài**: Ngã nằm lăn ra đất — **Âu-yếm**: Tỏ vẻ triu-mến, yêu-dấu.

CÂU HỎI: *Những tiếng gì làm inh tai? — Các em trai chơi gì? — Ai chơi nhảy dây? — Các thầy âu-yếm nhìn ai?*

---

*CHÍNH-TẢ*

## II.— Học-trò mới

Vừa vào đã học đến giờ ra chơi. Ba không biết làm gì nữa. Đứng đâu Ba cũng thấy lạ-lùng, bỡ-ngỡ. Nhìn các bạn cùng lớp chạy, nhảy mà Ba thèm quá! Ba ao-ước được nô-đùa như họ thì vui biết mấy!

*Theo VÂN-TRÌNH*

GIẢI-NGHĨA.— **Bỡ-ngỡ**: Chưa quen — **Thèm**: Mong-muốn.

**NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ:**

**GI**: **Làm gì, Cái gì — Dì cháu — Xanh rì, Rì-rầm.**

**C**: **Ao-ước, Ước-muốn — Mưa-rướt, Ướt-át.**

*TẬP ĐỌC*

## Thầy-giáo mới

Ba tiếng trống chợt nổi lên. Dũng và các bạn vội chạy lại xếp hàng trước cửa lớp Tư.

Thầy-giáo mới của Dũng đứng trên hiên. Người thầy cao và hơi gầy *(ốm)*. Da mặt thầy đen xạm vì rám nắng. Trên đầu thầy đã có nhiều tóc bạc. Chào cờ xong, thầy nói: « Các con vào lớp. » Tiếng của thầy to và rõ nên rất dễ nghe.

PHÁT-ÂM.— Chợt — Xếp hàng — Đen xạm.

GIẢI-NGHĨA.— **Nổi lên**: Vang lên — **Hiên**: Mái hè — **Tóc bạc**: Tóc màu trắng như bạc.

CÂU HỎI.— *Ba tiếng gì chợt nổi lên? — Dũng và ai chạy lại xếp hàng? — Thầy-giáo đứng ở đâu? — Tiếng của thầy thế nào?*

☆

*TẬP ĐỌC VUI*

## CỦA EM

**Của em là quyển sách vàng**
**Em bao giấy đỏ, trông càng thêm xinh**
**Mở ra, ôi biết bao hình,**
**Trên trang giấy trắng đượm tình thơ-ngây!**
**Của em là quản bút cây**
**Nâng lên em viết mê-say mấy dòng.**
**Mực đen, giấy trắng vẽ vòng**
**Tâm-tình em gởi giữa lòng giấy thơm...**
**Của em còn một cục « gôm »**
**Em bôi, em cạo, sạch trơn cả ngày**
**Em yêu, em quý lắm thay!**
**Những gì cha mẹ cùng thầy cho em.**

HUỲNH-TRÂN

## THI TÀI

Một hôm cóc gặp voi đánh đố voi rằng :

— « Tôi với anh, thi tài xem nào ! »

Voi mắng :

— « Thi cái cóc gì mày, chớ nói mà dơ tai ! »

Cóc bảo :

— « Anh đừng cậy anh to mà khinh tôi... Này bây giờ trời đang nắng, tôi thách anh kêu sao cho trời phải đổ mưa xuống nào ! »

Voi nói :

— « Trời cao xa, làm gì được ! »

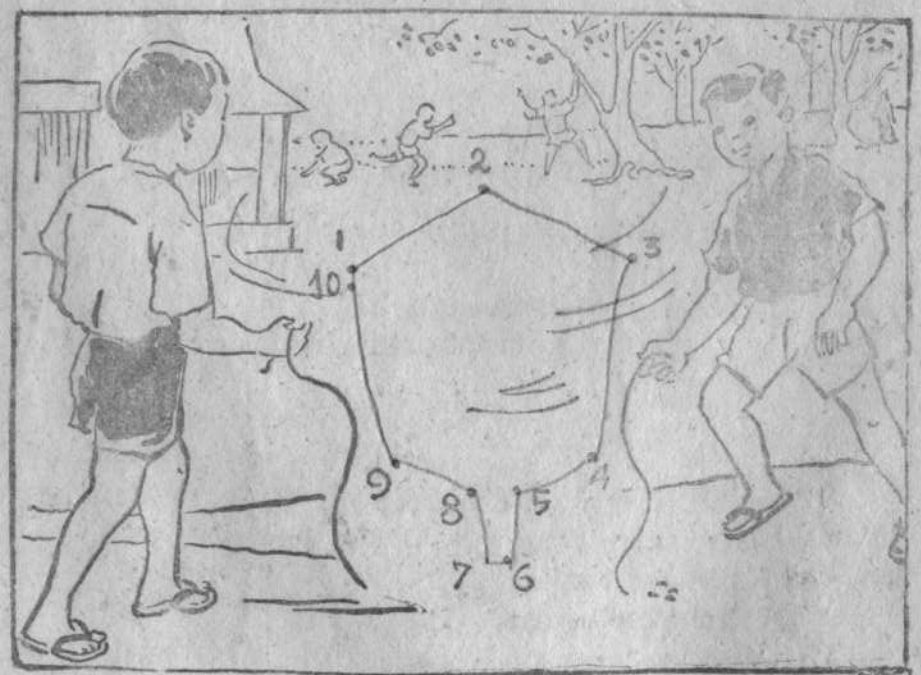
Cóc lên giọng :

— « Ừ, thì để tôi làm cho anh xem. »

Rồi cóc chép miệng, nghiến răng kèn-kẹt một chốc quả-nhiên có trận mưa rào.

☆

*TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN*




*Hai em này chơi gì thế ? Hãy nối từ số 1 đến số 10 sẽ rõ.*

## TUẦN-LỄ THỨ 4

*NGỮ-VỰNG*

### I. Đối với thầy

BÀI GIẢNG.— Dũng là học-sinh *ngoan-ngoãn, chăm-chỉ* và có *kỷ-luật*. Em *kính-trọng* các thầy, các cô và *vâng lời* ông hiệu-trưởng. Em *biết ơn* những người đã dạy-bảo em. *Tình thầy-trò* thật là thắm-thiết.

HỌC TIẾNG.— 1) Tình thầy-trò ; Kỷ-luật.
2) Học-sinh ngoan-ngoãn ; chăm-chỉ.
3) Kính-trọng thầy ; Vâng lời thầy ; Biết ơn thầy.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Trọng thầy mới được làm thầy.*
— *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.*

GIẢI-NGHĨA.— Kỷ-luật : Phép-tắc của nhà-trường mà học-sinh phải ân theo như : không nói tục, không đánh nhau, không nói chuyện trong p v.v... — Kính-trọng : Qui-trọng người trên — Ăn quả nhớ kẻ trồng y : Khi ăn quả, ta phải nhớ đến công-ơn người đã trồng nên cây đó. bị ta học thành tài phải nhớ công-ơn thầy dạy-dỗ.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Dũng là học-sinh thế nào ? — Ở trường em ính-trọng ai ? — Em vâng lời ai ? — Ai đã có công dạy-dỗ em ? — Tình ầy-trò như thế nào ?*

☆

### II. Đối với bạn

BÀI GIẢNG.— Dũng hết lòng *giúp-đỡ bạn-bè*. Ai thiếu *đồ-dùng* là *cho mượn* ngay. Dũng chỉ chơi với bạn *tốt*, *xa-lánh* những bạn *xấu*. Ba Dũng thường dặn : « Con phải *chọn bạn mà chơi* nhé ! »

HỌC TIẾNG.— 1) Bạn-bè ; Đồ-dùng — 2) Bạn tốt ; xấu.
3) Giúp đỡ bạn-bè ; Cho mượn ; Xa-lánh.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Chọn bạn mà chơi,*

— *Kính thầy, yêu bạn.*

GIẢI - NGHĨA.— Xa-lánh : Tránh xa, không chơi với. Chọn bạn mà chơi : Chọn người tốt mà chơi, không chơi với người xấu. Kính thầy, yêu bạn : Kính-trọng thầy, yêu-mến bạn, đó là bổn-phận của một người học-trò tốt.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Dũng hết lòng giúp-đỡ ai ? — Thấy bạn thiếu đồ - dùng thì Dũng làm thế nào ? — Dũng chỉ chơi với ai ? — Ba Dũng thường dặn thế nào ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

Tập điền câu bằng những tiếng đã học ở bài ngữ-vựng.

I — *Dũng là một học-sinh (. . . . .) và (. . . . . .) Em (. . . . .) các thầy, các cô. Em (. . . . .) những người đã dạy-dỗ em.*

BÀI SỬA.— Ngoan-ngoãn ; Chăm-chỉ ; Kính-trọng ; Biết ơn.

☆

II.— *(. . . . . .) là người hiểu-biết hơn ta. Thầy (. . . . . .) ta điều gì là mong cho ta hay. Thầy khuyên ta nên chọn (. . . . . .) mà chơi. Ta nên (. . . . . .) những người bạn xấu.*

BÀI SỬA.— Thầy-giáo (cô giáo) ; Dạy-bảo ; Bạn ; Xa-lánh.

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1. *n — nụ, ni.*
2. *n — nút, nịt.*

## *TẬP ĐỌC*

# Lời thầy

Hùng, Văn, Phong và Dũng lại được ngồi cùng một bàn. Thầy-giáo ra lệnh cho cả lớp ngồi im. Rồi thầy mỉm cười, thong-thả nói :

— « Trước khi bắt đầu học-tập, các con nên ghi-nhớ vài lời thầy dặn-bảo. Các con đều là học-sinh. Các con nên tỏ ra ngoan-ngoãn và có lễ-phép. Khi gặp ông hiệu-trưởng, các thầy, các cô thì các con nên cúi đầu chào. Ra đường, nhớ đi về bên tay mặt... »

PHÁT-ÂM.— Ra lệnh — Dặn-bảo — Lễ-phép.

GIẢI-NGHĨA.— Ra lệnh : Bảo cho người dưới biết điều gì — Mỉm cười : cười hơi hé miệng. Tay mặt : Tay phải.

CÂU HỎI. — *Dũng ngồi cùng bàn với ai ? — Thầy ra lệnh cho cả lớp ngồi như thế nào ? — Học trò phải làm gì khi gặp ông hiệu-trưởng ? — Ra đường các em phải đi về bên nào ?*

---

## *CHÍNH-TẢ*

### I. Thầy-trò ngày xưa

Ngày xưa, học-trò dù đã làm quan to, khi đến thăm thầy, vẫn phải có lễ-phép. Có người vui-vẻ châm đóm, rót nước mời thầy. Họ hầu thầy chẳng khác gì ngày còn đi học. Ai làm điều lỗi là thầy gọi đến, trách mắng ngay.

GIẢI - NGHĨA.— Đóm : Nứa, tre, gỗ chẻ mỏng để châm lửa — Trách : Bắt lỗi, mắng.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

X : Ngày xưa, Xưa nay — Say-sưa
CH : Châm đóm, Châm-chọc — Trâm cài đầu
G : Mắng-mỏ — Mau-mắn

*H. T. L.*

## Yêu thầy

*Sau vài hôm bệnh, sáng nay*
*Thầy em trông dáng đã gầy, lại xanh.*
*Còn đâu giọng nói thanh-thanh*
*Bước đi chậm-chạp, hết nhanh nhẹn nhiều.*
*Thấy thầy mệt-nhọc bao nhiêu*
*Em càng thương-mến, càng yêu-quý thầy.*
*Dặn lòng nhất-quyết từ nay*
*Vâng lời, ngoan-ngoãn cho thầy vui luôn.*

PHÁT-ÂM.— Dũng — Giọng nói — Chậm-chạp.

GIẢI-NGHĨA.— Dáng : Vẻ người, cách đi đứng — Thanh-thanh : Trong-trẻo — Nhất-quyết : Nhất-định làm, quyết hẳn.

CÂU HỎI.— *Từ mấy hôm nay ai bị bệnh ? — Thấy em đã gầy lại thế nào ? — Thầy bước đi nhanh-nhẹn hay chậm-chạp ? — Em làm gì cho thầy vui lòng ?*

---

*CHÍNH-TẢ* II. Tình bạn

Trong lớp, Hùng, Phong và Dũng được ngồi cùng một bàn. Các em ít khi rời xa nhau. Ra chơi, Dũng thường cùng các bạn đi quanh sân. Các em kể cho nhau nghe những câu chuyện vui của mình.

GIẢI - NGHĨA.— Rời : Không dính với nhau, cách xa nhau.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

R : Rời ra — Dời nhà — Mặt giời (mặt-trời)
X : Xa nhau, Đường xa — Sa-mạc, Chim sa (rớt)
CH : Nói chuyện — Truyện cổ-tích.



*TẬP ĐỌC*

## Bổn-phận học-trò

Thầy nói tiếp : « Đến trường chăm-chỉ, cố-gắng học-hành. Bài học nào cũng học thuộc, bài làm nào cũng làm đầy-đủ. Nhớ giữ vệ-sinh chung trong lớp học, ngoài sân trường » ... Thầy còn khuyên học-sinh hết-lòng thương-mến, giúp-đỡ lẫn nhau. Tiếng nói của thầy dịu-dàng, trìu-mến như tiếng người cha khuyên-bảo các con... Dũng và các bạn chăm-chú lắng tai nghe lời thầy.

PHÁT-ÂM.— Chăm-chỉ — Vệ-sinh — Giúp-đỡ.

GIẢI-NGHĨA.— Chăm-chỉ : Siêng-năng, không lười-biếng — Vệ-sinh : Phép giữ-gìn sức-khỏe — Dịu-dàng : Mềm-mỏng, êm-đềm — Trìu-mến : Đầy vẻ thân-yêu.

CÂU HỎI.— *Học-sinh phải cố-gắng làm gì ? — Các em phải giữ vệ-sinh ở đâu ? — Ai khuyên các em nên giúp-đỡ lẫn nhau ? — Tiếng nói của thầy như tiếng ai ?*

☆

*TẬP ĐỌC VUI*

### CÔ GIÁO MỚI

Trường em có cô giáo mới,
Cô vừa đôi đến sáng nay
Mừng vui, chúng em chạy tới
Cả trường, ai nấy đều hay...
Trông cô hãy còn ít tuổi
Độ chừng mười chín, đôi mươi,
Mắt hiền chỉ nhìn không nói,
Trên môi thoáng điểm nụ cười.
Thấy cô, em thầm ao-ước :
« Ngày kia mình sẽ thế này »
Thế rồi em nhìn sau, trước,
Chỉ lo các bạn đều hay...

BÉ LOAN

## NGƯỜI HÓA KIẾN

Xưa có người nghèo-đói phải đi xin ăn. Một quá, một đêm anh ngủ gục bên lề đường. Đang lúc nửa mê, nửa tỉnh, anh ta thấy trước mặt một hòn núi vàng. Bỗng có tiếng gọi:

— «Thấy nhà-ngươi khổ-sở, ta cho nhà-ngươi nhưng lúc giàu nên thương kẻ nghèo»

Từ đó người ăn xin trở nên giàu-có nhưng vẫn giữ cái tính độc-ác cũ.

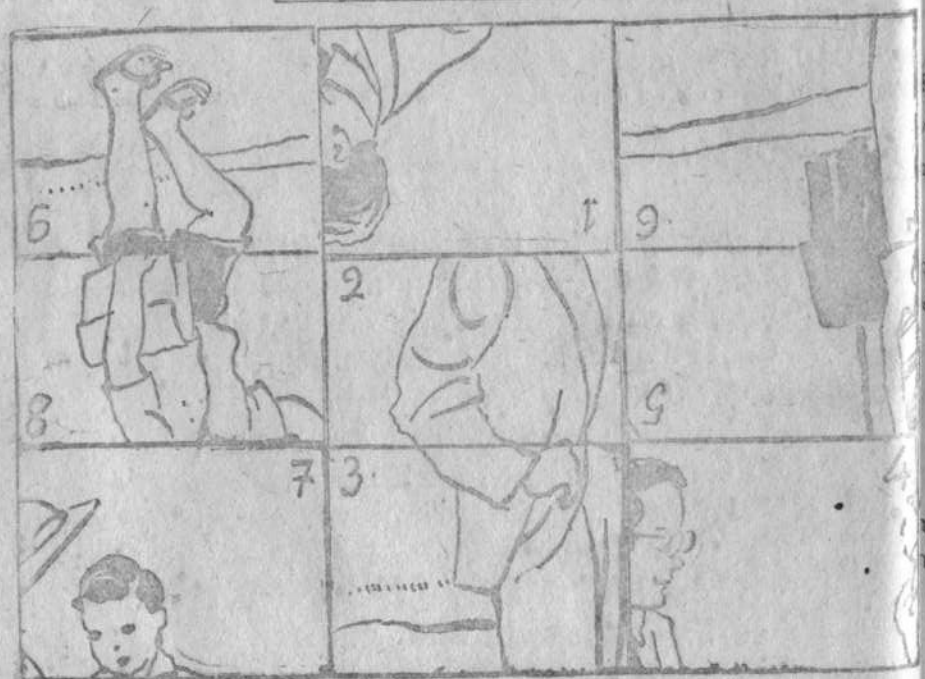
Một hôm có người đến xin. Anh ta xua chó đuổi cắn. Liền đó trên mây có tiếng nói xuống:

— «Ngày trước ta đã giúp nhà-ngươi giàu-có. Sao nhà-ngươi không giữ lời hứa với ta!».

Nói xong, một tiếng nổ dữ-dội làm anh nhà giàu ấy hóa thân thành con kiến bé tí-ti...

☆

TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN




*Tranh gì đây ? Muốn biết em hãy dùng giấy bóng phóng ra, lấy kéo cắt thành 9 miếng rồi xếp lại theo thứ-tự số 1.*

# TUẦN-LỄ THỨ 5

## *NGỮ-VỰNG*

### I. Thân-thể

BÀI GIẢNG.— Thân-thể người ta gồm có : *đầu, mình* và *tứ-chi*. Đằng trước mình có *ngực* và *bụng*. Phía sau là *lưng*. Người năng *luyện-tập* thân-thể thì *ngực nở, bụng thon*, trông rất *khoẻ-mạnh*.

HỌC TIẾNG.— 1) Đầu ; Mình ; Tứ-chi ; Bụng ; Lưng.

2) Thân-thể khoẻ-mạnh.

3) Luyện-tập thân-thể.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Lưng cánh phản*

— *Ngực nở, bụng thon.*

GIẢI-NGHĨA.— Tứ-chi : Hai tay và hai chân — Khoẻ-mạnh : Không ốm-đau — Lưng cánh phản : Lưng to bằng cánh phản tức tấm ván lớn để nằm — Ngực nở, bụng thon : Ngực to, bụng nhỏ tỏ ra là người khoẻ-mạnh.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Thân-thể người ta gồm những gì ? — Trước mình là gì ? — Lưng ở phía nào ? — Người năng luyện-tập thân-thể thì ngực và bụng thế nào ?*

☆

### II. Đầu

BÀI GIẢNG.— Sau *đầu* là *sọ* và *gáy*. Trong sọ có óc. Phía trên mặt là *trán*. Tóc các cụ già thường bạc trắng. Khi bằng lòng điều gì ta *gật đầu*. Nếu không thì ta *lắc đầu*. Khi sợ, ta thấy *dựng tóc gáy*.

HỌC TIẾNG.— 1) Đầu ; Sọ ; Óc ; Gáy (*ót*).

2) Tóc bạc.

3) Lắc đầu ; Gật đầu.

**CA-DAO, THÀNH-NGỮ :**

*— Đầu xuôi, đuôi lọt*

*— Dựng tóc gáy.*

GIẢI - NGHĨA.— Bạc : Trắng — Đầu xuôi đuôi lọt : Đầu mà chu qua được thì đuôi cũng qua được — Dựng tóc gáy : Khi sợ, tóc ở gá *(ót)* dựng đứng lên.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Sau đầu là gì ? — Khi ta sợ thì tóc ở gá thế nào ? — Ta làm thế nào để tỏ ra là bằng lòng ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Điền vào chỗ trống bằng những tiếng đã học ở ngữ-vựng**

I.— *Trong giờ quan-sát, thầy chỉ cho học-sinh biết ( . . . . ) người gồm có đầu, mình và ( . . . . ) Đằng trước mình có ( . . . . ) và ( . . . Phía sau mình là ( . . . . )*

BÀI SỬA.— Thân-thể ; Tứ-chi : Ngực ; Bụng ; Lưng.

☆

II.— *Phía sau đầu là ( . . . . ) và ( . . . . ) Trên đầu có ( . . . . ) P trên mặt là ( . . . . ), Các cụ già thường có tóc ( . . . . ) trắng.*

BÀI SỬA.— Sọ ; Gáy *(ót)* ; Tóc ; Trán ; Bạc

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) *m — mịt-mù.*

2) *m — mûm-mĩm.*



## *TẬP ĐỌC* Anh trưởng-lớp

Anh Tiến là học-sinh lớn nhất lớp. Khi xếp hàng, bao giờ anh cũng đứng cuối cùng. Không có ai cao bằng Tiến. Tóc anh được chải rất gọn. Anh có đôi tai vểnh và cái mũi hơi to. Các bạn gọi đùa là « mũi lân ». Khi cười, anh để lộ hàm răng khấp-khểnh, trông rất ngộ. Cặp mắt của Tiến tròn và to, lúc nào cũng mở rộng.

PHÁT-ÂM.— Xếp-hàng — Tai vểnh — Khấp-khểnh.

GIẢI-NGHĨA.— Cuối cùng : Sau chót — Tai vểnh : Tai chìa ra — Khấp-khểnh : Gồ-ghề, không đều — Ngộ : Lạ, khác thường, ở đây là đẹp.

CÂU HỎI.— *Ai là học-sinh lớn nhất lớp ? — Khi xếp hàng, Tiến đứng ở đâu ? Tiến có đôi tai thế nào ? — Mũi anh Tiến to hay nhỏ ?*

---

## *CHÍNH-TẢ* I.— Tập thể-dục

**Sáng nào chú Tư cũng dậy sớm, tập thể-dục. Tập xong, mồ hôi chảy nhễ-nhại. Chú đứng trước gương, ngắm tấm lưng cánh phản và bộ ngực nở-nang. Chú nắm chặt tay lại. Những bắp thịt nổi lên cuồn-cuộn.**

GIẢI-NGHĨA.— Mồ-hôi nhễ-nhại : Mồ-hôi chảy ra nhiều lắm, Cuồn-cuộn : Hết lớp này đến lớp khác.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

X : Tập xong, Xong việc — Song cửa, Song-le.

TR : Trước gương, Đằng trước — Bắt-chước, Mưu-chước.

G : Nở-nang — Nan quạt, Nguy-nan.

*H. T. L.*

## Chú em

*Chú em là một nông-dân*
*Vóc người cao-lớn, tay chân hồng-hào.*
*Mái đầu, tóc hớt thật cao*
*Làn mi rậm, mắt như sao sáng ngời.*
*Mỗi lần chú ghé lại chơi*
*Chú thường kể chuyện ở nơi ruộng-đồng*
*Rằng: «Người làm ruộng, phần đông*
*Suốt ngày vận-động nên không ốm-gầy.»*

PHÁT-ÂM.— Hồng-hào — Hớt — Sáng ngời.

GIẢI-NGHĨA.— Nông-dân: Người làm ruộng — Vóc người: Thân người — Sáng ngời: Sáng lắm — Ghé lại: Tạt vào, rẽ vào.

CÂU HỎI.— *Ai là một nông-dân? — Vóc người chú cao hay thấp? — Mắt chú sáng như gì? — Chú thường kể chuyện ở nơi nào?*

---

*CHÍNH-TẢ*

## II.— EM BÉ

Em bé trông thật là xinh. Đầu em tròn, lơ-thơ mấy sợi tóc vàng mượt. Mắt em sáng long-lanh. Mũi em cao và gọn. Em bé rất hay cười. Suốt ngày em không quấy mẹ. Ai trông thấy em cũng muốn bế.

GIẢI-NGHĨA.— Xinh: Dễ coi, ưa nhìn — Lơ-thơ: Thưa-thớt, không rậm.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ:

X: Xinh-đẹp — Sinh ra, Sinh-đẻ.
Y: Suốt ngày — Thưa ngài, Con ngài
S: Sáng-suốt, Trong suốt.



*TẬP ĐỌC*

## Anh Tiến

Anh Tiến có cặp đùi to và đôi cánh tay chắc nịch. Ở nhà, anh vẫn làm việc giúp-đỡ cha mẹ. Tiến không xinh-đẹp như các bạn. Nhưng Tiến là một học-sinh tốt bụng và thẳng-thắn hơn cả.

Một hôm, trong giờ chơi, Tiến lỡ tay làm gẫy một cành hoa ở trước hiên. Tuy không ai biết, nhưng Tiến vẫn vào thú-lỗi với thầy.

PHÁT-ÂM.— Chắc nịch — Xinh-đẹp — Thẳng-thắn.

GIẢI-NGHĨA.— Chắc nịch: Vững chắc lắm — Tốt bụng: Có lòng tốt — Thẳng-thắn: Tính-tình ngay-thật — Thú-lỗi: Nhận lỗi.

CÂU HỎI.— *Anh Tiến có đôi cánh tay thế nào? — Ở nhà, Tiến giúp-đỡ ai? — Tiến làm gẫy cành gì? — Tiến thú-lỗi với ai?*

☆

*TẬP ĐỌC VUI*

### THẸN-THÙNG

**Khi hôm mải miết vui chơi**
**Sáng ra thức dậy, mặt-trời đã cao.**
**Mặt-trời ác nghiệt làm sao.**
**Cứ gieo ánh nắng chói vào mắt em.**
**Lạ chưa! Hai mắt thức đêm**
**Gay-gay, nhấp-nháy lại thèm ngủ ghê**
**Ô kìa! Gió bĩu môi chê**
**«Lêu lêu . . . cô bé tóc thề . . . lêu lêu . . .»**
**Việc gì mặt ủ, mày nheo?**
**Việc gì trông dáng buồn thiu thế này**
**Thôi thôi . . . Em quyết từ rày**
**Giữ-gìn điều-độ, cho thầy mẹ yêu.**

## TÌNH THẦY-TRÒ

Ông Nguyễn-đức-Đạt, người Nghệ-an thi đỗ và làm tuần phủ Hưng-yên. Ông để mất của kho hơn vạn quan tiền. Triều-đình bắt ông phải thường cho đủ số, không thì sẽ bị tội. Ông đang buồn-rầu thì có những người lạ đến nói rằng :

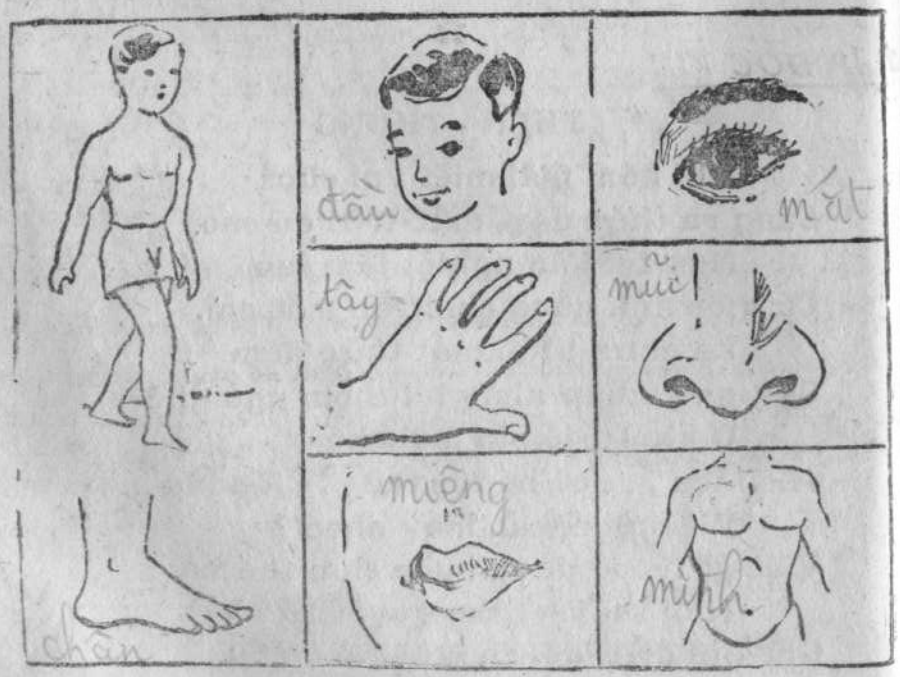
— « Chúng con là học-trò của thầy trước. Nay nghe tin thầy mắc nạn, chúng con chung góp để giúp thầy. Ơn thầy nặng không thể trả hết được».

Thấy học-trò nài-nỉ mãi, ông cảm-động, nói :

— « Các anh có nghĩa với thầy. Vậy thầy xin cám-ơn tất cả. Cử-chỉ trung-hậu của các anh sẽ là một bài học quý-giá cho người mai sau ».

☆

TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN




*Em hãy viết tên dưới mỗi hình vẽ rồi tô màu cho đẹp*

## TUẦN-LỄ THỨ 6

### *NGỮ-VỰNG* Mắt, mũi

BÀI GIẢNG.— Bé Hồng có đôi mắt rất *đẹp*. Những chiếc *lông mi dài* và *cong*. Giữa *lòng đen* là *con ngươi* màu hơi nâu. *Sống mũi* của bé dài và cao. Bé Hồng không lấy tay *dụi mắt*. Bé dùng khăn sạch để *hỉ mũi*.

HỌC TIẾNG.— 1) Lông mi *(lông nheo)* ; Lòng *(tròng)* đen ; Con ngươi ; Sống mũi ; Lỗ mũi.
2) Lông mi dài ; Cong.
3) Dụi mắt ; Hỉ mũi.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Mắt trước, mắt sau*

— *Thò-lò mũi xanh.*

GIẢI-NGHĨA.— Dụi mắt : Đưa tay lên ấn vào mắt cho đỡ ngứa.— Hỉ mũi : Xì mũi.— Mắt trước, mắt sau : Chỉ người nhát, sợ-sệt người có ý gian hay nhìn trộm. — Thò-lò mũi xanh : Để nước mũi chảy ra ngoài mũi thành hai vệt xanh, trông rất dơ-bẩn.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Bé Hồng có đôi mắt thế nào ? — Giữa lòng đen là gì ? — Sống mũi của bé thế nào ? — Bé dùng khăn sạch để làm gì ?*

☆

### II.— Mồm, tai

BÀI GIẢNG.— *Trong* miệng *có* răng *và* lưỡi. *Ngoài là cặp* môi đỏ. *Người già rụng hết răng thì mồm bị* móm. *Tai có* vành tai, lỗ tai. *Khi ăn, ta phải* nhai *cho kỹ. Dùng que cứng ngoáy tai dễ bị* điếc.

HỌC TIẾNG.— 1) Miệng ; Răng , Lưỡi ; Môi ; Vành tai ; Lỗ tai.
2) Mồm móm.
3) Nhai ; Ngoáy tai.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Ăn phải nhai nói, phải nghĩ.*

*— Tai to, mặt lớn.*

GIẢI-NGHĨA.— Móm móm : Răng rụng hết nên mồm bị hóp lại— Ăn phải nhai, nói phải nghĩ : Câu này khuyên ta mỗi khi nói điều gì phải suy-nghĩ thật kỹ cũng như ăn thì phải nhai mới nuốt được.— Tai to, mặt lớn : Chỉ người thông-minh hay người làm lớn.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Trong miệng có gì ? — Bên ngoài miệng là gì ? Răng rụng thì mồm bị thế nào ? — Tai gồm có những gì ?— Khi ăn, em phải làm thế nào ? — Ta không nên dùng que cứng để làm gì ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Điền vào chỗ trống bằng những tiếng đã học ở ngữ-vựng.**

*I.— Chúng ta có ( . . . . . ) để trông, có ( . . . . . ) để thở. Trong mắt có lòng đen và ( . . . . . ). Tay bẩn không nên ( . . . . . ) mắt. Ta phải dùng khăn tay sạch để ( . . . . . ) mũi.*

BÀI SỬA.— Mắt ; Mũi ; Con ngươi ; Dụi ; Hi.

☆

*II.— Trong ( . . . . . ) có răng và ( . . . . . ). Vì răng rụng hết nên mồm các cụ già bị ( . . . . . ). Khi ăn, ta phải ( . . . . . ) cho kỹ. Muốn khỏi bị điếc, không nên dùng que cứng để ( . . . . . ) tai.*

BÀI SỬA.— Miệng , Lưỡi ; Móm ; Nhai ; Ngoáy.

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) *v — vi - vu.*

1) *v — vùn - vụt.*

## *TẬP ĐỌC* — Bạn Phong

Trái với Tiến, Phong là một học-sinh nhỏ bé nhất lớp. Trán Phong cao, đầy vẻ thông-minh. Đôi mắt Phong tròn và sáng, tỏ ra rất nhanh-nhẹn. Anh chàng lại thích để dành tiền. Có lần Phong khoe với Dũng : « Mỗi sáng, má cho Phong một đồng ăn quà. Bữa nào không đói, Phong cho tiền vào bụng con heo đất. Bụng heo gần đầy rồi ! »

PHÁT-ÂM.— Trán cao — Mắt sáng.

GIẢI-NGHĨA.— **Thông-minh** : Sáng-suốt, chóng hiểu-biết — **Để dành** : Để lại một nơi rồi sau sẽ dùng — **Heo đất** : Heo làm bằng đất dùng để đựng tiền để dành.

CÂU HỎI.— *Ai là học-sinh nhỏ bé nhất lớp ? — Trán Phong cao hay thấp ? — Phong có đôi mắt thế nào ? — Phong bỏ tiền vào đâu để dành ?*

---

## *CHÍNH-TẢ* — I.— Người mù

Sáng nay đi học về, Dũng gặp một người mù. Mắt họ mở to nhưng lòng đen đục lờ. Họ không trông thấy gì. Họ phải dùng gậy để dò lối đi. Đến ngã-tư, họ dừng lại, chưa dám sang. Dũng vội chạy đến đắt người mù qua đường...

GIẢI-NGHĨA.— Đục lờ : Mờ, không trong sáng — Dò : Thăm trước cho biết nông hay sâu, gần hay xa.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

D : Dùng gậy ; Đồ-dùng — Rừng mình , Rùng-rợn.
D : Dò lối đi ; Dò bước — Giò chả ; Bánh giò — Nỗi rò.
~ : Ngã-tư ; Té ngã — Ngả lưng ; Nghiêng-ngả.
D : Dắt người mù — Giắt răng.

*H. T. L.*

## Người mù

*Người mù ngày cũng như đêm*
*Vuông, tròn chẳng biết, trắng đen không rành.*
*Người thân-thuộc ở bên mình*
*Buồn thay ! chẳng rõ dáng-hình ra sao ?*
*Non xanh, biển rộng, trời cao*
*Chỉ nghe mà chẳng khi nào được coi.*
*— Vậy chi quý nhất ở đời*
*Phải chăng đôi mắt sáng ngời, hỡ em ?*

PHÁT-ÂM.— Rành — Dáng-hình — Sáng ngời.

GIẢI-NGHĨA.— **Rành** : Biết rõ — **Thân-thuộc** : Họ-hàng — **Non** : Núi — **Phải chăng** : Có đúng thế không ?

CÂU HỎI.— *Đối với ai ngày cũng như đêm ? — Người mù không thấy những gì ? — Họ chỉ có thể biết mọi vật bằng cách nào ? — Vậy cái chi quý nhất ở đời ?*

---

*CHÍNH TẢ*

## II.— Anh Tâm

**Anh Tâm là học-trò mới. Khuôn mặt anh tròn, da trắng hồng. Đôi má bầu-bĩnh. Mũi Tâm cao và gọn. Ai cũng khen Tâm có cái mũi đẹp. Nó thẳng và thon như dọc dừa. Khi Tâm cười, lỗ mũi hơi hếch lên, trông thật xinh.**

GIẢI-NGHĨA.— **Thon** : Nhỏ vút đầu lại — **Hếch** : Xếch lên, hở ra — **Xinh** : Đẹp, đáng yêu.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

O : Cao thấp, giá cao — Cây cau, Câu mày
D : Dọc dừa, ngang dọc — Rọc giấy.
T : Mặt-mũi, Mặt bàn — Mặc áo, Mặc-kệ.
**X : Xinh-đẹp, Xinh-xắn. — Sinh-đẻ, Sinh-kế.**

*TẬP ĐỌC*

## Người bạn mới

Lớp Dũng có thêm một cậu học-trò mới. Khuôn mặt anh ta tròn, da trắng hồng. Đôi má bầu-bĩnh. Mũi thẳng như dọc dừa. Miệng nhỏ có hai hàm răng trắng và đều. Anh có vẻ hiền-lành lắm. Hôm mới vào học, anh ta bỡ-ngỡ, lo-lắng. Dũng hỏi người bạn mới : « Tên cậu là gì ? » — « Tên tôi là Tâm ». Thế rồi hai em cười thân-mật với nhau ngay.

PHÁT-ÂM.— Khuôn mặt — Dọc dừa — Lo-lắng.

GIẢI-NGHĨA.— **Bầu-bĩnh** : Đầy-đà, tròn-trĩnh— **Hiền-lành** : Không nghịch-ngợm, có tính tốt.

CÂU HỎI.— *Lớp Dũng có thêm ai ? — Cậu học-trò mới tên là gì ? — Mũi Tâm giống như cái gì ? — Miệng Tâm nhỏ hay lớn ?*

☆

*TẬP ĐỌC VUI*

## XẾP HẠNG CAO

**Trống trường vừa mới điểm xong**
**Em ôm cặp sách trong lòng, vui sao !**
**Tháng này được xếp hạng cao,**
**Điều mà ba má ước-ao lâu rồi.**
**Bước đi, em thấy bồi-hồi,**
**Chắc ba sẽ bảo « Con tôi nhất nhà ! »**
**Mai đây má lại cho quà**
**Thưởng em còn nhỏ nhưng mà giỏi-giang,**
**Rồi em cất tiếng cười vang**
**Xin cùng ba má về làng thăm ông.**
**Nghĩ thêm vui-sướng trong lòng**
**Quyết từ nay cứ cố công học-hành.**

BÉ VÂN

## TRẸO QUAI HÀM

Lân là học trò lười-biếng lại hay bắt-nạt những bạn nghèo-khổ. Một hôm thầy đau nặng, các trò khác đến thăm, Lân cười chế-nhạo :

— Thầy có chết thì ta học thầy khác, cần gì !

Nghẹ Lân nói, một con chim trên cành mắng :

— « Đồ bạc nghĩa ! Đồ bạc nghĩa. »

Lân tức giận đuổi bắt con chim. Vì bị rượt lâu, chim mệt, té xuống đất bị Lân bắt. Chim nói :

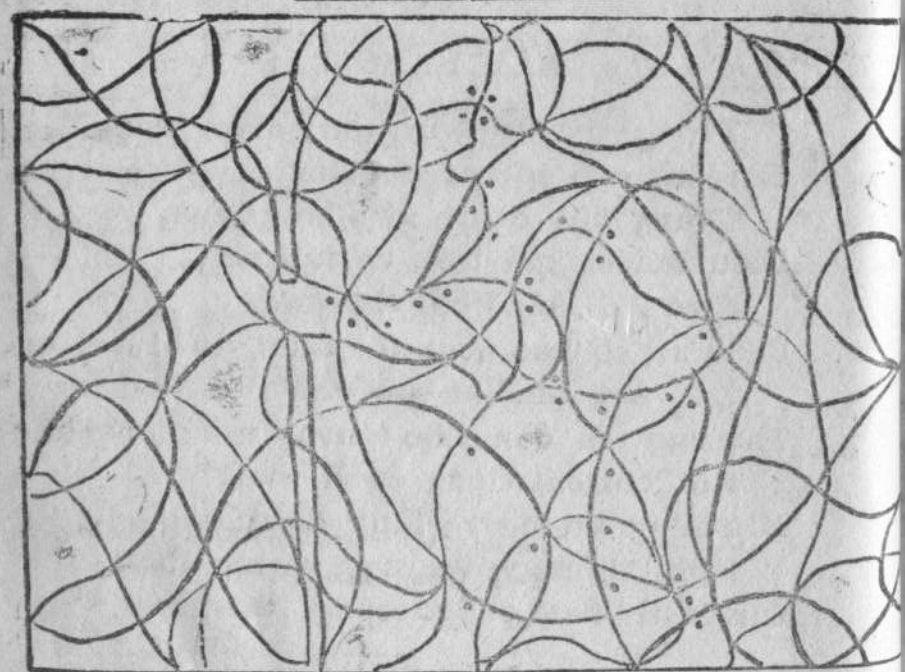
— « Ngươi là đứa vô ân, bạc nghĩa, sau này không làm nên việc gì đâu ! »

Lân càng tức-giận, nghiến răng bóp chết con chim. Rủi thay vì nghiến răng mạnh quá bị trẹo quai hàm. Từ đó Lân bị méo mồm trông rất xấu !

*(Kẻ bạc nghĩa thường gặp điều không hay.)*

★

*TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN*



*Hình gì đây ? — Các em tô màu đỏ vào những chỗ có chấm đen se*

# TUẦN-LỄ THỨ 7

*NGỮ-VỰNG*

## I. Đánh răng, rửa mặt

BÀI GIẢNG.— Dũng đánh răng bằng *bàn chải* và *thuốc*. Dũng rửa mặt trong *chậu* đầy nước rồi dùng *khăn mặt* lau thật sạch. Ăn cơm xong, em xỉa răng bằng *tăm* tre nên răng rất *trắng*.

HỌC TIẾNG.— 1) Bàn chải ; Thuốc ; Chậu ; Khăn mặt ; Tăm.
2) Răng trắng.
3) Rửa mặt ; Lau mặt ; Xỉa răng.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Cái răng cái tóc là góc con người.*
— *Rửa như mèo rửa mặt.*

GIẢI-NGHĨA.— Cái răng, cái tóc là góc con người : Răng và tóc là một phần của con người, làm cho người ta đẹp thêm— Rửa như mèo rửa mặt : Rửa mặt không sạch như mèo liếm.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Dũng đánh răng bằng gì ? — Em rửa mặt ở đâu ? — Em lau mặt bằng gì ? — Em làm gì bằng tăm ? — Răng của Dũng thế nào ?*

☆

## II. Tắm, chải tóc

BÀI GIẢNG.— Dũng vào *phòng tắm*. Ở đó có sẵn *nước, xà phòng, khăn tắm*... Dũng gội đầu bằng *chanh*. Tắm xong, Dũng đứng trước *gương*, lấy *lược chải* tóc. Bây giờ tóc của em *mượt* chứ không *rối* như trước.

HỌC TIẾNG.— 1) Phòng tắm ; Nước ; Xà-phòng *(xà-bông)* ; Khăn tắm ; Chanh ; Lược ; Gương.
2) Tóc mượt, rối.
3) Chải tóc ; Tắm.

CA - DAO, THÀNH - NGỮ .

*— Ta về ta tắm ao ta.*

*— Hai thứ tóc trên đầu.*

GIẢI - NGHĨA.— **Rối** : Xoắn vào nhau, không có thứ-tự — **Mượt**: Bóng — **Ta về ta tắm ao ta** : Tắm ở ao của nhà đã quen không sợ chết đuối. Câu này khuyên ta nên yêu-quý những cái gì của nước ta. **Hai thứ tóc trên đầu** : Chỉ người đã nhiều tuổi, trên đầu tóc nửa đen, nửa trắng.

CÂU HỎI.— *Dũng vào đâu để tắm ? — Trong phòng tắm có sẵn những gì ? Em gội đầu bằng gì ? — Em dùng gì để chải tóc ? — Bây giờ tóc của Dũng thế nào ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**I.— Điền vào chỗ trống bằng những tiếng đã học ở ngữ-vựng.**

*Sáng dậy, em đánh răng bằng (....) và (....) Em đổ nước trong vào (....) Em (....) mặt bằng khăn mặt sạch. Cơm xong, em lấy tăm (....) răng.*

BÀI SỬA.— Bàn chải ; Thuốc ; Chậu ; Lau ; Xỉa.

★

**II.**— *Em tắm bằng nước, xà-phòng và (....) Em dùng (....) để gội đầu. Đứng trước (....) em lấy lược (....) tóc. Vì thế tóc của em rất (....)*

BÀI SỬA.— Khăn tắm ; Chanh ; Gương ; Chải ; Mượt.

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ,

1) *r — rũ - rĩ.*

2) *r — run-run.*



## *TẬP ĐỌC*

# Dậy sớm

Từ ngày đi học, bé Hồng đã ngoan - ngoãn lại dậy rất sớm.

Sáng nào cũng thế. Chuông đồng - hồ đánh thức ra reo, Hồng đã nhổm dậy. Hồng vừa chớp mắt, vừa kéo cẳng Dũng, gọi :

« Anh Dũng ! Sáng rồi, dậy đi. »

Lúc nào Hồng cũng sợ đi học trễ giờ. Bé Hồng lon-ton chạy trước. Dũng theo sau. Hai anh em đi rửa mặt, đánh răng. Dũng cầm khăn mặt. Hồng cầm hộp thuốc và bàn chải.

PHÁT - ÂM.— Ngoan-ngoãn — Dậy sớm — Chớp mắt.

GIẢI - NGHĨA.— **Ngồi nhổm dậy** : Ngồi thẳng dậy — **Trễ giờ** : Muộn giờ — **Lon-ton** : trỏ dáng đi nhanh.

CÂU HỎI— *Chuông đồng hồ reo, Hồng làm gì ? — Hồng kéo cẳng ai ? — Hồng đi trước hay đi sau Dũng ? — Hai anh em đi đâu ?*

---

## *CHÍNH-TẢ*

### Sún răng

**Ba rất hay ăn kẹo. Ăn xong, không mấy khi Ba chịu súc miệng, xỉa răng. Vì thế răng Ba bị sún trông xấu quá ! Các bạn xúm lại chế. Ba quyết từ nay chải răng cho sạch để khỏi bị sún răng.**

GIẢI - NGHĨA.— **Súc miệng** : Ngậm nước vào miệng, tráng cho sạch — **Xúm** : Họp tụ đông lại.

NHẬN - XÉT CHÍNH - TẢ :

X : Xỉa răng, Đếm xỉa — Xúm lại.

R : Răng, Răng-rắc — Dăng tay — Mặt giăng *(trăng)*.

S : Súc miệng, Sún răng — Xúc đất ; Tiếp-xúc.

*H. T. L.*

## Điếc luôn

*Bác Chín nghễnh-ngãng lỗ tai*
*Nói đi, nói lại, nói hoài... như không.*
*Hình như tai bác nút bông*
*Hỏi gì bác cũng cứ trông... rồi cười.*
*Ngày xưa, khi bác lên mười*
*Nghe đồn bác với mấy người chung quanh*
*Ngoáy tai bằng một chiếc đanh*
*Lỡ tay nhĩ thủng, rồi thành điếc luôn.*

PHÁT-ÂM.— Nghễnh-ngãng — Chung-quanh — Điếc.

GIẢI-NGHĨA.— Nghễnh-ngãng : Hơi điếc, không nghe rõ — Nói hoài : Nói mãi — Đồn : Truyền lan ra xa.

CÂU HỎI.— *Ai nghễnh-ngãng lỗ tai ? — Ai hỏi, bác cũng chỉ làm gì ? — Bác ngoáy tai bằng cái gì mà bị điếc ? — Vậy ta không nên ngoáy tai bằng gì ?*

---

*CHÍNH-TẢ*

## II — Làm dáng

Trang làm dáng quá ! Từ khi có chiếc gương con thì suốt ngày Trang ngắm-vuốt. Lúc nào Trang cũng lấy lược ra chải. Tóc em vừa mượt, vừa gọn. Đường ngôi em thẳng như sợi chỉ đặt. Trông Trang xinh như con « búp-bê »

GIẢI-NGHĨA.— Làm dáng : Làm đỏm, làm đẹp — Ngắm-vuốt : Soi gương, ngắm-nghía để làm đẹp.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

| | | | |
|---|---|---|---|
| S | : Suốt ngày | — | Sợi chỉ. |
| X | : Xinh-đẹp, Xinh-xắn | — | Sinh-đẻ, Sinh-kế. |
| CH | : Chải tóc | — | Nước chảy, Trôi-chảy. |



*TẬP ĐỌC*

## Đánh răng

Hồi trước, bé Hồng hay khóc, quấy. Vừa thức dậy bé đã đòi quà rồi. Bây giờ Hồng đã biết đánh răng, chải tóc cẩn-thận. Ba mua cho hai anh em, mỗi cậu một chiếc bàn chải răng nhỏ xíu. Dũng bôi thuốc lên bàn chải cho Hồng. Hai anh em bắt đầu chải răng. Chúng chải mặt ngoài, mặt trong răng rất cẩn-thận. Hàm răng của bé Hồng không bị sún mà lại trắng đẹp.

PHÁT-ÂM.— Khóc quấy — Chải tóc — Nhỏ xíu.

GIẢI-NGHĨA.— Cẩn-thận : Rất kỹ, đến nơi, đến chốn — Nhỏ xíu : Nhỏ lắm — Bôi thuốc : Làm cho thuốc dính vào.

CÂU HỎI.— *Hồi trước, ai hay khóc, quấy ? — Bây giờ bé Hồng đã biết làm gì ? — Bàn chải của anh em Dũng to hay nhỏ ? — Dũng bôi thuốc lên đâu ?*

☆

*TẬP ĐỌC VUI*

### TOÉT MẮT

Tẹo mới lên bảy tuổi
Học lớp Tư trường làng
Quần-áo thật là sang
Nhưng phải cái mắt toét !
Tẹo ta ngồi bàn bét
Lại nghịch bẩn vô cùng
Đất cát, bốc lung-tung
Tay bẩn, sờ lên mắt.
Từ nay đừng nghịch đất
Chớ dụi mắt bằng tay,
Tay bẩn nhớ rửa ngay
Việc gì mà mắt toét !

Theo THI-THI

## THƯƠNG MẸ GIÀ - YẾU

Hàn-bá-Du ở với mẹ rất có hiếu. Những lần lầm-lỗi, Du thường bị mẹ đánh đòn. Mọi lần Du không khóc. Một hôm Du phải đòn, khóc mãi. Bà mẹ thấy vậy hỏi :

— « Mọi khi con có lỗi bị mẹ đánh, con chịu ngay. Sao lần này lại khóc lâu như thế ? »

— « Mọi lần mẹ đánh, con không khóc vì con thấy đau Chắc mẹ còn mạnh Nhưng lần này con thấy không đau mấy ! Chắc mẹ đã yếu. Con thương mẹ mà khóc. »

Hàn bá-Du thật là người con có hiếu, đã không oán mẹ mà lại còn thương mẹ.

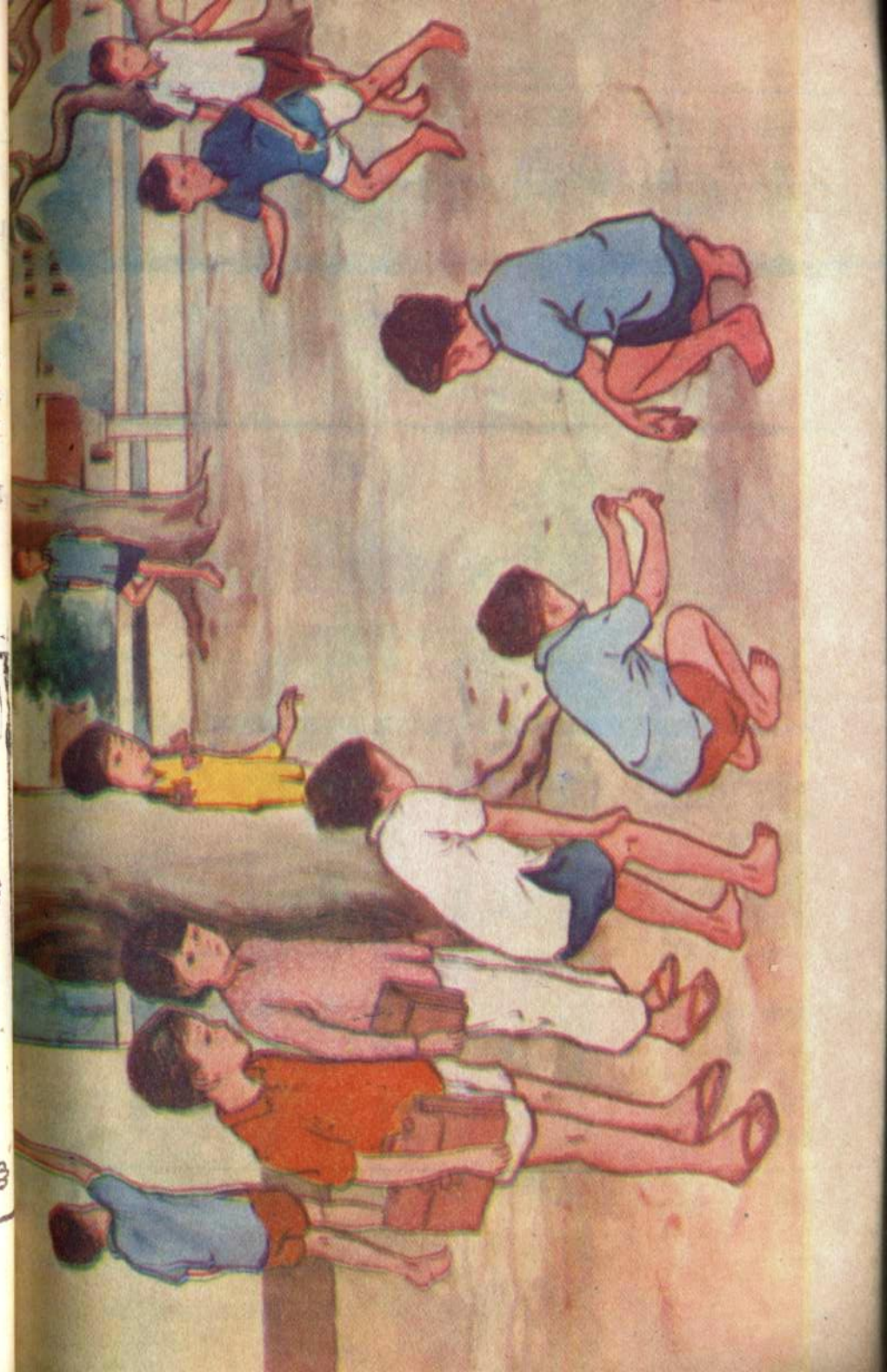
Con phải hết lòng thương-mến cha mẹ.

☆

*TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN*




*So với hình số 1 (em bé đánh răng) thì 5 hình kia vẽ thiếu những gì ? — Em hãy thêm vào xem.*



# TUẦN-LỄ THỨ 8

## *NGỮ-VỰNG*

### I. Tay

BÀI GIẢNG.— *Vai* nối *cánh tay* với mình. Giữa cánh tay là *khuỷu tay* rồi đến *cổ tay*. Mỗi *bàn tay* có năm *ngón tay*. Nhiều người có ngón tay *búp măng* rất đẹp. Nhờ hai bàn tay *khéo-léo*, Dũng biết *cầm* bút, cầm dao và làm đủ mọi việc.

HỌC TIẾNG.— 1) Vai ; Cánh tay ; Khuỷu tay ; Cổ tay ; Bàn tay ; Ngón tay.

2) Ngón tay búp măng ; Bàn tay khéo-léo.

3) Cầm.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Tay làm hàm nhai.*

— *Giàu hai con mắt, khó hai bàn tay.*

GIẢI-NGHĨA.— Ngón tay búp măng : Ngón tay dài và thon-thon như búp măng non — Tay làm, hàm nhai : Tay có làm thì mới có cơm ăn để cho hàm nhai.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Cái gì nối liền cánh tay với mình ? — Giữa cánh tay là gì ? — Mỗi bàn tay có mấy ngón ? — Ngón tay thế nào thì đẹp ? Dũng làm đủ mọi việc nhờ gì ?*



### II. Chân

BÀI GIẢNG.— *Đầu gối* nối *đùi* với *bắp chân*. Cạnh cổ chân là *mắt cá*. Mỗi *bàn chân* có năm ngón chân. Nếu ta đi đất thì *gót chân* thường bị nứt-nẻ. Chúng ta *chạy, nhảy* luôn nên có bắp đùi *to*.

HỌC TIẾNG.— 1) Đầu gối ; Đùi ; Bắp chân ; Mắt cá ; Bàn chân ; Gót chân.

2) Đùi to.

3) Chạy ; Nhảy.

CA DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Bụng đói, đầu gối phải bò.*

*— Chân cứng, đá mềm.*

GIẢI - NGHĨA.— Bụng đói, đầu gối phải bò : Lẽ thường thấy bụng đói là ta phải bước chân đi làm việc kiếm ăn. — Chân cứng đá mềm : Chân ta tuy mềm mà cứng vì đi luôn không bị mòn. Trái lại đá cứng mà mềm vì thường bị nước xoi mòn. Như vậy chân ta cứng hơn đá rồi.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Cái gì nối bắp chân với đùi ? — Xương lồi ở cổ chân gọi là gì ? — Mỗi bàn chân có mấy ngón ? — Chúng ta chạy, nhảy luôn nên bắp đùi thế nào ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

Điền vào chỗ trống bằng những tiếng đã học ở ngữ-vựng.

I.— *(. . . . .) nối cánh tay với mình. Mỗi (. . . . . .) có năm ngón tay. Mẹ em đeo vòng ở (. . . . .) Nhờ có (. . . . .) ta có thể co cánh tay vào được.*

BÀI SỬA.— Vai ; Bàn tay ; Cổ tay ; Khuỷu tay.

☆

II.— *Phía trên đầu gối là (. . . . . .) Phía dưới đầu gối là (. . . . . .) Mỗi bàn chân có năm (. . . . . .) Ở cổ chân có đầu xương lồi ra gọi là (. . . . . .) Đi kiễng chân lên thì (. . . . .) không sát đất.*

BÀI SỬA.— Đùi ; Bắp chân ; Ngón chân ; Mắt cá ; Gót chân.

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) e — *cm, ru.*

2) ê — *êm, ên.*



## *TẬP ĐỌC* Rửa mặt, chải đầu

Đánh răng xong Dũng ①rửa mặt, Dũng lau thật kỹ ②cả cổ lẫn gáy, (*ót*). Nước mát lạnh khiến Dũng cảm thấy tỉnh-táo, khoẻ-mạnh. Thỉnh-thoảng Dũng bọc khăn lên ngón tay út ③để ngoáy tai, Như thế vành tai, lỗ tai đều sạch mà lại không nguy-hiểm.

Sau đó, Dũng cầm lược, ④đứng trước gương chải đầu, Tóc bé Hồng cắt ngắn nên ít khi phải chải bằng lược.

PHÁT-ÂM.— Gáy — Ngoáy tai — Chải đầu.

GIẢI-NGHĨA.— Tỉnh-táo : Không buồn ngủ, mạnh-mẽ. — Thỉnh-thoảng : Một đôi khi.

CÂU HỎI.— *Đánh răng xong, Dũng làm gì ? — Em lau kỹ những chỗ nào ? — Dũng bọc khăn vào ngón tay út để làm gì ? — Dũng đứng đâu chải đầu ?*

---

## *CHÍNH-TẢ* Cho con bú

Mẹ ngồi cho con bú. Đứa bé đã được tắm-rửa rất sạch-sẽ. Hai bàn tay xinh-xắn, mập-mạp của nó nắm chặt lấy tay mẹ. Mẹ cũng khẽ vuốt-ve con. Thỉnh-thoảng đứa bé lại ậm-ự trong miệng. Nó có vẻ rất sung-sướng. THẠCH-LAM

GIẢI-NGHĨA.— Xinh-xắn : Dễ coi, ưa nhìn. — Mập-mạp : To lớn, đầy-đà.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

R : Tắm-rửa ; Rửa chén

S : Sung-sướng ; Cây sung — Xung-phong ; Xung-quanh

? : Vẻ mặt ; Vui-vẻ — Vẽ hình ; Bày-vẽ.

H. T. L.

## Bàn tay mẹ

*Mẹ ơi ! Trên cõi đời này*
*Con yêu quý nhất bàn tay mẹ hiền.*
*Chính bàn tay mẹ, tay tiên*
*Bồng con suốt mấy năm liền, mẹ ơi !*
*Vuốt-ve con lúc trở trời,*
*Lo cơm áo, sắm đồ-chơi, đồ dùng...*
*Biển trời cao-rộng mông-lung*
*Ơn bàn tay mẹ vô cùng lớn-lao !*

PHÁT-ÂM.— Vuốt-ve — Trở trời — Mông-lung.

GIẢI-NGHĨA.— Trở trời : Thời-tiết thay-đổi dễ sinh đau-ốm — Mông-lung : Lờ-mờ không rõ.

CÂU HỎI.— *Trên đời con yêu-quý ai nhất ? — Bàn tay ai ví như tay tiên ? — Mẹ vuốt-ve con lúc nào ? — Bàn tay mẹ còn lo sắm gì cho con ?*

---

CHÍNH-TẢ

## II. Tập bơi (lội)

Chiều nào Dũng cũng theo anh đi bơi. Thay quần-áo xong, hai anh em cùng nhau nhảy xuống hồ tắm. Dũng nằm sấp, tay vươn, chân đập mạnh. Nước bắn tung. Đôi chân bé nhỏ của Dũng lẫn vào đám bọt nước trắng xóa.

GIẢI-NGHĨA.— Nằm sấp : Nằm úp bụng xuống dưới — Vươn : Dãn, đưa thẳng ra.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

S : Nằm sấp, Từ nay sấp đi — Xấp (dấp) nước bọt, Xấp giấy.
S : Trắng xóa — Xóa bảng, Xí-xóa.
CH : Chiều nào, Sớm chiều — Thủy-triều, Triều-đình.



TẬP ĐỌC

## Tắm

Anh Cường đã lớn. Anh thường được đi bơi ở hồ-tắm. Còn Dũng và Hồng thì tắm ở nhà.

Trời nóng-nực nên bé Hồng cũng thích tắm lắm. Nhưng bé hay đùa. Hồng kỳ-cọ thân-thể cho sạch thì ít mà nghịch nước thì nhiều. Vì thế, U già vẫn phải tắm giúp Hồng.

Dũng tự tắm rửa được. Vì thân-thể sạch-sẽ nên Dũng luôn luôn khỏe-mạnh.

PHÁT-ÂM.— Nóng-nực — Kỳ-cọ — Sạch-sẽ.

GIẢI-NGHĨA.— Nóng-nực : Bức-bối vì nhiệt-độ lên cao — Luôn luôn : Không ngừng, thường thường.

CÂU HỎI.— *Anh Cường lớn hay nhỏ ? — Anh thường đi bơi ở đâu ? — Ai tắm ở nhà ? — Hồng thích kỳ-cọ hay thích nghịch nước ? — Ai giúp Hồng tắm ?*

☆

TẬP ĐỌC VUI

## CỔ HỌC

**Mười ngày nghỉ Tết qua rồi**
**Chúng em chăm gấp mấy mươi dạo nào.**
**Nhớ hôm mùng một phong bao**
**Lời bà dặn : « Cố học sao nên người ! »**
**Khoanh tay thưa : « Cháu nhớ lời,**
**Từ nay chăm học làm vui cả nhà... »**
**Rồi em vịn lấy tay bà**
**Cùng đi lễ Tết, trẻ già bên nhau.**
**Mười ngày nghỉ hết đến mau !**
**Giờ em cố học, ngày sau nên người.**
**Mùa Xuân hoa cỏ tốt-tươi**
**Trẻ mà chăm-chỉ, không lười mới ngoan**

Theo THI-THI

## MAU TRÍ-KHÔN

Ở sân đình, bọn trẻ con đang nô-đùa vui vẻ. Trong khi ấy, đứa thì đá cầu, đứa thì chạy đuổi. Ất thoáng thấy con chuồn-chuồn đậu trên cành cây ở bờ ao, cạnh đình Ất chạy đến bắt.

Bỗng có tiếng kêu thất-thanh: « Ối ». Mọi người ngoảnh lại thì thấy Ất đang chới-với dưới nước. Thấy thế, nhiều đứa kêu-la ầm-ĩ, bỏ chạy. Chỉ có Giáp ở lại. Nhìn chung quanh, anh thấy cây sào dựng cạnh đình. Anh vội-vàng lấy sào, chạy ra bờ ao, bỏ xuống nước cho Ất níu lên bờ.

Nhờ Giáp mau trí-khôn nên Ất đã khỏi bị chết đuối.

*Bình-tĩnh, mau trí-khôn mới làm được việc !*

★

*TRANH GIẢI TRÍ CUỐI TUẦN*




*Em này đau ai mà khóc thế ? Muốn biết, em nối từ số 1 đến số 15 sẽ rõ*

# TUẦN-LỄ THỨ 9

## *NGỮ-VỰNG*

### I.— Đồ ăn

BÀI GIẢNG.— Bữa sáng, chúng ta ăn *phở*, ăn *xôi* hay *bánh mì*. Người đau-yếu thường ăn *cháo*.

*Thịt cá* thường khó tiêu hơn *rau đậu*. Người nấu cơm khéo, cơm sẽ *dẻo* và *ngon*.

HỌC TIẾNG.— 1) Phở ; Xôi ; Bánh mì, Cháo, Thịt, Cá, Rau, đậu.

2) Cơm dẻo.

3) Nấu cơm.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Cơm dẻo, canh ngọt.*

— *Ngon cá, vạ cơm.*

GIẢI-NGHĨA.— Cơm dẻo, canh ngọt : Cơm mềm dẻo, canh thơm ngọt là do ở người làm bếp khéo — Ngon cá, vạ cơm : Bữa cơm có món cá ngon thì mọi người sẽ ăn được nhiều cơm.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Buổi sáng em ăn gì để lót dạ ? — Khi đau yếu, em ăn gì cho dễ tiêu ? — Món gì khó tiêu hơn rau đậu ? — Người nấu khéo, cơm sẽ thế nào ?*

★

### II.— Đồ uống

BÀI GIẢNG.— Khi khát, ta uống *nước lọc*, *nước đá* hay *nước chanh*. Có người thích uống *nước trà* hoặc *nước vối*. Khi *pha trà* bỏ nhiều trà thì nước *đặc* (đậm) bỏ ít trà thì nước *loãng* (lạt).

HỌC TIẾNG.— 1) Nước lọc ; Nước đá ; Nước chanh ; Nước trà ; Nước vối

2) Nước đặc, loãng.

3) Pha trà

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Nước khe, chè núi.*
*— Uống nước nhớ nguồn.*

GIẢI - NGHĨA.— **Nước trà đặc** : Nước pha nhiều trà quá thành chát — **Pha trà** : Cho trà vào bình rồi rót nước sôi lên — **Nước khe, chè núi** : Nước ở khe uống ngọt, mát, trà trồng ở núi uống ngon — **Uống nước nhớ nguồn** : Khi ta uống nước, ta phải nhớ đến nơi sinh ra nước (nguồn). Ý nói ta phải biết ơn người đã hy-sinh khó nhọc vì ta.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Khi khát, ta uống nước gì ? — Nhiều người còn thích uống nước gì ? — Nếu bỏ nhiều trà để pha thì nước trà sẽ thế nào ? — Nếu bỏ ít trà thì nước trà sẽ thế nào ?*

## *TẬP LÀM VĂN*

**Trả lời những câu hỏi về tạp-đề trong tuần.**

*I.— Mỗi buổi sáng em ăn gì để lót dạ ? — Khi em bị bệnh, mẹ em cho em ăn gì thay cơm ? — Em thường ăn cơm với những món ăn gì ? — Em thích ăn cơm thế nào ? — Nhờ ai ta có cơm ăn, áo mặc ?*

BÀI SỬA.— Xôi hoặc bánh ; Cháo ; Thịt cá, Rau đậu ; Cơm **dẻo** ! Cha mẹ.

☆

*II.— Khi khát, em uống nước gì ? — Người ta còn uống nước gì ? — Ở đâu có trồng nhiều trà ? — Nước trà pha nhiều trà sẽ thế nào ? — Nước trà pha ít trà sẽ thế nào ?*

BÀI SỬA.— Nước lọc ; Nước trà, nước vối, nước chanh ; Bảo-lộc ; Đặc (*đậm*) ; loãng (*lạt*).

## *TẬP VIẾT*

**Chữ thường, lớn nửa khổ.**

1) *o, — oi, ói.*

2) *o, — óc, on.*



## *TẬP ĐỌC* U già

Má Dũng không làm hết việc trong nhà. Vì thế má mướn thêm u già làm bếp. U già còn trông-nom cả bé Hồng.

U già tính-nết hiền-lành, chăm-chỉ. U làm bếp thật khéo. U thổi cơm vừa dẻo, vừa ngon. Không bao giờ cơm bị khê hay sống. Đi học về, vừa vào tới cửa, Dũng đã ngửi thấy mùi xào thơm phức. Chắc là bữa cơm này ngon tuyệt !

PHÁT - ÂM.— Chăm-chỉ — Khéo — Dẻo — Tuyệt.

GIẢI - NGHĨA.— **Mướn** : Thuê, mượn — **Khéo** : Hay, giỏi — **Cơm khê** : Cơm cháy có mùi khét — **Thơm phức** : Thơm lắm — **Ngon tuyệt** : Ngon lắm.

CÂU HỎI.— *Ai không làm hết việc trong nhà ? — Má Dũng mướn thêm u già để làm gì ? — U thổi cơm thế nào ? — Dũng ngửi thấy mùi gì thơm phức ?*

## *CHÍNH - TẢ* I.— Vo gạo

**Trong yên-lặng, tiếng vo gạo kêu soàn-xoạt. Tiếng nước rỏ xuống vại kêu tong-tong. Tiếng hai bàn tay đập vào vành rá đôm-đốp. Vo gạo xong, Mít đặt rá gạo lên miệng vại. Rồi Mít vào trong nhà lấy nồi ra rửa.**

*Theo TRẦN - TIÊU*

GIẢI - NGHĨA.— **Vo gạo** : Xát kỹ gạo ở trong nước cho sạch — **Rá** : Đồ đan bằng tre dùng để vo gạo — **Vại** : Đồ đựng nước bằng sành, (*ang*).

NHẬN - XÉT CHÍNH - TẢ :

X : Xoàn-xoạt, Hột-xoàn.
R : Rỏ xuống — Giỏ cá, Giỏ cam.
T : Đặt xuống, Xếp-đặt — Nước đặc, Đặc-biệt.
R : Rá gạo, cà-rá — Giá hàng, giá-trị — Dối-dá.

*H. T. L.*

## Bưng bát cơm đầy

*Tay ta bưng bát cơm đầy,*
*Nhớ ai cày, cấy, dạn-dày nắng mưa*
*Khi đi sớm, lúc về trưa,*
*Hai sương một nắng, cày bừa gắng công*
*Mồ-hôi đổ, lúa đâm bông,*
*Quanh năm, suốt tháng vun-trồng, chăm-lo.*
*Công nhà nông thật là to*
*Dẻo thơm mấy hạt, ấm-no muôn nhà.*

Theo HOÀI-BẮC

PHÁT-ÂM.— Dạn-dày — Sớm trưa.

GIẢI-NGHĨA.— Bưng : (Còn gọi là bâng) hai tay cầm nâng lên. Dạn-dày : Đã quen thành không sợ khó-nhọc, vất-vả nữa — Vun : Gạt đất vào, làm cho cao lên — Nhà nông : Nhà làm ruộng.

CÂU HỎI.— *Nhờ ai ta mới có cơm ăn ? — Nhà nông vất-vả như thế nào ? — Quanh năm, họ chăm-lo làm gì ? — Công của nhà nông thế nào ?*

---

*CHÍNH-TẢ*

## II.— Bát nước chè xanh

Ở miền quê, ai cũng thích uống nước chè xanh. Chè mới hái về, đem nấu với nước trong. Nấu xong, nước rót ra bát sứ thành một màu vàng nhạt. Hương thơm nhè-nhẹ bốc lên. Làm việc mệt nhọc xong mà được bát nước chè xanh thì còn gì thú bằng ?

GIẢI-NGHĨA.— Rót : Trút nước ở trong ấm ra — Bát sứ : Bát *(chén)* làm bằng đất sét trắng có men bóng — Bốc lên : Xông lên.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

| | | |
|---|---|---|
| S : Sứ, Đồ sứ, Đại-sứ | — | Xứ-sở |
| T : Bát đĩa | — | Chú bác, bác cầu |
| X : Xanh, Xanh-xao | — | Sanh-đẻ, Sanh ra. |



*TẬP ĐỌC*

## Bữa cơm

Dũng và Hồng cất cặp rồi đi rửa chân tay. Các em đợi ba đi làm về.

Ba về tới cửa thì mâm cơm đã được dọn lên bàn. Bữa cơm có mấy món ăn như : rau, đậu, cá... U già đi chợ biết chọn rau ngon, cá tươi. U làm bếp sạch-sẽ, khéo-léo. Cả nhà ăn cơm đều thấy ngon. Ăn cơm xong, Dũng đi lấy đồ ăn tráng miệng.

PHÁT-ÂM.— Cặp — Khéo-léo — Sạch-sẽ.

GIẢI-NGHĨA.— Dọn : Sắp-đặt, bày ra — Chọn : Lựa — Cá tươi : Cá còn sống, chưa bị ươn, chưa có mùi hôi.

CÂU HỎI.— *Dũng và Hồng cất cặp rồi làm gì ? — Các em đợi ai về ? — Mâm cơm được dọn lên đâu ? — Bữa cơm có những món gì ?*

☆

*TẬP ĐỌC VUI*

## AN THAM

Lêu lêu cô bé ăn tham quá !
Cái bánh chia tư giữ trọn phần
Chả để cho ai chia sẻ cả
Một mình cất lẻn, giữ riêng ăn.
Ăn mãi mà nào có hết đâu,
Bỏ đi thì tiếc, bé ăn mau,
Nuốt trôi chiếc bánh trong giấy lát.
Rồi bước chân vào, bụng đã đau...
Thấy chưa cô bé háu ăn ơi !
Ai bảo ăn vào no chửa thôi ?
Đau bụng chỉ vì tham đấy nhé,
Lần sau còn thế nữa hay thôi ?

BẠCH-NGA

## CON GIUN KHÔN - NGOAN

Xưa có người bắt một con giun nhỏ làm mồi để câu cá.

Khi bị chìm xuống nước, con giun thấy một con cá muốn đến đớp, mới bảo cá rằng :

— « Tôi với anh cùng là một loài ở đất nước với nhau Nay người nó bắt tôi làm mồi để dử anh. Phỏng anh ăn thịt tôi, tôi chết, mà anh móc vào lưỡi câu thì anh có sống được chăng ? »

Cá nghe nói không ăn giun, bỏ đi nơi khác. Người ngồi câu thấy mãi không được con cá nào, nghĩ bụng con giun ấy không làm mồi được, bèn lấy ra quăng đi mà kiếm mồi khác.

Thế là con giun khỏi chết !

*Khôn-ngoan ai được như giun*
*Cá khôn mắc mẹo, người khôn mắc lừa !*

☆

TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN




*Tranh gì đây ? — Em hãy lấy giấy bóng tô lại rồi dùng kéo cắt thành 9 mảnh nhỏ để xếp theo thứ-tự sẽ rõ.*

## TUẦN-LỄ THỨ 10

*NGỮ - VỰNG*

### I.— Rượu

BÀI GIẢNG.— Có nhiều thứ rượu như : rượu bia, rượu chát, rượu đế v.v... Rượu đế thuộc loại rượu mạnh, còn rượu bia là rượu nhẹ. Uống rượu luôn thì thành nghiện *(ghiền)* rượu hoặc say rượu.

HỌC TIẾNG.— 1) Rượu bia *(la-de)* ; Rượu chát ; Rượu đế.
2) Rượu mạnh, nhẹ; Người nghiện rượu; say rượu
3) Uống rượu.

CA - DAO, THÀNH - NGỮ :
— *Rượu vào lời ra.*
— *Rượu lạt uống lắm cũng say.*

GIẢI - NGHĨA.— **Rượu chát** : Rượu vang (cất bằng trái nho) — **Rượu mạnh** : Rượu có nhiều chất cồn, uống mau say — **Nghiện rượu** : Ngày nào cũng phải uống rượu, không có không chịu nổi — **Rượu vào lời ra** : Uống rượu say rồi người ta thường nói nhiều.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Hãy kể tên mấy thứ rượu mà em biết. — Rượu đế mạnh hay nhẹ? — Uống rượu luôn thì thành thế nào? — Khi nào người ta mặt đỏ và nói nhiều ?*

☆

### II.— Đồ - dùng để ăn

BÀI GIẢNG.— Chị Hai đem rổ bát lên sắp cơm. Trong rổ xếp đầy bát, đĩa, tô, đũa, muỗng. Tất cả đều đã rửa sạch. Toàn là bát lành chứ không có chiếc nào bị mẻ.

HỌC TIẾNG.— 1) Bát *(chén)* ; Đĩa *(dĩa)* ; Tô ; Đũa ; Muỗng.
2) Bát lành, mẻ.
3) Sắp cơm ; Rửa bát.

CA - DAO, THÀNH - NGỮ :

— *Vơ đũa cả nắm.*

— *Bớt bát, mất mặt.*

GIẢI - NGHĨA.— Vơ đũa cả nắm : Thấy một người làm lỗi mà phiền-trách tất cả mọi người — Bớt bát, mất mặt : Ăn bớt đi một bát để lấy cơm nuôi người làm giúp mình thì sẽ dễ chịu, đỡ vất-vả.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Chị Hai đem rổ bát lên làm gì ? — Trong rổ bát xếp những thứ gì ? — Tất cả bát đĩa đều thế nào ? — Những bát này lành hay mẻ ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

I.— Trả lời những câu hỏi về tạp-đề trong tuần.

*Trong bữa giỗ, người lớn thường hay uống gì ? — Hãy kể tên mấy thứ rượu mà em biết. — Mặt người say rượu thế nào ? — Uống rượu có lợi hay có hại ?*

BÀI SỬA.— Rượu ; Rượu bia *(la-de)* ; Rượu chát ; Rượu đế ; Đỏ gay ; Rất có hại.

☆

II.— *Chị Hai xới (bới) cơm ra đâu ? — Cá kho đựng ở đâu ? — Tô dùng để đựng gì ? — Bát đũa đặt trên cái gì ? — Bát sứt miệng gọi là bát gì ?*

BÀI SỬA.— Bát (*chén*) ; Đĩa ; Canh ; Mâm hoặc bàn ăn ; Bát mẻ.

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) — *ô, ô-tô.*

2) — *ô, ôn-tồn.*

## *TẬP ĐỌC* Sau bữa cơm

Anh Cường rót nước ra chén. Dũng đem nước đến mời ông, bà, cha, mẹ. Hồng tranh việc đem tăm trao tận tay từng người. Hồng nói:

« Thưa ông, tăm của ông đây... »

« Thưa bà, tăm của bà đây... »

Tiếng em nghe thật dễ thương.

Cả nhà ai cũng thích uống trà pha loãng. Riêng một mình ông là ưa nước trà đặc. Dũng và Hồng chỉ uống nước lọc đã đun sôi, để nguội.

PHÁT-ÂM.— Rót nước — Trao tay — Trà đặc.

GIẢI-NGHĨA.— Tranh : Giành lấy, cướp lấy. — Trao : Đưa cho ai vật gì. — Ưa : Thích, lấy làm bằng lòng.

CÂU HỎI.— *Ai rót nước ra chén ? — Dũng đem nước mời ai ? — Hồng tranh lấy việc gì ? — Tiếng nói của Hồng nghe thế nào ?*

---

## *CHÍNH-TẢ* I.— Người say rượu

Ông Tư lại say rồi. Mặt ông đỏ gay, mắt ông trợn ngược. Mồm ông nói lảm-nhảm, thỉnh-thoảng lại méo xệch đi như muốn khóc. Cứ thế, ông Tư đi lần, từ quán rượu trở về nhà.

GIẢI - NGHĨA.— Đỏ gay : Đỏ lắm — Lảm - nhảm : Nói lẫn-lộn không đâu ra đâu — Loạng-choạng : Không vững, chỉ chực ngã.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

S : Say rượu, Say-sưa — Xay gạo, Xay bột.

Y : Gay-gắt, Đỏ gay — Gai nhọn, Chông-gai

G : Loạng-choạng — Chạy loạn.

TR : Trở về, Ngăn-trở — Chuyên-chở, Che-chở.

H. T. L.

## Làm cơm

*Hôm nay em giúp chị Hai*
*Thổi cơm, dọn bữa sớm mai mời bà.*
*Em đem mâm bát bày ra*
*Mấy tô canh, mấy đĩa cà, đĩa rau.*
*Đũa, thìa lần-lượt đem lau*
*Nồi cơm lúa mới tươi màu, tỏa hương.*
*Cả nhà vui-vẻ trên giường*
*Mời nhau dùng bữa cơm thường mà ngon.*

PHÁT-ÂM— Dọn bữa — Lần-lượt — Giường.

GIẢI-NGHĨA.— Dọn bữa : Sắp-sửa, làm bữa xong — Lần-lượt : Theo thứ-tự cái này qua cái khác — Tỏa hương : làm cho mùi thơm bay ra chung-quanh.

CÂU HỎI : *Hôm nay em giúp chị Hai làm gì ? — Em thổi cơm để mời ai ? — Em lần-lượt đem lau những gì ? — Cả nhà ngồi ăn cơm ở đâu ?*

---

CHÍNH-TẢ

## II.— Cái nồi đất

Trước kia, ở miền quê thường dùng nồi đất để thổi cơm. Nồi đất làm bằng đất sét nung đỏ. Gõ tay vào là thấy kêu coong... coong. Cơm thổi bằng nồi đất lắm cháy (*sém*) ăn rất ngon. Nồi đất rẻ tiền nhưng lại hay vỡ...

GIẢI-NGHĨA.— Cháy : Cơm cháy đóng thành vừng ở đáy nồi, còn gọi là sém — Nung : Bỏ vào lò đốt cho thật đỏ, thật chín.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

S : Đất sét, Tiếng sét — Nhận-xét, Xem-xét.
Y : Cháy, Đám cháy — Chái nhà.
D : Dùng, Đồ-dùng — Vùng, Một vùng.
R : Rẻ tiền, Khinh-rẻ — Hạt dẻ, Mảnh-dẻ — Giẻ rách.

TẬP ĐỌC

## Rượu

Chiều nay Dũng đang ngồi học bài thì nghe tiếng Hồng reo ngoài cửa :

— « A ! Ba về ! Ba mua nhiều bia (*la-de*) quá, anh Dũng ơi ! »

Dũng chạy ra. Em giúp ba đem các chai bia vào nhà. Ba còn mua thêm một chai rượu trắng. Ba nói :

— « Ngày mai, nhà ta có giỗ. Ba mua rượu bia về để mời khách. Ba không mua nhiều rượu để nữa. Năm ngoái, có một ông khách uống rượu say, ra về bị ngã (*té*) ghê quá !

PHÁT-ÂM.— Chai rượu — Giỗ — Say.

GIẢI-NGHĨA.— Reo : La hò tỏ ý vui-mừng — Giỗ : Lễ kỷ-niệm ngày chết — Say : Bị rượu, bị thuốc làm cho choáng-váng, mê-mẩn.

CÂU HỎI.— *Dũng nghe thấy tiếng ai reo ? — Dũng đem các chai bia đi đâu ? Ba còn mua thêm một chai gì ? — Ông khách say rượu ra về bị thế nào ?*

TẬP ĐỌC VUI ★

### CHÚNG MÌNH

**Chúng mình bé-nhỏ, thơ-ngây,**
**Như chim riu-rít, suốt ngày vui-chơi**
**Trên môi luôn sẵn nụ cười**
**Tóc xanh, mắt sáng, ánh ngời sao sa**
**Cùng nhau chạy, nhảy, múa, ca**
**Đẹp-xinh, ngoan-ngoãn, mẹ cha vui lòng.**
**Chúng như mình ánh nắng hồng**
**Như hoa mới nở, như bông đang chồi**
**Hiền-lành, chăm-chỉ, vui-tươi**
**Gieo mầm hy-vọng cho đời mai sau.**

THIÊN-NHẬT-PHƯƠNG

## UỐNG RƯỢU

**Một hôm, chàng nông-phu ngồi một mình suy-nghĩ. Có ông Thần hiện lên bảo rằng :**

**— « Nếu nhà ngươi không làm xong một trong ba điều này thì ta sẽ giết nhà ngươi.**

**Điều thứ nhất : giết mẹ ngươi.**

**Điều thứ nhì : giết em ngươi.**

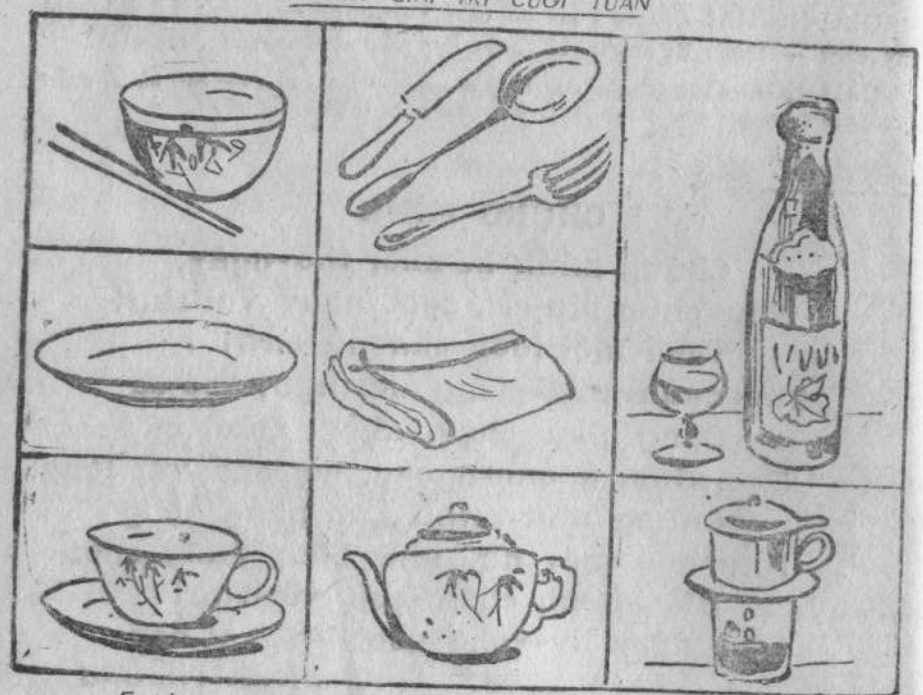
**Điều thứ ba : uống rượu ». Nói xong, ông Thần biến mất. Anh nông-phu nghĩ :**

**— « Mẹ ta đã khó-nhọc sinh ra ta, lẽ nào ta giết? Em ta với ta là ruột thịt, ta giết không đành. Chi bằng ta uống rượu vậy. » Từ đấy anh ta bắt đầu, uống rượu. Lâu ngày anh hóa say-sưa và nghiện luôn. Rồi một hôm, anh quá chén, chém chết cả mẹ và em. Rõ thật là tai-hại ! ...**

*Rượu có thể biến ta thành kẻ giết người*

☆

TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN



*Em hãy viết tên các hình sau đây rồi tô màu cho đẹp.*

# TUẦN-LỄ THỨ 11

## NGỮ-VỰNG

### I.— Đồ-dùng để uống

BÀI GIẢNG.— Ba Dũng *lau tách* xong. Ông rót nước sôi vào *bình* trà. Bình đặt trong *giành ấm*. Còn thừa nước sôi, ông *rót* vào *bình thủy*. Những tách nước đều được đặt trên chiếc *khay vuông*.

HỌC TIẾNG.— 1) Tách ; Bình ; Giành ấm ; Bình thủy ; Khay.
2) Khay vuông.
3) Lau tách ; Rót nước.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Tay đũa, tay chén.*

— *Tránh một chai gặp hai lọ.*

GIẢI-NGHĨA.— Giành ấm : Đồ đan, nhồi bông để ủ cho ấm nước *ông* lâu — Khay : Đồ-dùng bằng gỗ hay sắt để đựng chén, tách, ly — *Tránh một chai gặp hai lọ* : Tránh cái nọ mà gặp cái kia thì cũng như *ế* (hai lọ cũng bằng một chai).

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Ba Dũng lau cái gì ? — Ông rót nước sôi vào ấu ? — Muốn giữ nước nóng lâu, bình được đặt vào đâu ? — Ông rót nước i còn dư vào cái gì ? — Những tách nước được đặt ở đâu ?*

☆

### II.— Vệ-sinh về đồ-ăn

BÀI GIẢNG.— *Nem* làm bằng *thịt sống*, ăn vào dễ mắc bệnh *n*. Ăn *rau sống*, ta phải rửa trước bằng nước pha *thuốc tím*. Đồ-ăn *ải* đậy bằng lồng bàn, không cho *ruồi* đậu vào. Trước khi ăn, các *n* nhớ *rửa tay* cho sạch...

HỌC TIẾNG.— 1) Nem ; Sáng ; Rau sống ; Thuốc tím ; Lồng bàn ; Ruồi.
2) Thịt sống.
3) Rửa tay.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Thịt không hành, canh không muối.*

*— Rau già, cá ươn.*

GIẢI - NGHĨA.— **Thịt không hành, canh không muối :** Thịt kh
**không có hành, canh nấu không bỏ muối thành ra nhạt-nhẽo, mất ngo**

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Nem làm bằng thịt gì ? — Ta ăn nem để mà
bệnh gì ? — Ăn rau sống ta phải rửa trước bằng nước có pha thuốc gì
— Ta không nên để gì dậu vào đồ ăn ? — Trước khi ăn, em phải làm gì*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Trả lời những câu hỏi về tạp-đề trong tuần.**

I.— *Em rót nước ra cái gì để uống ? — Em đổ nước vào đâu để nấu
— Tách uống nước làm bằng gì ? — Bình thủy dùng để đựng gì ?*

BÀI SỬA.— Tách ; Ấm ; Sứ hoặc thủy-tinh ; Nước sôi.



II.— *Nem làm bằng thịt sống hay thịt chín ? — Ăn nem lợn ta dễ
mắc bệnh gì ? — Muốn ăn rau sống, ta phải làm thế nào ? — Ta p
làm gì trước khi ăn cơm ?*

BÀI SỬA.— Thịt sống ; Bệnh sán ; Rửa sạch và ngâm vào nư
pha thuốc tím trong 15 phút ; Rửa tay.

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) *ơ — mơn - mởn,*

2) *ơ — lờ - mờ.*

## *TẬP ĐỌC*

# Ngày giỗ

Hôm nay là ngày giỗ cụ. Má Dũng dậy thật sớm. Bà dọn-dẹp nhà-cửa. Anh Cường giúp má kê lại bàn ghế. Trên mặt bàn, má Dũng để một bình hoa.

Bàn thờ cũng được quét-dọn sạch-sẽ. Má rửa sạch các ấm nước, lau kỹ từng cái cốc (*ly*). Cả bộ ấm chén nhỏ để uống trà của ông cũng được bày ra. Mấy cái chén nhỏ trông thật là xinh !

PHÁT-ÂM.— Dọn-dẹp — Sạch-sẽ — Xinh.

GIẢI - NGHĨA.— **Dọn-dẹp :** Thu-xếp gọn-gàng — **Kê :** Đặt lại, đệm thêm cho ngay-ngắn. — **Bình hoa :** Lọ hoa, đồ-dùng để cắm hoa.

CÂU HỎI.— *Hôm nay là ngày gì ? — Ai dậy thật sớm ? — Anh Cường làm gì ? Má Dũng để bình hoa ở đâu ?*

---

## *CHÍNH - TẢ*

### I.— Pha chè tàu

Ông tôi mở nắp chai chè, đổ vào lòng bàn tay mấy cánh chè xanh. Rồi nhẹ-nhàng, người gạt từng cánh vào chiếc ấm chuyên. Sau đó ông tôi chế nước sôi lên. Rồi ông tôi rót nước ở ấm chuyên ra chén tống... Người nâng chén nước chè mới pha lên môi. nhấp-nhấp.

GIẢI - NGHĨA.— **Ấm chuyên :** Ấm nhỏ bằng đất hay bằng sứ dùng để pha chè — **Chén tống :** Chén lớn — **Nhấp-nhấp :** Sẽ hớp ít một.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

G : Nhẹ-nhàng — Nhàn-rỗi.

U : Sau đó, Ngày sau — Ngôi sao, Làm sao.

S : Sôi, Nước sôi — Xôi chè

H. T. L.

## Chén trà

*Mùa hè cho chí mùa đông,*
*Gà lên tiếng gáy là ông dậy rồi*
*Lưng còng in bóng tường vôi*
*Ông ngồi đợi ấm nước sôi reo dài.*
*Tay gầy chế, rót khoan-thai,*
*Trà thơm nhẹ tỏa hương mai dịu-dàng*
*Gật-gù cất giọng ngâm vang*
*Bài thơ cổ đã từ ngàn năm xưa...*

PHÁT-ÂM.— Dậy — Nước sôi — Khoan-thai.

GIẢI-NGHĨA. — Còng: Khòm xuống, không thẳng lên được — Chế Pha, đổ nước sôi lên trên — Khoan-thai: Thong-thả, nhẹ-nhàng.

CÂU HỎI.— *Lúc gà gáy ai đã dậy rồi? — Lưng ông in bóng vào đâu? — Ông ngồi đợi gì? — Cái gì tỏa hương dịu-dàng?*

---

*CHÍNH-TẢ*

### II.— Thích ăn chua

Dũng rất thích ăn chất chua. Nước rau đã chua thế mà em còn vắt thêm chanh. Ngồi vào mâm là Dũng pha ngay giấm vào nước mắm. Thấy vậy, cha khuyên Dũng: «Con không nên ăn chất chua nhiều quá! Ăn thế rất có hại cho men răng.»

GIẢI-NGHĨA.— Vắt: Bóp, vặn cho nước chảy ra — Men răng: Chất trắng ở ngoài để che-chở cho răng.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ:

Y: Pha ngay, Ngay-thẳng — Ngai vàng.
GI: Giàm chua, Giàm-ghém. — Răm chuối.
R: Răng lợi, Răng-rắc — Dăng dây — Mặt giăng.



*TẬP ĐỌC*

## Lau bát đĩa

U già rất bận-rộn. U rửa kỹ những chiếc đũa màu trắng ngà rồi lau thật sạch. Đó là loại đũa dành riêng cho khách. Ngày thường, gia-đình Dũng dùng đũa tre.

U già xếp bát nhỏ thành từng chồng. Thìa (*muỗng*) bằng nhôm được lau sáng bóng. Mấy chiếc tô lớn bằng sứ trắng để cạnh chồng đĩa sạch. Má Dũng cầm bát, đĩa lên xem lại. Bà rất vừa ý.

PHÁT-ÂM.— Bận-rộn — Trắng ngà — Chồng.

GIẢI-NGHĨA.— Trắng ngà: Trắng đục như màu ngà (*răng*) voi — Gia-đình: Nói chung mọi người ở trong nhà — Chồng: Nhiều cái xếp đè lên nhau.

CÂU HỎI.— *Ai rất bận-rộn? — Những chiếc đũa màu gì? — Loại đũa trắng ngà dành riêng cho ai? — U già xếp cái gì thành từng chồng?*

*TẬP ĐỌC VUI* ☆

### TRĂNG THU

**Trăng thu chiếu rọi hiên nhà,**
**Chúng em tíu-tít đòi ba đốt đèn.**
**Trống lân vừa mới vang lên,**
**Em Hiền, bé Thảo, em Liên cuống-cuồng.**
**Chúng em vội chạy ra đường,**
**Nhập bọn cùng với con Hường, con Xuân.**
**Lời ca hoà lẫn trống lân,**
**Âm-thanh rộn-rịp, lan dần khắp nơi...**
**Đêm khuya, sương bắt đầu rơi,**
**Nến hết, trăng tỏ, cuộc vui cũng tàn...**
**Xóm nghèo trở lại mơ-màng,**
**Chìm trong đêm lạnh, ngập tràn ánh trăng.**

PHƯỢNG-THANH-HÀ

## CÓC BÔI VÔI

**Xưa có một người nhận thấy ở cái hang cóc ngày nào cũng có bấy nhiêu con, không sai con nào.**

**Một hôm, người ấy tinh-nghịch, bắt một con, đánh dấu vôi vào, rồi đem thả ở một nơi cách xa nhà.**

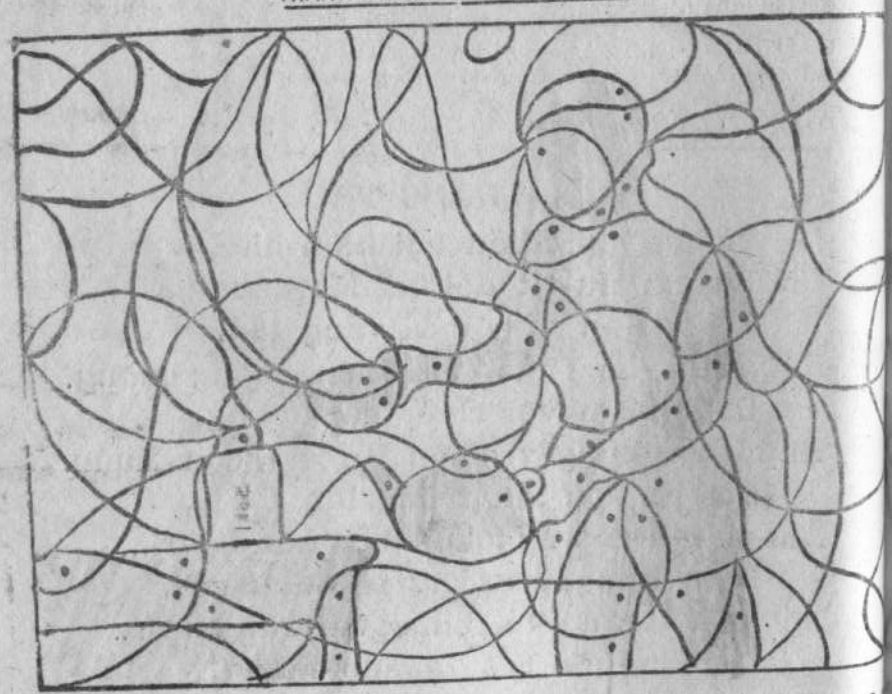
**Nhưng không bao lâu, người ấy lại thấy con cóc bôi vôi đã lộn về đấy rồi.**

**Thế mới hay cóc nhớ hang của nó, không bao giờ bỏ hang mà đi nơi khác.**

*Đừng có chết mất thì thôi,*
*Còn sống như cóc, bôi vôi lại về.*

☆

*TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN*



*Hình gì đây ? — Em hãy tô màu xanh vào những chỗ có chấm đen sẽ*

# TUẦN-LỄ THỨ 12

*NGỮ-VỰNG*

## I.— Vệ-sinh về đồ-ăn (t.t.)

BÀI GIẢNG.— **Thịt cá** *kho* **kỹ rồi cất vào** *chạn*. **Ta dùng** *nước đá* **hay** *tủ lạnh* **để giữ cho đồ-ăn** *tươi* **lâu. Cá** *ươn*, **thịt** *ôi* **cần phải bỏ đi. Chỉ nên ăn những quả** *chín*, **tránh ăn những quả còn** *xanh* **(sống)**

HỌC TIẾNG.— 1) **Chạn ; Tá lạnh ; Nước đá.**
2) **Đồ-ăn tươi ; Cá ươn ; Thịt ôi ; Quả chín, xanh.**
3) **Kho cá,**

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Cơm dẻo, canh ngọt.*

— *Tham thực, cực thân.*

GIẢI-NGHĨA.— **Chạn : Tủ đựng bát-đĩa, đồ-ăn — Ươn : Không tươi, gần thối — Ôi : Kém tươi — Tham-thực, cực thân :** Tham ăn, ăn nhiều quá hay ăn những đồ ăn thiu, ươn dễ sinh ra bệnh, làm đau-đớn đến thân-thể.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Thịt cá kho kỹ rồi cất vào đâu ? — Ta bỏ đồ-ăn vào tủ lạnh để làm gì ? — Ta không nên dùng những loại thịt cá thế nào ? — Nên ăn quả chín hay quả xanh ?*

☆

## Vệ-sinh về đồ uống

BÀI GIẢNG.— **Khi khát, Dũng uống nước trà hoặc** *nước lọc*. **Trẻ em không nên uống** *rượu* **hay** *cà-phê*. **Nước uống cần phải** *lọc kỹ rồi nấu* **chín để giết hết** *vi-trùng*. **Uống nước** *nóng* **quá hoặc** *lạnh* **quá đều có hại cho men răng.**

HỌC TIẾNG.— 1) **Nước lọc ; Rượu ; Cà-phê.**
2) **Nước nóng, lạnh.**
3) **Lọc nước ; Nấu nước.**

CA-DAO, THÀNH-NGỮ.— *Rượu là thuốc độc.*

GIẢI-NGHĨA. – Vi-trùng : Những vật rất nhỏ, mắt thường không thấy, phải dùng kính hiển-vi mới trông rõ. Vi-trùng gây ra nhiều bệnh làm chết người — Lọc nước : Dùng bông, cát, than hoặc bình sứ cho nước chảy qua để ngăn chất dơ-bẩn lại — Rượu là thuốc độc : Rượu uống nhiều có hại cũng như thuốc độc vậy.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Khi khát, Dũng uống nước gì? — Trẻ em không nên uống gì? — Nước uống cần làm thế nào cho trong? — Ta nấu chín nước để làm gì? — Uống nước thế nào thì có hại cho men răng?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Trả lời những câu hỏi về tạp-đề trong tuần.**

I.— *Ta cất đồ-ăn ở đâu để mèo khỏi ăn vụng? — Muốn giữ đồ-ăn cho tươi lâu, ta phải để vào đâu? — Ta không nên ăn cá thịt thế nào? — Ta nên ăn quả chín hay quả xanh?*

BÀI SỬA. – Chạn ; Tủ lạnh ; Cá ươn ; Thịt ôi ; Quả chín.

II.— *Uống nước gì tốt nhất? — Ta làm thế nào để có nước trong? — Ta nấu chín nước để làm gì? — Uống nước thế nào có hại cho men răng? — Trẻ em không nên uống gì?*

BÀI SỬA.— Nước lọc đun sôi để nguội ; Lọc nước ; Diệt vi-trùng ; Nước nóng quá hoặc lạnh quá ; Cà-phê hoặc rượu.

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) *a — an-toàn.*

2) *a — ào-ạt.*

## *TẬP ĐỌC* Vội-vàng

U già vừa giúp má, vừa trông bếp. Xào, rán (*chiên*), nấu-nướng, đun nước, việc gì cũng đến tay u.

Trong lúc vội-vàng, u già đổ mạnh chậu nước rửa rau ra sân. Nước bắn tung-toé làm ướt cả áo Dũng. U vội lấy áo khác cho Dũng thay. Dũng nhăn nhó bực mình. Thấy thế má bảo : « U già lỡ tay một chút, không hề gì. Con nên tử-tế với u. Như thế mới là đứa trẻ ngoan. »

PHÁT-ÂM.— Nấu nướng — Ướt — Tung-toé.

GIẢI-NGHĨA.— Vội-vàng : Gấp-rút, hấp-tấp — Nhăn-nhó : Cau-có, tỏ vẻ khó chịu — Tử-tế : Tốt bụng.

CÂU HỎI.— *U già vừa giúp mẹ vừa làm gì? — U đổ mạnh chậu nước làm ướt áo ai? — Dũng nhăn-nhó tỏ vẻ gì — Má khuyên Dũng phải đối với u già thế nào?*

---

## *CHÍNH TẢ* II.— Heo vẽ mình

— « Ai vẽ hoa lên mình heo thế ba ? »

— « Người ta đóng dấu đấy chứ ! »

— « Thưa ba, tại sao lại phải đóng dấu ? »

Ba Dũng thong-thả giảng cho Dũng nghe. « Vì có heo bị bệnh, nên người ta phải đóng dấu vào thịt heo khoẻ. Như thế mới phân-biệt được. »

GIẢI-NGHĨA.— Đóng dấu : Dùng con dấu in trên vật gì. — Phân-biệt : Chia rõ hẳn ra.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

D : Đóng dấu ; Dấu-vết ; Yêu dấu — Che giấu ; Giấu-giếm.

G : Giảng bài ; Giảng-nghĩa — Đơn-giản ; Giản-dị.

H. T. L.

## Nhớ lời thầy

*Thấy chăng những gánh hàng quà*
*Kẹo, đường, bánh ngọt bày ra giữa trời,*
*Không che, bụi bám, ruồi xơi*
*Bao tay dơ bẩn mó rồi cầm lên...*
*Nghĩ mà ghê-tởm cho nên*
*Muốn ăn, em cũng hết thèm vì dơ.*
*Nhớ lời thầy dạy hôm xưa*
*Không ăn quà vặt để ngừa ốm-đau.*

PHÁT-ÂM.— Ruồi xơi — Dạy — Dơ.

GIẢI-NGHĨA.— **Không che** : Không đậy kính — **Ghê-tởm** : Khiếp-sợ — **Ăn quà vặt** : Ăn luôn mồm, không ra bữa nào.

CÂU HỎI.— *Hàng quà không che đậy thì có gì bám vào ? — Tay bẩn (dơ) mó vào thì thức ăn sẽ thế nào ? — Ruồi thường ở những nơi nào ? — Hôm xưa, thầy dạy em điều gì ?*

---

CHÍNH TẢ

## II.— Đào giếng

Ngày xưa, vì mê-tín, nhiều làng không dám đào giếng. Họ ăn-uống, tắm-giặt bằng nước ao tù. Vì thế cả làng bị toét mắt. Trẻ con thì bụng đầy giun. Ngày nay dân-chúng không tin nhảm nữa. Họ hợp-lực đào giếng lấy nước uống. Nước giếng vừa trong, vừa mát, khiến mọi người khoẻ-mạnh.

GIẢI-NGHĨA.— Mê-tín : Tin nhảm — Hợp-lực : Chung sức với nhau.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

D : Không dám — Giám-thị, Giám-đốc — **Rám má.**
GI : Tắm giặt, Giặt-giũ — Dè-dặt, Dìu-dặt, — **Rặt người quen.**
**GI : Giun, Giun-sẻ** — Dun-nga, Run-sợ — **Run-rẩy.**



TẬP ĐỌC

## Đừng ăn nhiều

U già bày thức ăn lên mâm. Mâm nào cũng được đậy bằng lồng bàn. Bé Hồng chạy khắp nhà. Bé xem mọi người làm việc. Bé vui mừng chạy ra, chạy vào.

Thấy bé, anh Cường bảo: « Bé Hồng cẩn-thận đấy. Hôm nay nhà có giỗ nên có nhiều thức ăn ngon. Hồng đừng ăn nhiều quá mà vỡ (*bể*) bụng đó. » Nghe anh nói, Hồng ngoan-ngoãn gật đầu.

PHÁT-ÂM.— Lồng bàn — Cẩn-thận.

GIẢI-NGHĨA.— **Lồng bàn** : Đồ-dùng bằng lưới thép để đậy thức ăn tránh ruồi. — **Cẩn-thận** : Giữ-gìn kỹ-càng — **Đừng** : Chớ nên.

CÂU HỎI.— *Ai bày thức ăn lên mâm ? — Mâm cơm được đậy bằng gì ? — Bé Hồng xem ai làm việc ? — Anh Cường bảo ăn nhiều quá thì thế nào ?*

★

TẬP ĐỌC VUI

## CƠM KHÊ

**Chiều qua chị bận đi xa**
**Cho nên em phải ở nhà thổi cơm.**
**Nồi đồng, thổi gạo tám thơm,**
**Tính em háu đói, chất rơm bốn bề**
**Nào ngờ quá lửa thành khê**
**Má em nhiếc mãi, thẹn ê cả người..:**
**Bạn ơi ! Xin bạn đừng cười,**
**Xưa nay em vốn vẫn lười nấu ăn...**
**Cả ngày chỉ tập làm văn**
**Hễ vào đến bếp thì nhăn-nhó rồi**
**Cơm thì : dưới nát, trên ôi**
**Bạn xem như thế thì tôi hay ngoan ?**

Theo TRẦN-TRUNG-PHƯƠNG

## ANH CÂM BẬT NÓI

Xưa có một anh câm đi đánh cá, đánh được ít nhiều còn để ở trong đó cả. Đến bữa cơm vội về ăn, bỏ quên cái đó trên bờ ao.

Đến lúc ăn cơm xong chạy ra tìm đó thì trời mưa đổ xuống như trút. Cái đó đã mất từ bao giờ.

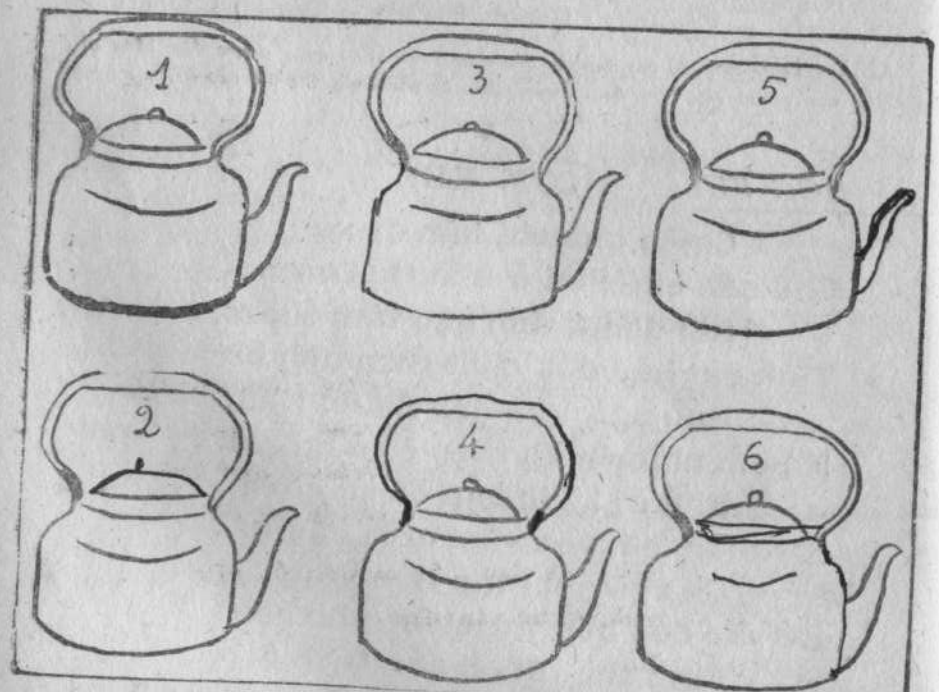
Phần tiếc đó, tiếc cá, phần bị mưa ướt hết quần-áo, anh vừa giận người, vừa căm trời. Thế là tự-nhiên anh bật ra được tiếng, nói rằng :

Trời mưa, trời gió — Trở ra mất đó
Vác đó đi đơm — Rõ thật đồ chó
Chạy về ăn cơm — Lấy đó của tao

Rồi vì sự căm-tức ấy mà anh câm hóa nói được.

☆

*TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN*




*So với cái ấm đun nước (hình số 1) thì những cái ấm kia còn thiếu gì ? — Các em hãy vẽ thêm vào nhé !*

# TUẦN-LỄ THỨ 13

## *NGỮ-VỰNG* Các thứ áo

BÀI GIẢNG.— Ra khỏi nhà, các bà *mặc áo dài*. Trời lạnh, Dũng *mặc áo dày*. Khi có đám ma đám tế, người ta mặc *áo thụng*. Chị Ba mới *may* chiếc áo cổ cao. Đi học về, Dũng *cởi áo*, treo lên *mắc áo*.

HỌC TIẾNG.— 1) Áo dài ; Áo thụng ; Cổ áo ; Mắc áo.
2) Áo dày. —
3) Mặc áo ; May áo ; Cởi áo.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *No cơm, lành áo.*
— *Áo rách khéo vá hơn lành vụng may.*

GIẢI-NGHĨA.— Áo thụng : Áo dài, hai tay rộng, mặc trong lễ đám ma hay đám tế. Mắc áo : Đồ dùng để treo (*máng*) áo — No cơm, lành áo : Chỉ cảnh no ấm, đầy-đủ không túng-thiếu.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Ra khỏi nhà các bà mặc áo gì ? — Dũng mặc áo gì khi trời lạnh ? — Trong đám ma, người ta mặc áo gì ? — Chị Ba mới may chiếc áo thế nào ? — Dũng treo áo lên đâu ?*

☆

## Các thứ áo (t.t.)

BÀI GIẢNG.— Má Dũng thường mặc *áo bà-ba*. Hôm nào trời lạnh, bà mặc thêm *áo len*, áo giạ. Ở nhà, Dũng mặc *áo may-ô* (áo thung) cho mát. Buổi tối ba Dũng mặc *áo ngủ*. Quần-áo phải *lành* và *sạch*, chứ không cần *xấu* hay *đẹp*. Thợ may *đo* vải để cắt áo.

HỌC TIẾNG.— 1) Áo bà-ba ; Áo len ; Áo may-ô ; Áo ngủ.
2) Áo lành, sạch, xấu, đẹp.
3) Đo vải.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ:

*— Đói cho sạch, rách cho thơm.*
*— Áo cũ để mặc trong nhà*
*Áo mới để mặc đi ra ngoài đường.*

GIẢI-NGHĨA.— **Đói cho sạch, rách cho thơm** : Câu này khuyên ta dù có nghèo-khổ cũng đừng bao giờ làm bậy. Lúc nào cũng phải giữ phẩm-giá của mình.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Má Dũng thường mặc áo gì ? — Trời lạnh, bà mặc áo gì ? — Dũng mặc áo gì khi ở nhà ? — Buổi tối ba Dũng mặc áo gì ? — Quần-áo chỉ cần thế nào ?*

## *TẬP LÀM VĂN*

**Trả lời những câu hỏi về tập-đề trong tuần.**

I.— *Khi đi chơi, các bà mặc áo gì ? — Về mùa lạnh người ta mặc áo gì ?— Mẹ em may áo ở đâu ?— Cổ áo của chị Ba cao hay thấp ? — Em treo áo lên đâu ?*

BÀI SỬA.— Áo dài ; Áo len hay Áo giạ ; Tiệm may ; Cao ; Mắc áo

☆

II.— *Ở nhà mẹ em thường mặc áo gì ?— Khi đi ngủ, cha em mặc áo gì ? — Khi nào em mặc áo len ? — Ai may áo và vá áo cho em ? — Em thích mặc quần-áo thế nào ?*

BÀI SỬA.— Bà-ba ; Quần-áo ngủ ; Trời lạnh ; Mẹ em , Lành và sạch

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, ~~in~~ nửa khổ.

1) *ă — ăn - mặc.*

2) *ă — mắm - măn.*







## TẬP ĐỌC — Chiếc áo dài

Đã đến ngày giỗ nội. Ông của Dũng tự tay quét-dọn bàn thờ. Ông xếp-đặt đồ lễ và thắp hương, nến.

Hôm nay ông mặc quần trắng, áo dài. Chiếc áo the đen mỏng và dài tới đầu gối. Hàng cúc màu vàng cách khoảng rất đều ở bên cạnh. Áo đã được là *(ủi)* thật phẳng. Thỉnh-thoảng ông vuốt lại tà áo.

Ông đội khăn xếp *(khăn đóng)* màu đen. Vành khăn bao quanh mái tóc bạc trắng. Trông ông thật nghiêm-trang.

PHÁT-ÂM.— Quét-dọn — Xếp-đặt — Khuy — Nghiêm-trang.

GIẢI-NGHĨA.— The: Thứ hàng dệt bằng tơ không bóng. — Tà áo: Vạt con, mảnh vải nhỏ ở trong áo.

CÂU HỎI.— *Ai quét dọn bàn thờ ? — Hôm nay ông nội của Dũng mặc quần áo gì ? — Chiếc áo the dài tới đâu ? — Ông đội khăn gì ?*

---

## CHÍNH-TẢ — I. Quốc-phục

**Cha Dũng mặc quốc-phục đi lễ từ-đường. Người mặc chiếc áo the thâm ra ngoài chiếc áo chùng trắng. Năm chiếc cúc đồng sáng bóng được cài sang phía bên. Quần là *(ủi)* thẳng nếp che kín mất cả chân. Cha Dũng còn đội khăn xếp đen . . .**

Theo V. T. THU

GIẢI-NGHĨA.— Quốc-phục : Quần-áo riêng của một nước — Từ-đường : Nhà thờ tổ-tiên chung cho cả họ — Áo chùng : Áo dài.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Q : Quốc-phục, Quốc-gia, — Cuốc đất, Cày-cuốc.
CH : Áo chùng, Tơ chùng — Trùng-dương, Vi-trùng.
X : Khăn xếp, Xếp-đặt — Ông sếp ga, Đội-sếp.

*H. T. L.*

## Đi chơi

*Vui là vui quá chị ơi !*
*Mau vô sửa-soạn, đi chơi cả nhà...*
*Này này... em mặc áo hoa*
*Có xinh không chị ? Hay là xấu đi ?*
*Kìa... anh hai diện sơ-mi*
*Quần tây mới ủi phẳng lì màu xanh*
*Chị thì... mặc áo thiên-thanh*
*Em trông chị thật hiền-lành dễ thương !*

PHÁT-ÂM.— Sửa-soạn — Xinh — Xấu — Sơ-mi.

GIẢI-NGHĨA.— Diện sơ-mi : Mặc áo sơ-mi đẹp, có ý phô-bày cho người khác coi — Phẳng lì : Rất phẳng, không có một nếp nhăn — Thiên-thanh : Màu xanh da trời.

CÂU HỎI.— *Đây là lời của ai gọi ai ? — Hôm nay em mặc áo gì ? — Anh hai mặc quần áo gì ? — Áo của chị màu gì ? — Em trông chị thế nào ?*

---

*CHÍNH-TẢ*

## II.— Chiếc áo rách

Vì vô-ý, lưng áo của Dũng bị rách một miếng lớn. Cha Dũng nghiêm nét mặt bảo con : « Áo này do công khó-nhọc của nhiều người mới có. Nào người thợ dệt kéo sợi, nào người thợ may cắt may, nào cha mẹ vất-vả kiếm tiền để mua. Từ nay con không được nô-đùa làm rách áo nhé ! ».

GIẢI-NGHĨA.— Nghiêm : Không cười, có ý giận — Kiếm tiền : Tìm ra, làm ra tiền.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

D : Thợ dệt, Thêu-dệt — Rõ-rệt.
R : Rách áo, Rách-rưới — Sõ dách.
D : Do công, Lý-do — Gio tàn — Co-ro.



*TẬP ĐỌC*

## Quần-áo ngủ

Anh Cường lo việc lau bàn-ghế. Sau đó, anh giúp ông lau các đồ thờ. Anh mặc bộ quần-áo màu xanh. Những đường viền đỏ nổi bật hẳn lên. Bộ quần-áo của anh rộng lắm.

Ông nói : « Lát nữa, cháu nhớ thay quần-áo ngủ đi, khách sắp đến rồi. » Hồng đang đứng xem anh làm việc cũng bắt-chước ông, giục : « Mau lên đi, anh Cường ! Khách tới rồi kìa... »

PHÁT-ÂM.— Nổi bật — Sắp đến — Bắt-chước.

GIẢI-NGHĨA.— Đồ thờ : Các thứ bày trên bàn thờ như : lư hương, cây nến, bình hoa v. v... Lát nữa : Lúc nữa, một khoảng thời gian ngắn nữa — Thay : Thế vào, lấy cái này đổi cái khác.

CÂU HỎI.— *Anh Cường lo việc gì ? — Bộ quần-áo của anh Cường màu gì ? Những đường gì nổi bật lên ở áo anh Cường ? — Ai sắp tới rồi ?*

✡

*TẬP ĐỌC VUI*

## MẸ EM

Cầm tay em, mẹ bảo :
— « Con nhớ học ôn bài.
« Để còn đọc ngày mai,
« Phải thuộc lòng con nhé ! »

Rồi mẹ em nhè-nhẹ,
Ra cắt, cắt, khâu, khâu,
Tiếng kéo giữa đêm thâu
Đều đều chia thớ vải.

Tay mẹ đưa mềm-mại
Từng đường chỉ, mũi kim,
Và nói với cha em :
— « May cho con tấm áo... »

Theo THI THI

## CƠM VỚI CÀ

Xưa có người khá giàu, nhưng tính tiết-kiệm. Bữa cơm, người ấy chỉ ăn cơm với quả cà.

Có kẻ thấy thế cười mà bảo rằng :

— «Người ta sinh ra trong trời đất, nay mưa, mai gió, chẳng lấy gì làm chắc. Vậy cũng nên ăn uống cho sướng chứ nhịn làm chi cho tội thân?»

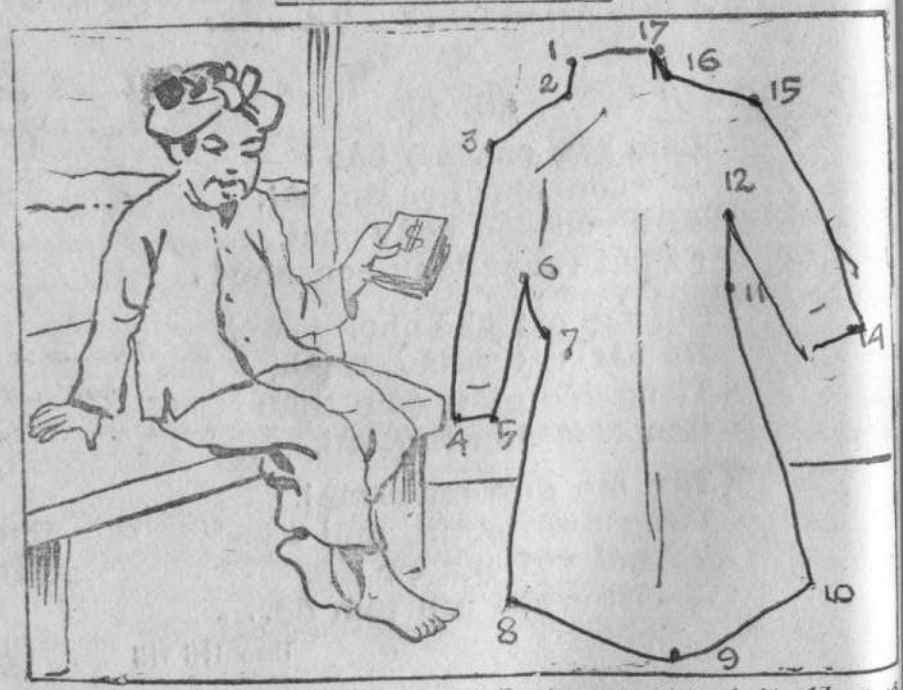
Người kia trả lời rằng :

— «Anh biết một mà chẳng biết mười. Con người ta ở đời không phải một ngày, một phút, nhưng còn lâu đài mãi. Vậy mà không liệu tính trước thì dần-dà của hết, người còn, mình đã chẳng có ăn, mà con cháu cũng đói-rách khổ-sở.»

Rồi sau, mặc tiếng khen-chê, người ấy cứ giữ thói tiết-kiệm chẳng bao lâu trong nhà mỗi ngày một giàu-có, thịnh-vượng mãi lên. Và con cháu cũng được đề-huề, sung-sướng.

☆

*TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN*




*Ông già này cầm tiền định đi mua gì ? Em hãy nối số từ 1 đến 17 sẽ rõ*

# TUẦN-LỄ THỨ 14

## *NGỮ-VỰNG*

### Quần

BÀI GIẢNG.— **Người lớn mặc** *quần dài*, **trẻ em mặc** *quần soóc*. **Ở nhà Dũng mặc** *quần đùi* **(cụt). Dũng** *thắt* **quần bằng** *dây lưng* **da. Em thường cho tay vào hai** *túi quần*. **Mặc quần** *dài*, **đến chỗ lội em phải xắn quần lên.**

HỌC TIẾNG.— 1) **Quần dài ; Quần soóc ; Quần đùi ; Dây lưng ; Túi quần.**
2) **Quần dài.**
3) **Thắt quần, Xắn quần.**

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Quần xắn móng lợn.*
— *Quần chùng, áo dài.*

GIẢI-NGHĨA.— **Quần soóc : Quần tây ngắn — Thắt : Ghì hai đầu dây cho chặt — Quần xắn móng lợn : Quần xắn đến đầu gối, tỏ ra làm việc vất-vả.**

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Người lớn mặc quần gì? — Trẻ em mặc quần gì? — Dũng thắt quần bằng gì? — Dũng thường cho tay vào đâu? — Mặc quần dài đến chỗ lội, em phải làm thế nào?*

☆

### Khăn

BÀI GIẢNG.— **Các cụ già thường** *đội khăn xếp* **(khăn đóng). Ở miền Bắc, các bà đội** *khăn vấn*. **Về mùa lạnh, lại trùm thêm** *khăn vuông*. **Ở miền Nam, các bà dùng** *khăn quàng rộng* **để che nắng. Nhiều cô** *uốn* **tóc hay** *búi tóc* **(bới tóc).**

HỌC TIẾNG.— 1) **Khăn xếp** *(khăn đống)* **; Khăn vấn ; Khăn vuông ; Khăn quàng** *(choàng)*.
2) **Khăn rộng.**
3) **Búi tóc ; Uốn tóc ; Đội khăn.**

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Khăn to tày rế.*

*— Giầy láng, khăn xếp.*

GIẢI-NGHĨA.— **Khăn xếp** : Khăn xếp sẵn thành những nếp. — **Khăn vuông** : Khăn làm bằng miếng vải hình vuông, dùng để bao kín đầu. — **Khăn quàng** : Khăn để quấn quanh vai hay trùm lên đầu.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Các cụ già thường đội khăn gì ? — Ở miền Bắc, các bà đội khăn gì ? — Ở miền Nam, các bà dùng khăn gì để che nắng ? — Tóc của các cô bây giờ thế nào ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Trả lời những câu hỏi về tạp-đề trong tuần.**

I.— *Ở nhà, em mặc quần gì ? — Ba em mặc quần gì lúc đi làm ? — Em thắt lưng bằng gì ? — Em may quần áo ở đâu ?*

BÀI SỬA.— Quần đùi (*quần cụt*) ; Quần dài ; Dây lưng ; Tiệm may.

☆

II.— *Mẹ em đội khăn hay búi (bới) tóc ? — Trên đầu mẹ em trùm khăn gì ? — Các cụ già thường đội khăn gì ? — Các cô con gái thường uốn tóc hay đội khăn ?*

BÀI SỬA.— Bới tóc ; Khăn vuông ; Khăn xếp ; Uốn tóc.

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, chữ nửa khổ.

1) *â — ầm-ầm*

2) *â — ân-cần*



## *TẬP ĐỌC* Chị Lan

Chị Lan đã đến. Hồng trông thấy chị trước tiên. Bé khoanh tay chào chị thật to. Chị vừa xoa đầu bé, vừa tươi-cười bỏ nón ra. Chị Lan là con gái bác Can.

Chị mặc chiếc áo bà-ba trắng, ngắn và gọn. Cổ áo tròn. Chiếc áo may rất khéo, chị mặc vừa-vặn.

Chị chào cả nhà, rồi vào bếp nói với má Dũng : « Thưa thím, thím để cháu đun nấu giúp. Chắc thím còn bận nhiều việc khác ! »

PHÁT-ÂM.— Khoanh tay — Xoa đầu — Vừa-vặn.

GIẢI-NGHĨA.— **Trước tiên** : Trước nhất — **Vừa-vặn** : Vừa lắm, không chật, không rộng — **Thím** : Tiếng gọi vợ của chú.

CÂU HỎI.— *Hồng trông thấy ai trước tiên ? — Hồng khoanh tay làm gì ? — Chị Lan là con ai ? — Áo của chị Lan màu gì ? — Chị Lan chào cả nhà rồi làm gì ? —*

---

## *CHÍNH-TẢ* I — Chiếc quần mới

Hôm nay Dũng mặc chiếc quần mới. Đây là lần đầu tiên Dũng được mặc quần dài. Dũng thấy mình như lớn hẳn lên. Tới trường Dũng đi ngay vào lớp. Các bạn Dũng reo lên : « Thằng Dũng mặc quần dài, ngộ quá chúng mày ơi ! » Dũng thấy mặt nóng ran lên vì thẹn.

GIẢI - NGHĨA.— **Thẹn** : Mắc-cỡ, xấu-hổ — **Nóng ran** : Nóng hết mọi chỗ.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

R : Reo lên, Reo-hò — Gieo mạ, Gieo-neo — Dăn-deo, Deo-dẻo.

R : Nóng ran, Ran-rát — Gian nhà, Gian-khổ — Dan-díu

C : Mặc quần, Mặc-kệ, Thủy-mặc — Mặt người, Tay mặt.

H. T. L.

## Anh em

*Anh em, khi ở trong nhà*
*Thường mặc bộ áo bà-ba bằng hàng.*
*Mỗi khi có việc ra đàng*
*Lại mang Âu-phục gọn-gàng làm sao !*
*Những chiều luyện-tập thể-thao*
*Quần cụt, áo lót, mặc vào khỏe ghê!*
*Mùa đông qua đến mùa hè*
*Áo dài, áo mỏng, bông the thay hoài.*

PHÁT-ÂM.— Gọn-gàng — Khỏe ghê — Bằng lòng.

GIẢI-NGHĨA.— **Bằng hàng**: Bằng tơ lụa — **Gọn-gàng**: Vừa-vặ không loè-xòe, lôi-thôi — **Thay hoài**: Thay-đổi luôn luôn.

CÂU HỎI.— *Ở nhà, anh em mặc áo gì ? — Khi ra đàng, anh mang bộ gì Anh mặc quần cụt, áo lót vào lúc nào ? — Anh mặc áo dày về mùa nào ?*

---

CHÍNH TẢ

## II.— Cô bé miền quê

Mít đội chiếc khăn-vuông mỏ quạ. Mùa nóng hay mùa rét, lú nào Mít cũng trùm khăn. Mít cốt che cho nắng khỏi rám cặp m hồng. Những ngày hội-hè, Mít thích mặt quần lĩnh, áo the nâ Trông Mít rất xinh và có duyên. *TRẦN-TIÊU*

GIẢI-NGHĨA : Khăn vuông : Mảnh vải hình vuông mà các bà dù để đội che kín đầu — Hội-hè : Các hội vui ở đình làng.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

G : Khăn vuông, Vuông-vắn, Vuông-vức, Vuông-tròn.
TR : Trùm khăn, Trùm họ, Chúa trùm — Chùm hoa.
X : Rất xinh, Xinh-xắn — Sinh-đẻ.



TẬP ĐỌC

## Khách đến

Một lúc sau, khách đến đông dần. Ba Dũng đứng ở cửa để chào đón từng người. Được dịp họp mặt, họ-hàng ai cũng vui-vẻ.

Phần lớn đều mặc áo dài. Chỉ có vài người chị của Dũng mặc áo cánh. Các chị còn nhỏ tuổi cả. Riêng bà Tư lại mặc thêm một cái áo len. Bà đã già-yếu. Trời không lạnh mà bà vẫn phải mặc thế mới đủ ấm.

PHÁT-ÂM.— Dịp — Già-yếu — Trời lạnh.

GIẢI-NGHĨA.— **Họ-hàng** : Nói chung cả mọi người trong họ nội, họ ngoại — **Áo cánh** : Áo ngắn, áo bà-ba — **Nhỏ tuổi** : Còn trẻ, còn ít tuổi.

CÂU HỎI.— *Ba Dũng đứng ở đâu ? — Phần lớn khách đều mặc áo gì ? — Ai mặc áo cánh ? — Bà Tư mặc thêm cái áo gì ?*

★

TẬP ĐỌC VUI

## BÀ CHÁU

**Vào buồng cất sách trở ra,**
**Em đến bên bà, âu-yếm cầm tay :**
**— « Bà ơi buổi học sáng nay**
**« Trả bài, con thuộc, được thầy giáo khen.**
**« Khen rồi, thầy lại còn khuyên,**
**« Khuyên con cố học cho chuyên nữa vào.**
**« Bài làm, con được điểm cao,**
**« Bạn con chẳng có đứa nào bằng con ! »**
**Mỉm cười bà gật đầu luôn,**
**Rồi bà vít cổ, bà hôn em hoài.**

HỒNG-CHÂU

## BÀ TIÊN GIÀ

Bé Hiền mười tuổi, mồ côi cha mẹ, ở với cậu. Một hôm, có một bà lão ăn mày rách-rưới gõ cửa. Người nhà xua-đuổi. Hiền chạy theo nói rằng:

— « Bà nghèo-khổ, cháu cho bà vài chén gạo. »

Tối đến, bà lão lại xin ngủ tạm. Hiền liền nhường chỗ mình cho bà lão. Bà lão ăn mày khi ra đi, dặn Hiền rằng:

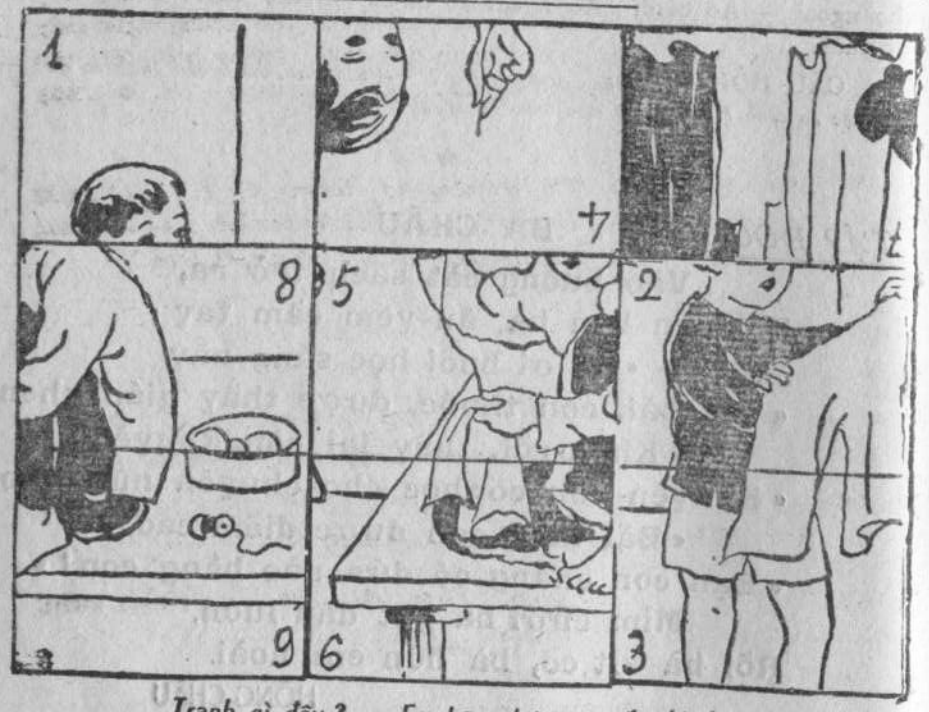
— « Bà có con mèo này. Cháu rán nuôi nó giùm. » Cậu mợ hay đánh đập bé cũng vì con mèo ấy.

Một chiều kia bà lão ăn mày chống gậy đến nói: « Cháu thương-yêu loài vật. Bà tặng cháu đó! »

Nói xong, bà biến thành một bà Tiên, còn con mèo hóa thành con mèo bằng vàng rất quý-giá.

✯

*TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN*




*Tranh gì đây ? — Em hãy phóng ra cắt thành 9 mảnh rồi ráp lại theo thứ-tự sẽ rõ.*

# TUẦN-LỄ THỨ 15

## NGỮ-VỰNG — Mũ (*nón*)

BÀI GIẢNG.— Khi ra nắng, ta *đội mũ*, đội *nón lá* hay che *dù*. Có nhiều loại mũ như: *mũ giạ* (nón ni), *mũ lưỡi trai* (nón kết) *mũ vải* v.v... Dùng mũ *trắng* phải đánh phấn luôn. Vào nhà, Dũng *bỏ mũ* ra. Gặp người quen em *ngả mũ* chào.

HỌC TIẾNG.— 1) Nón lá ; Dù ; Mũ giạ ; Mũ lưỡi trai ; Mũ vải.
2) Mũ trắng.
3) Đội mũ ; Bỏ mũ ; Ngả mũ.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ:

— *Mũ ni che tai.*

— *Ai đội mũ lệch, người ấy xấu.*

GIẢI-NGHĨA.— Mũ ni : Mũ có cái diềm che kín cả tai lẫn gáy (*ót*). Mũ ni che tai : Đội mũ ni, tai bị che kín, người đội không nghe thấy gì hết. Câu này dùng để chỉ người muốn yên thân, không biết đến việc khác — Ai đội mũ lệch, người ấy xấu : Ai làm việc gì xấu thì riêng người ấy phải chịu.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Khi ra nắng, ta thường đội gì ? — Hãy kể những loại mũ mà em biết — Dùng mũ gì ta phải đánh phấn luôn ? — Vào trong nhà, em phải làm gì ? — Gặp người quen, em làm thế nào để chào ?*

✯

## Giầy, dép

BÀI GIẢNG.— Quân-nhân thường *đi giầy đinh*. Đế và *gót giầy* đều đóng đinh cho khỏi bị trượt. Lúc tập thể-dục, Dũng đi *giầy vải trắng*. Dép của Dũng đã bị đứt *quai*. Sáng qua, Dũng đi *đóng giầy mới*.

HỌC TIẾNG.— 1) Giầy đinh ; Giầy vải ; Đế ; Gót giầy ; Dép ; Quai.
2) Giầy trắng.
3) Đi giầy ; Đóng giầy.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Ra giầy vào dép.*

*— Đi guốc vào bụng.*

GIẢI-NGHĨA.— Ra giầy vào dép : Chỉ người sang-trọng, giàu-có. Đi guốc vào bụng : Câu này ý nói là biết rõ ý-nghĩ của người khác.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Quân-nhân thường đi giầy gì ? — Đinh sẽ được đóng ở đâu ? — Lúc tập thể-dục, Dũng đi giầy gì ? — Sáng qua Dũng đi đâu ? — Dép của Dũng bị đứt gì ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Trả lời những câu hỏi về tạp-đề trong tuần.**

I.— *Các bà, các cô đội gì khi ra đường ? — Hãy kể vài thứ mũ mà em biết ? — Muốn cho mũ trắng, em phải làm thế nào ? — Em ngả mũ để làm gì ?*

BÀI SỬA.— Nón ; Mũ giạ ; Mũ vải, Mũ trắng ; Đánh phấn ; Chào các bậc tôn-trưởng.

☆

II.— *Ai thường đi giầy đinh ? — Em thích đi giầy da hay giầy vải ? — Giầy của em màu gì ? — Dép của em có mấy quai ? — Dế giầy của em bằng gì ?*

BÀI SỬA.— Quân-nhân ; Giầy vải ; Màu trắng ; Hai quai ; Cao-su.

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) *d — dìu-dắt.*

2) *d — dằn-dà.*



## *TẬP ĐỌC* Mũ mới

Chú Vinh vui tính quá! Vừa vào nhà, chú đã tươi-cười hỏi : « Lâu lắm không gặp cháu Dũng. Thế nào ? Cháu học lớp mấy rồi ? »

Dũng nói : « Dạ thưa chú, cháu học lớp Tư. »

Bé Hồng nghe chú hỏi, vội lon-ton chạy ra : « Cháu cũng đi học lớp Năm rồi chú ạ. »

Bé đội chiếc mũ lưỡi trai mà ba mới mua cho. Mũ bằng vải, có nhiều múi, mỗi múi một màu thật đẹp. Chú Vinh khen mũ của bé Hồng mãi...

PHÁT - ÂM.— Lon-ton — Lưỡi trai.

GIẢI - NGHĨA.— Lon-ton : Dáng đi nhanh - nhẹn — Mũ lưỡi trai (*nón kết*) : Mũ có vành như hình lưỡi con trai thè ra ngoài.

CÂU HỎI.— *Ai rất vui tính ? — Dũng học lớp mấy ? — Nghe tiếng chú Vinh bé Hồng làm gì ? — Bé đội chiếc mũ gì ?*

---

## *CHÍNH - TẢ* I.— Cái mũ trắng

Cái mũ này mới xinh làm sao ! Dũng đội vừa-vặn. Bên ngoài là lớp vải « ka-ki » trắng. Chóp mũ nhỏ. Lòng mũ lót lụa vàng. Vành mũ màu xanh. Quai bằng da nâu xẫm.

Dũng mong chóng đến giờ đi học để đội mũ mới...

GIẢI-NGHĨA.— Vừa-vặn : Không rộng, không chật — Ka-ki : vải dầy.

NHẬN - XÉT CHÍNH - TẢ :

S : Làm sao, Ông sao — Cá nhảy lao-xao, Xao-xuyến, Xôn-xao.

~ : Cái mũ — Máu mủ.

X : Xẫm, Nâu xẫm — Sờ-sẫm, Sà-sẫm

*H. T. L.*

## Chị em

*Hàng tuần, mỗi sáng thứ hai*
*Chị em mặc chiếc áo dài thiên-thanh.*
*Dưới trời mai cũng màu xanh*
*Chị đi học, dáng hiền-lành biết bao?*
*Gặp người quen, chị cúi chào*
*Nghiêng vành nón trắng, ngọt-ngào lời thưa.*
*Trong làng từ cụ già nua*
*Đến cô giáo mới đều ưa chị nhiều...*

PHÁT-ÂM.— Mỗi sáng — Dưới trời — Nón trắng.

GIẢI-NGHĨA.— Thiên-thanh: Màu xanh da trời — **Dáng**: Điệu-bộ, hình-thể — Ưa: Lấy làm bằng lòng, lấy làm thích.

CÂU HỎI.— *Chị em mặc chiếc áo gì? — Bầu trời buổi sáng màu thế nào? — Gặp người quen, chị làm gì? — Lời thưa gửi của chị thế nào? — Những ai đều ưa chị?*

*CHÍNH-TẢ*

## II— Đôi giầy mới

**Ba mới đóng giầy cho Dũng. Dũng đi thử, thấy vừa quá! Em tháo giầy ra. Em lau cho hết bụi rồi bỏ vào hộp...**

**Dũng thì-thầm với má: « Con để dành đôi giầy này đến Tết mới đi, má nhé! »**

GIẢI-NGHĨA.— Tháo: Mở ra, cởi ra — **Thì-thầm**: Nói tiếng nhỏ, tiếng to, không nghe rõ.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ:

| | | |
|---|---|---|
| O : | Tháo giầy | — Liến thoắng |
| D : | Để dành, Dành-dụm | — Tranh-giành, Giành độc-lập — Rành-rẽ |
| U : | Lau giầy, Khăn lau | — Ho lao, Lao-lực, Phóng lao |
| GI : | Giầy-dép | — Dà, mỏng, Rầy-la, Bọ rầy. |



*TẬP ĐỌC*

## Giầy mới

Chú Vinh đi đôi giầy mới. Giầy đóng bằng da mềm, bóng-loáng. Thợ giầy khâu khéo quá. Các đường chỉ rất đều và kín. Đế giầy là một miếng cao-su. Chú Vinh bước đi rất êm. Dũng ngắm-nghía mãi đôi giầy của chú.

Em nghĩ: « Chắc phải lau giầy luôn mới bóng thế. » Chú Vinh thấy Dũng nhìn mãi liền xoa đầu em và nói: « Cháu thích mang giầy không? Để rồi chú mua cho cháu một đôi. »

PHÁT-ÂM.— Bóng-loáng — Cao-su — Ngắm-nghía.

GIẢI-NGHĨA.— Bóng-loáng: Bóng lắm, có thể soi gương được. **Kín**: Không hở — Ngắm-nghía: Xem đi, xem lại.

CÂU HỎI.— *Chú Vinh đi đôi giầy cũ hay mới? — Giầy của chú đóng bằng gì? — Thợ giầy khâu khéo hay vụng? — Dũng nghĩ thế nào?*

☆

*TẬP ĐỌC VUI*

### MƯỜI YÊU

**Một yêu tính Bé hiền-lành**
**Hai yêu Bé biết yêu anh, mến bà**
**Ba yêu Bé rất thương ba**
**Bốn yêu Bé lại nhường quà cho em**
**Năm yêu Bé được thầy khen**
**Sáu yêu tối Bé bên đèn học ôn**
**Bảy yêu Bé nói ôn tồn**
**Tám yêu tính Bé luôn luôn giúp người**
**Chín yêu miệng bé hay cười**
**Mười yêu Bé nhất là môi Bé hồng...**

KIÊN-DŨNG

## CỌP TRẢ ƠN

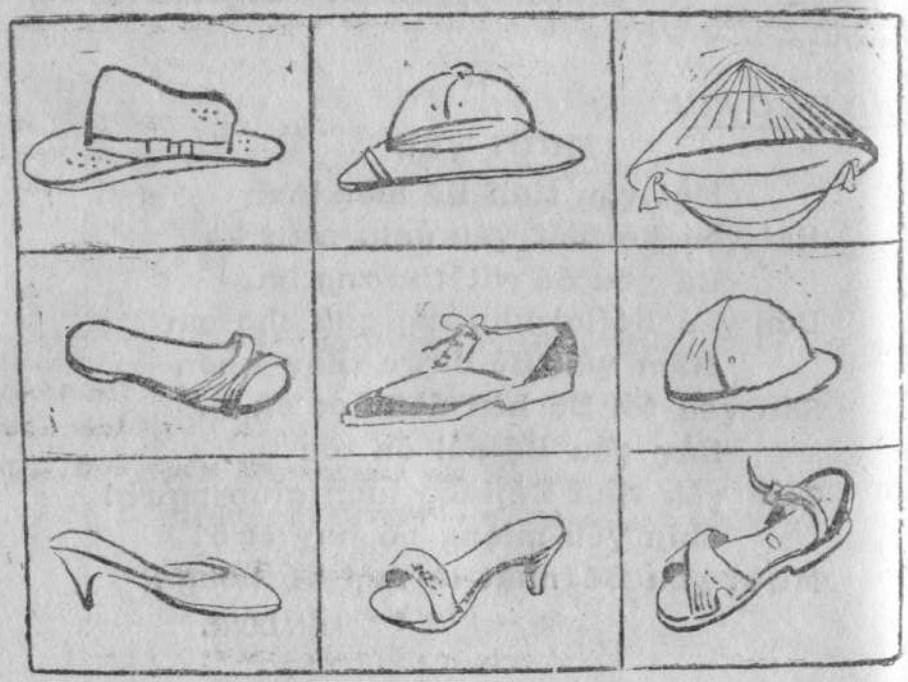
Ngày xưa, một ông thầy-thuốc đi ngang qua rừng. Ông gặp một con cọp. Cọp ta chạy ra tha ông về hang. Đến hang, ông thấy con cọp con đang nằm gào thét. Ở cổ cọp con có cái nhọt to. Ông lấy dao ra mổ mụt nhọt ấy rồi xức thuốc vào chỗ đau. Làm xong cọp mẹ cõng ông bỏ về chỗ cũ. Hôm sau cọp tha gói đồ đến tận nhà ông mà đền ơn. Mở ra đó là một cái vòng vàng. Chẳng may có một người đàn-bà mất đồ lại nhận rồi kiện lên quan trên.

Ông thầy-thuốc kể chuyện con cọp trả ơn cho quan nghe. Ai nấy không tin. Ông xin phép đem cọp vào làm chứng. Quan hỏi cọp mẹ có phải ông thầy-thuốc nầy cứu chữa cọp con không? Cọp mẹ gật đầu và chỉ vào chỗ thẹo ở cổ của cọp con.

Nhờ đó ông thầy-thuốc được tha bổng trở về và cọp mẹ thỉnh-thoảng mang đồ đến tạ ơn.

☆

*TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN*



*Các em hãy viết tên dưới mỗi hình rồi tô màu cho đẹp.*

# TUẦN-LỄ THỨ 16

## *NGỮ-VỰNG*

### Giặt ủi

BÀI GIẢNG.— Chị Hai trải quần-áo lên *bàn giặt*. Chị xát *xà-bông* rồi chải bằng *bàn chải*... Khi quần-áo khô, chị *là* (ủi) bằng *bàn ủi*. Hôm nào hết *điện*, chị *đốt* bàn ủi bằng *than*. Bàn ủi *nóng* quá dễ làm cháy quần-áo, nhưng nguội lại khó ủi.

HỌC TIẾNG.— 1) Bàn giặt ; Xà-bông ; Bàn chải ; Bàn ủi ; Điện, Than.

2) Bàn ủi nóng, nguội.

3) Ủi ; Đốt bàn ủi.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Quần là ống sớ.*

— *Đói cho sạch, rách cho thơm.*

GIẢI-NGHĨA.— Bàn giặt : Tấm ván gỗ dùng để giặt quần-áo— **Quần là ống sớ** : Quần ủi phẳng và có nếp trông như cái ống đựng sớ (sớ là đơn viết để tâu lên thần, hoặc vua chúa ngày xưa).

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Chị Hai trải quần-áo lên đâu?— Chị chải quần-áo bằng cái gì? — Chị dùng cái gì để ủi? — Khi hết điện, chị đốt bàn-ủi bằng gì? — Bàn ủi thế nào dễ làm cháy quần-áo?*

☆

### II.— Giữ-gìn quần-áo

BÀI GIẢNG.— Quần-áo *bẩn* phải đem *giặt* sạch, phơi *khô*. Quần áo ủi xong thì treo vào *tủ* hay xếp vào *rương*, để chuột khỏi cắn. Nên bỏ vào tủ vài viên *long-não* hay *băng-phiến* để tránh gián. Giữ-gìn cẩn-thận thì áo-quần mới bền lâu.

HỌC TIẾNG.— 1) Tủ ; Rương ; Long-não ; Băng-phiến

2) Quần-áo bẩn, khô.

3) Giặt quần-áo ; Giữ-gìn quần-áo

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Tốt danh hơn lành áo.*

*— Áo rách khéo vá hơn lành vụng may.*

GIẢI-NGHĨA.— **Long-não** : Nhựa cây, mùi thơm, dùng làm thuốc — **Băng-phiến** : Chất màu trắng, mùi thơm, lấy ở dầu hôi ra, dùng để trừ gián, mối — **Tốt danh hơn lành áo** : Có tiếng tốt (như : học giỏi, nết ngoan) còn hơn mặc quần lành, áo đẹp.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Quần-áo dơ bẩn thì phải làm thế nào ? — Ta treo quần-áo ủi rồi ở đâu ? — Ta xếp quần-áo vào đâu ? — Nên bỏ gì vào tủ để trừ gián ? — Muốn quần-áo bền lâu phải làm thế nào ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Trả lời những câu hỏi về tạp-đề trong tuần-lễ.**

I.— *Ai thường giặt quần-áo cho em ? — Má giặt quần-áo bằng gì ? — Má dùng gì để chải quần-áo ? — Muốn quần-áo phẳng má dùng gì để ủi ? — Má em dùng bàn ủi điện hay bàn ủi than ?*

BÀI SỬA.— Má em ; Xà-bông ; Bàn chải ; Bàn ủi ; Bàn ủi điện.



II.— *Quần-áo của em cất ở đâu ? — Tủ áo tại nhà em to hay nhỏ ? — Em bỏ gì vào rương, tủ để trừ gián ? — Quần-áo bẩn thì phải làm gì ? — Phải làm thế nào cho quần-áo bền lâu ?*

BÀI SỬA.— Tủ áo ; Nhỏ ; Băng-phiến (long-não) ; Giặt ; Giữ-gìn.

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) *đ — đu-đủ.*

2) *đ — đon-đả.*



## *TẬP ĐỌC* Giặt quần-áo

Anh em Dũng đều mặc quần-áo mới. Má giặt và là (*ủi*) những bộ quần-áo này. Má vò kỹ cổ áo, cánh tay áo. Quần dài của anh Cường dày quá ! Má phải dùng bàn chải để chải.

Quần-áo phơi khô rồi má lại là (*ủi*) từng chiếc thật cẩn-thận. Tuy còn nhỏ, song anh em Dũng đã biết thương má. Các em giữ-gìn quần-áo sạch-sẽ, để má đỡ mất công giặt luôn.

PHÁT-ÂM.— Giặt — Dày — Bàn chải.

GIẢI-NGHĨA.— **Vò** : Lấy tay cọ-xát làm cho sạch — **Phơi** : Trải ra chỗ nắng cho khô — **Cẩn-thận** : Làm việc đến nơi, đến chốn.

CÂU HỎI.— *Ai mặc quần-áo mới ? — Má vò kỹ cái gì ? — Quần của anh Cường thế nào ? — Quần-áo khô rồi, má còn làm gì ?*

---

## *CHÍNH-TẢ* I.— Giặt quần-áo

**Chị Hai xát** (*chà*) xà-bông một lượt trên những quần-áo đã nhúng nước. Xong rồi chị trải từng chiếc lên bàn giặt. Dùng bàn chải, chị chải đi, chải lại nhiều lần. Bọt trắng bắn tung-toé. Bây giờ chỉ còn giũ nước sạch nữa là xong.

GIẢI-NGHĨA.— **Nhúng** : Bỏ xuống nước rồi lại lấy lên — **Tung-toé** : Bắn ra khắp mọi nơi — **Giũ** : Nhúng vào nước nhiều lần cho hết xà-bông và chất bẩn.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

| | | | |
|---|---|---|---|
| X : | Xát xà-bông ; Chà-xát | — | Sát cánh ; Sát đất. |
| T : | Một-lượt ; Lần lượt | — | Cái lược ; Tóm-lược. |
| TR : | Trải chiếu ; Từng-trải | — | Bàn chải ; Chải tóc. |

*H. T. L.*

## Áo-quần

*Áo-quần mặc để che thân;*
*Cốt sao sạch-sẽ, chẳng cần xa-hoa...*
*Mặc ai gấm, vóc, lượt, là,*
*Quần sồi, áo vải, hàng ta, ta dùng.*
*Áo-quần chớ có mặc chung,*
*Giặt xong, nên nhúng vào thùng nước sôi.*
*Đem phơi, rận chết hết rồi,*
*Thơm-tho, sạch-sẽ, mùi hôi chẳng còn.*

PHÁT-ÂM.— Sạch-sẽ — Xa-hoa — Giặt.

GIẢI-NGHĨA.— Xa-hoa : Xa-xỉ, phung-phí mất nhiều tiền — Lượt : Hàng tơ dệt làm khăn — Là : Hàng tơ mỏng trông qua rất rõ — Nhúng : bỏ xuống nước rồi nhấc lên ngay.

CÂU HỎI.— *Áo-quần mặc để làm gì ? — Quần-áo cần phải thế nào ? — Tại sao lại không nên mặc chung quần-áo ? — Làm thế nào cho quần-áo thơm-tho ?*

---

*CHÍNH-TẢ*

### II.— Cái tủ áo.

Cái tủ này không cao lắm. Hai cánh cửa đầy vân gỗ bóng-loáng. Bên trong tủ có hai buồng để treo áo dài. Buồng bên cạnh có ba ngăn để xếp quần-áo ngắn... Quần-áo trong tủ được xếp rất gọn-gàng!

GIẢI-NGHĨA.— Gọn-gàng : Đâu ra đấy, có thứ-tự.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

G : Bóng-loáng. Bóng người — Táo-bón, Bón cây.
I : Hai buồng, Một hai — Rất hay, Hát hay, Hay là.
TR : Treo áo, Treo màn — Cheo-leo, Cheo-chéo.



*TẬP ĐỌC*

## Tủ áo

Dũng mở tủ lấy một bộ quần-áo sạch-sẽ, phẳng-phiu. Tủ có nhiều ngăn. Anh Cường có một ngăn riêng. Quần-áo của Dũng và của bé Hồng để chung một ngăn. Để trừ gián, má rải nhiều viên băng-phiến trong tủ. Nhờ thế mà quần-áo nào cũng có mùi thơm nhè-nhẹ.

Ai cũng khen là anh em Dũng ăn-mặc gọn-gàng, sạch-sẽ.

PHÁT-ÂM.— Sạch-sẽ — Phẳng-phiu — Gọn-gàng.

GIẢI-NGHĨA.— Phẳng-phiu : Không có nếp nhăn, không lồi-lõm — Gián : Côn-trùng nhỏ, cánh đỏ xẫm, có mùi hôi.

CÂU HỎI.— *Dũng mở tủ lấy gì ? — Tủ có nhiều hay ít ngăn ? — Quần-áo của ai để chung một ngăn ? — Má bỏ gì vào tủ để trừ gián ?*

*TẬP ĐỌC VUI*

### DỖ-DÀNH

Ê! ê! bé Ái ngủ trưa
Bảo mãi không chừa, bé thật hư ghê!
Biết không, cô giáo thường chê
Chú nào đi trễ, chả về được đâu!
Cô bắt ở lại thật lâu
Rồi phải nhịn đói, học câu này này:
« Em không trễ nữa, từ rày
Sẽ đi học sớm để thầy cô khen! »
Bé ơi! bé có thấy thèm,
Cái bánh để cạnh cốc kem không nào?
Chạy nhanh lên tí, úi dào
Em chị ngoan quá, thảo nào ba yêu.

BÉ HẠNH

## DƠI ĂN MUỖI

Xưa có một con muỗi với một con dơi. Hai con có việc bất-bình, đi thưa nhau.

Muỗi thì mướn mèo làm thầy kiện, dơi thì cầu chuột làm thầy cãi.

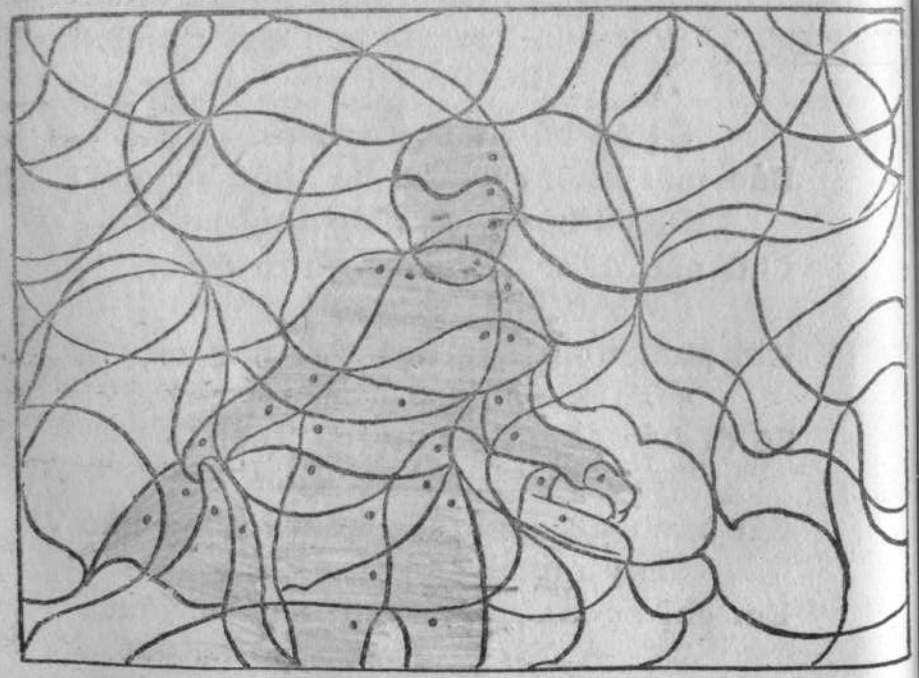
Thế rồi thầy kiện mèo xơi thịt luôn thầy cãi chuột.

Dơi mất thầy, dơi thua. Nhưng dơi không chịu, chỉ chực báo-thù lại muỗi mới nghe !

Muỗi sợ không dám thò đầu ra ban ngày. Còn dơi cũng đợi lúc nào muỗi ra thì dơi mới ra. Dơi ra đớp thật nhiều muỗi. Dơi ăn nhiều muỗi và mối oán-thù gây ra từ đó.

☆

*TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN*



*Hình gì đây ? — Các em hãy tô màu vào những chỗ có chấm đen sẽ rõ.*

# TUẦN-LỄ THỨ 17

## *NGỮ-VỰNG*

### Nhà cửa

BÀI-GIẢNG.— **Hai** *mái nhà* **của Dũng ở đều** *lợp ngói*. **Chung-quanh** *tường* **có** *cửa sổ* **và** *cửa ra vào*. *Nền nhà* **lát gạch bông. Trước nhà có** *mái hiên*. **Ở** *nhà cao-ráo*, **nên mọi người trong gia-đình Dũng đều khỏe-mạnh.**

HỌC TIẾNG.— 1) Mái nhà ; Tường ; Cửa sổ ; Cửa ra vào ; Nền nhà ; Hiên (*hàng ba*).

2) Nhà cao-ráo.

3) Lợp ngói.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Nhà ngói cây mít.*
— *Nhà sạch thì mát.*

GIẢI-NGHĨA.— Nền nhà : Chỗ đất đắp cao để xây nhà lên trên — Nhà ngói, cây mít : Nhà lợp ngói, có mít ở trước nhà, ý nói nhà giàu có — Nhà sạch thì mát : Nhà sạch-sẽ, gọn-gàng tự-nhiên thấy mát, còn nhà dơ-bẩn thì thấy nóng-nực.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Nhà Dũng có mấy mái ? — Chung quanh tường nhà có gì ? — Trước nhà có gì ? — Nhờ ở nhà thế nào mà mọi người đều khỏe-mạnh ?*

☆

### Các thứ nhà.

BÀI-GIẢNG.— **Ở thành-phố có nhiều** *nhà lầu*. **Tại thôn-quê, dân-chúng ở** *nhà gỗ, nhà tranh*. **Nhiều chỗ chỉ là những** *túp lều lụp-sụp*. **Đồng-bào Thượng ở** *nhà sàn* **để tránh thú dữ.**

**Nền nhà lát** (*lót*) **gạch bông, tường** *quét vôi* **trắng nên trông nhà sáng hẳn lên.**

HỌC TIẾNG.— **1) Nhà lầu ; Nhà gỗ ; Nhà tranh ; Túp ; Lều ; Nhà sàn.**

**2) Nhà lụp-sụp.**

**3) Lát gạch** (*Lót gạch*) **; Quét vôi** (*Sơn vôi*).

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Nhà tranh, vách đất.*

*— Lầu son gác tía.*

GIẢI-NGHĨA.— Nhà lầu : Nhà có lầu, có gác — **Lều, túp :** Nhà nhỏ cất ở ven sông, hay ở cánh đồng để ở tạm — **Lụp-sụp : Thấp** — Nhà sàn : Nhà làm có sàn, người ở trên, dưới bỏ trống hay nuôi súc-vật.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Ở thành-phố có nhiều nhà gì ? — Dân quê ở nhà gì ? — Đồng-bào Thượng ở nhà gì để tránh thú dữ ? — Nhờ đâu nhà trông sáng hẳn lên ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu ngắn.**

*I.— Mái nhà ; Nền nhà ; Cửa sổ ; Sạch-sẽ ; Xây nhà.*

☆

*II.— Nhà ngói ; Nhà lầu ; Nhà sàn ; Lụp-sụp ; Quét vôi.*

---

## *TẬP VIẾT*

**Chữ thường, lớn nửa khổ.**

1) *q, — quấn-quít.*

2) *q, — quần-quật.*



## *TẬP ĐỌC* Nhà Dũng

Hôm giỗ vì khách tới đông nên phòng khách còn được dùng làm phòng ăn. Ông cười nói: — « Nếu có tiền, cơi thêm một tầng lầu nữa thì tha-hồ rộng. »

Quả-thật nhà Dũng hơi chật. Nhà làm theo kiểu mới, chia ra nhiều phòng. Tường nhà được quét vôi xanh. Nền nhà lát gạch hoa (*gạch bông*).

Buổi chiều mọi người trở ra về. Đứng trước hiên, bác Can dừng lại ngắm giàn hoa rồi nói; « Loài hoa này khi nở đẹp lắm. »

PHÁT-ÂM.— Rộng — Ra về — Trước hiên.

GIẢI-NGHĨA.— Tha-hồ : Cho tự-nhiên, muốn thế nào cũng được — Quả-thật : Đúng như vậy, như thế — Giàn : Cái phên thưa để cho dây leo lên hay để che cây cảnh.

CÂU HỎI.— *Ông cười nói thế nào ? — Nhà Dũng làm theo kiểu mới hay cũ ? — Tường quét vôi màu gì ? — Nền nhà lát gạch gì ? — Giàn hoa ở phía nào ?*

---

## *CHÍNH-TẢ* I.— Ngôi nhà mới

Ngôi nhà này xây theo kiểu mới. Mặt trước nhà quét vôi vàng nên rất sáng-sủa. Những cánh cửa lớn, cửa sổ đều sơn xanh. Màu vàng của tường, màu xanh của cánh cửa, hòa-hợp với màu ngói đỏ, trông rất vui mắt.

GIẢI - NGHĨA.— **Kiểu : Lối, cách-thức — Sáng-sủa : Sáng tỏ, sạch-sẽ, đẹp mắt.**

**NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :**

**X : Xây nhà, Xây-dựng — Sây-sát.**
**G : Sáng-sủa, Buổi sáng — Giun sán.**
**T : Mắt-mũi — Mắc-mỏ, Mắc-cỡ.**
**S : Cửa sổ, Sổ-sách — Xổ-số, Xổ-mũi.**

*H. T. L.*

## Nhà em.

*Ẩn mình trong đám cây xanh,*
*Nhà em là túp lều tranh thắm màu.*
*Vách tre, tường đất nâu nâu*
*Trước sân nhẹ tỏa hương cau dịu-dàng.*
*Nhà em chỉ có ba gian,*
*Nơi ăn, chốn ngủ gọn-gàng, đẹp-xinh.*
*Ở đây, thắm-thiết bao tình*
*Quanh năm sum-họp gia-đình yên-vui...*

PHÁT - ÂM.— Cây xanh — Lều tranh — Vách tre — Sum-họp.

GIẢI - NGHĨA.— Ẩn : Giấu kín, lánh mình — Tỏa : tóe ra khắp nơi, tủa ra — Dịu-dàng : Nhẹ-nhàng, êm-đềm — Sum-họp : Nhiều người họp lại đông-đúc, vui-vẻ.

CÂU HỎI.— *Nhà em ẩn ở trong đám gì ? — Vách tường đều làm bằng gì ? — Nhà em có mấy gian ? — Quanh năm gia-đình em sum-họp ở đâu ?*

---

*CHÍNH - TẢ* II.— **Nếp nhà tre**

Đây là một nếp nhà tre, lợp lá dừa, ba gian, hai chái. Nhà trông lụp-sụp, trống-trải. Đầu nhà là mấy khóm chuối lá to, màu xanh đậm. Chung quanh nhà là vườn. Một cái giậu nứa đã cũ ngả-nghiêng dưới sức nặng của mấy dây leo.

GIẢI - NGHĨA.— Nếp nhà : Tiếng để gọi riêng từng cái nhà một Lụp-sụp : Rất thấp — Trống-trải : Không kín-đáo, bên ngoài có thể nhìn rõ bên trong.

NHẬN - XÉT CHÍNH - TẢ :

S : Lụp-sụp, Sụp-đổ, Sụp-lạy — Hủp xùm-xụp
TR : Trông-trải, Gà trống, Cái trống — Chông lại
G : Ngả-nghiêng, Nghiêng mình — Cái nghiên, Nghiên-cứu.
GI : Gian nhà, Gian-tham — Dan-díu — Ran, Nóng ran.



*TẬP ĐỌC*

## Phong bị đau

Hôm nay, đến lớp học, Dũng không thấy Phong đâu. Cuối giờ Đức-dục, thầy-giáo nói :

— « Hôm nay trò Phong bị cảm sốt. Mẹ Phong mới đến xin phép thầy cho Phong nghỉ. Các con nên đến thăm bạn. »

Về học, Dũng xin phép ba má để theo các bạn đến thăm Phong. Anh Tiến dẫn đường. Các em đi vào cái ngõ nhỏ hẹp. Hai bên là những căn nhà tranh lụp-sụp. Nhà Phong ở cuối ngõ.

PHÁT-ÂM.— Trò Phong — Xin phép — Nhà tranh — Lụp-sụp.

GIẢI-NGHĨA.— Cuối giờ : Lúc gần hết giờ — Ngõ : Lối nhỏ đi vào trong xóm.

CÂU HỎI.— *Hôm nay Dũng không thấy ai đi học ? — Trò Phong bị bệnh gì ? — Về học, Dũng xin phép đi đâu ? — Ngõ vào nhà Phong rộng hay hẹp ? — Hai bên là những căn nhà gì ?*

☆

*TẬP ĐỌC VUI*

### NGỦ NHÈ

**Em tôi có tánh ngủ nhè**
**Nhưng khi được kẹo thì nhe răng cười...**
**Lúc nào cũng rủ đi chơi**
**Hay đòi kể chuyện ông Trời, nàng Tiên.**
**Tôi beo má lũng đồng tiền**
**Bé giận bé bảo : « Chả thèm chơi đâu !**
**Chị làm cho bé bị đau »**
**Nói xong bé chạy lên lầu thật nhanh**
**Lát sau bé gọi : « Chị Oanh**
**Lên đây bé giở sách hình cho xem**
**Ở kìa con sóc thổi kèn**
**Tài ghê chị nhỉ... bé khen sóc hoài. »**

HỒNG - OANH

## THỎ VÀ CHÓ

Xưa có con thỏ, một hôm lạc rừng gặp một con chó săn.

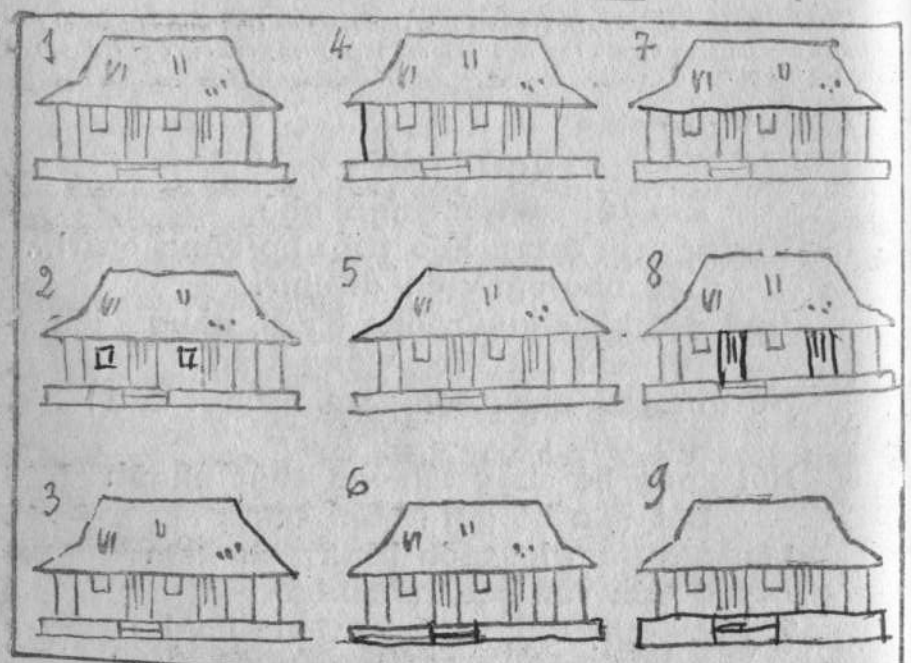
Thỏ cắm đầu chạy. Chó theo vết đuổi. Hai con chạy qua ba quả núi, đến quả thứ tư chạy quanh hơn năm vòng. Hai con cùng mệt nhoài, không con nào chạy được nữa. Chợt có ông lão đi cày về trông thấy, đến bắt được cả chó lẫn thỏ.

Vì truyện này sau thiên-hạ mới đặt câu ca rằng :

*Thỏ liệt thì chó cũng què,*
*Thỏ chết, chó cũng hết nghề chạy rông !*
*Đua-đòi lắm cũng uổng công !*
*Để cho ông lão ngồi không ăn phần.*

☆

TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN




*So với căn nhà là hình số 1 thì những căn nhà là kia còn thiếu gì ? — Em hãy thêm vào xem !*

# TUẦN-LỄ THỨ 18

## *NGỮ-VỰNG*

### Các gian nhà

BÀI GIẢNG.— Nhà em có ba *gian*. Bàn thờ đặt ở *gian giữa*. Hai gian bên là *buồng*. Đằng sau là nhà *bếp*. Chúng em ngủ ở trên *gác*(lầu). Khi đi vắng, mẹ em *khóa* cửa buồng lại. Lúc về mẹ em mới *mở* cửa buồng ra.

HỌC TIẾNG.— 1) Gian ; Buồng ; Bếp ; Gác.
2) Gian giữa.
3) Khóa cửa ; Mở cửa.

CA - DAO, THÀNH - NGỮ :

*— Ra khóa vào mở.*
*— Nhà tranh chỉ có một gian*
*Nửa thì làm bếp, nửa toan làm buồng.*

GIẢI-NGHĨA.— Gian : Khoang nhà — Buồng : Gian nhà che kín, có cửa để ra khóa vào mở.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Nhà em có mấy gian? — Bàn thờ đặt ở đâu? — Hai gian bên là gì ? — Đằng sau nhà là gì ? — Các em ngủ ở đâu ? — Khi đi vắng, mẹ em làm thế nào ?*

☆

### Đồ-dùng trong nhà

BÀI GIẢNG.— Đồ đạc ở trong nhà kê rất có thứ-tự. Giữa nhà là một cái *bàn nhỏ* và bốn cái *ghế dựa* (tựa). Hai bên là *giường*. *Tủ áo* đặt sát tường. Tối đến, Dũng ngả *ghế bố* ra để ngủ. Sáng dậy em lau bàn, ghế giúp mẹ.

HỌC TIẾNG.— 1) Bàn ; Ghế ; Giường ; Tủ ; Ghế bố.
2) Bàn nhỏ.
3) Kê tủ ; Lau bàn.

CA - DAO, THÀNH - NGỮ.

*— Lau chùi, quét dọn*

*— Sập gụ, tủ chè.*

GIẢI - NGHĨA.— Kê: Đệm cho cao lên để khỏi lệch, ở đây có nghĩa là đặt — Sập gụ: Một loại phản lớn đóng bằng gỗ gụ (gõ) — Tủ chè: Tủ đựng đồ dùng để uống trà. Xưa kia những nhà giàu có đều có sập gụ, tủ chè.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Giữa nhà Dũng kê cái gì? — Hai bên nhà là gì? — Cái gì đặt ở sát tường? — Tối đến, Dũng ngủ ở đâu? — Sáng dậy em làm gì?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Lấy những tiếng sau này đặt thành một câu ngắn.**

I.— *Gian, Buồng, Gác, Mở cửa, Khóa cửa.*



II.— *Bàn, Ghế, Giường, Tủ, Lau bàn.*

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) *c* — *mẹ em*

2) *e* — *en-ét.*



## *TẬP ĐỌC* Nhà Phong.

Phong ở trong một căn nhà thấp, vách ván, mái lá. Trước nhà có một mảnh đất hẹp, trồng vài luống rau. Hai cột chống mái nhà nhỏ quá. Chỉ một trận gió to là căn nhà có thể đổ sụp. Nhà Phong nghèo quá! Thế mà lúc nào Phong cũng vui-vẻ, cố-gắng chăm-học.

Các em khoanh tay cúi đầu chào mẹ Phong. Bà liền nói: — « Các cháu đến thăm Phong hả? Nó đang mong gặp các cháu đó! ».

PHÁT - ÂM.— Mái lá — Trồng cây — Trận gió — Khoanh tay.

GIẢI - NGHĨA.— Mảnh đất: Miếng đất — Khoanh tay: Vòng hai tay trước ngực, tỏ vẻ lễ-phép.

CÂU HỎI— *Vách nhà Phong bằng gì? — Trước nhà có cái gì? — Nhà Phong nghèo hay giàu? — Các em khoanh tay cúi đầu chào ai? — Phong đang mong gặp ai?*

---

## *CHÍNH - TẢ*

### I.— Trong nhà

**Trong nhà lờ-mờ tối. Gian giữa bày một cái bàn thờ con con. Dưới ánh đèn lù-mù, lấp-loáng những miếng kính nhỏ của cỗ mũ thờ. Sát bàn kê một cái phản thấp. Trên phản trải chiếu mới...**

*KHÁI - HƯNG*

GIẢI - NGHĨA.— Con con: Nhỏ — Lù-mù: Lờ-mờ nhìn không rõ. Phản: Đồ gỗ do những tấm ván ghép lại để nằm, ngồi.

NHẬN - XÉT CHÍNH - TẢ:

Gi: Gian nhà, Không-gian, Ăn gian — Dan-díu — Nỏ ran.
Y: Bày bàn ghế, Một bầy — Làm bài, Bài học.
S: Sát bàn, Quan-sát — Xát xà-bông, Xô-xát.

*H. T. L.*

## Trong nhà

*Nhà em hai chái, ba gian*
*Bàn thờ Tiên-tổ kê ngang giữa nhà.*
*Bên ngoài là dãy hàng ba*
*Gió chiều rung nhẹ cành hoa bên thềm.*
*Giường nằm kê ở gian bên*
*Phía sau nhà bếp, góc trên là buồng.*
*Ngày ngày quét dọn luôn luôn*
*Nên nhà sạch-sẽ, chiếu giường thơm tho.*

PHÁT-ÂM.— Rung — Góc trên — Sạch-sẽ.

GIẢI-NGHĨA.— Chái : Gian nhỏ ở hai đầu nhà — Gió chiều : Gió thổi về buổi chiều — Thềm : Phần nền đắp cao ở chung quanh nhà, dưới mái hiên.

CÂU HỎI.— *Nhà em có mấy chái, mấy gian ? — Bàn thờ kê ở đâu ? — Bên ngoài là dãy gì ? — Giường nằm kê ở đâu ? — Phía sau là nhà gì ? — Nhờ thế nào mà nhà sạch-sẽ ?*

---

*CHÍNH-TẢ*

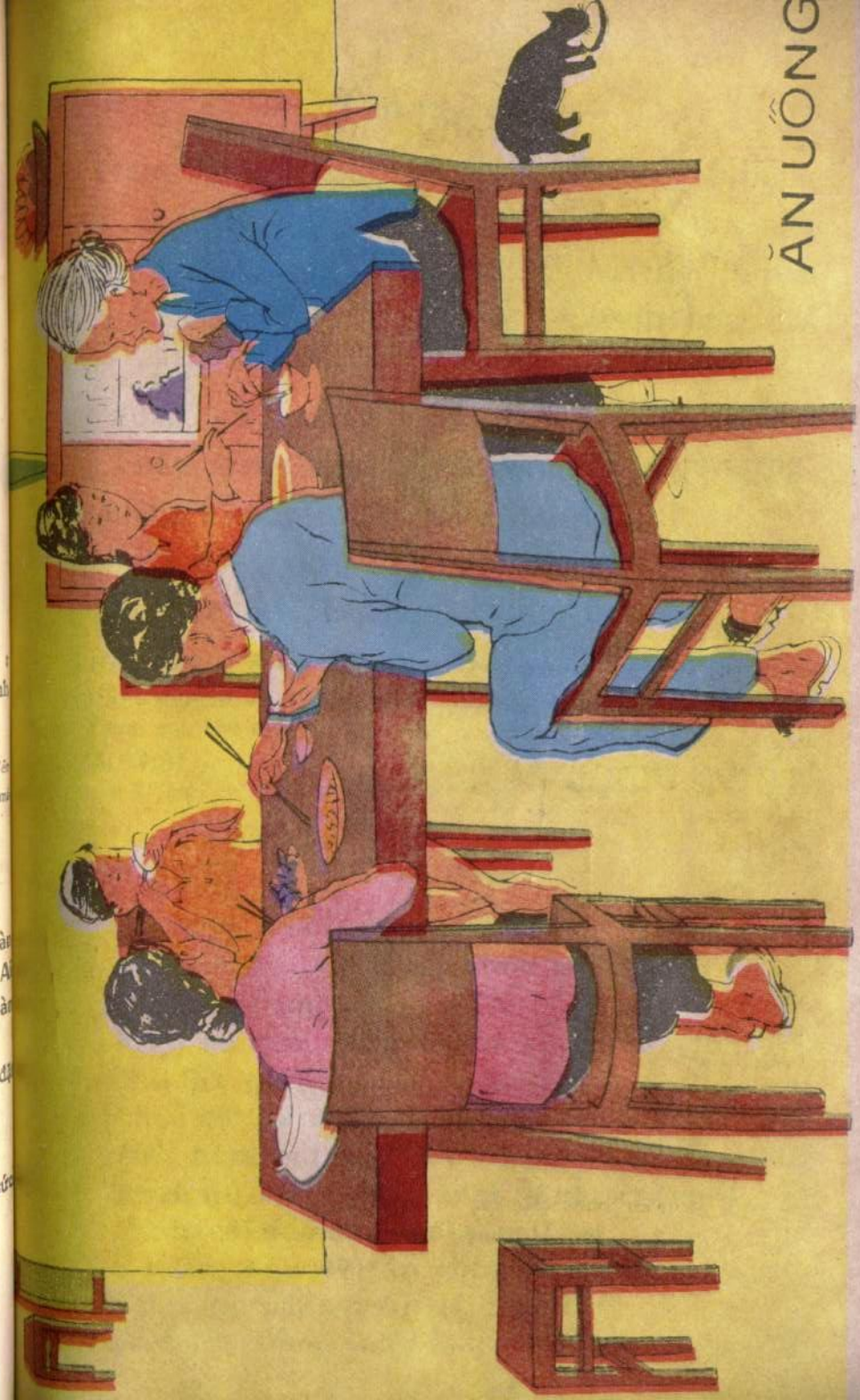
## II.— Bộ bàn ghế mới

Bộ bàn-ghế này bằng gỗ gõ. Mặt bàn hình tròn. Trên mặt bàn vân gỗ nổi lên, trông rất đẹp. Bốn cái ghế dựa xếp xung quanh. Ai vào nhà em cũng khen bộ bàn-ghế này là đẹp! Má em đặt giữa bàn bình hoa hồng thắm.

GIẢI-NGHĨA.— Vân gỗ : Vằn ở gỗ — Xếp xung-quanh : Kê, đặt xung-quanh — Hồng thắm : Màu hồng đậm.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

T : Mặt bàn, Cái mặt — Mặc quần-áo, Mặc-kệ, Mặc-sức
X : Xung-quanh, Xung-phong — Sung-sướng.
TR : Trông thấy — Chông gai.



*TẬP ĐỌC*

## Trong nhà.

Trong nhà Phong có rất ít đồ đạc. Không có tủ chè, tủ áo như ở nhà Dũng. Giữa nhà kê một cái bàn cũ. Mặt bàn đã nứt-nẻ. Chân bàn có nhiều chỗ bị mọt ăn. Quanh bàn chỉ có ba chiếc ghế thấp.

Phong nằm trong màn, trên chiếc giường tre. Thấy các bạn, Phong tỏ vẻ vui-mừng. Dù mệt, Phong cũng mỉm cười:

— «Không được đi học, nhớ các bồ quá!»

Các bạn thi nhau hỏi thăm Phong.

PHÁT-ÂM.— Rất — Nứt-nẻ — Trong màn — Giường tre.

GIẢI-NGHĨA.— Giường tre: Giường đóng bằng thân cây tre — Bồ: Tiếng gọi, kêu những bạn thân.

CÂU HỎI.— *Trong nhà Phong có nhiều hay ít đồ-đạc? — Giữa nhà kê cái gì? Mặt bàn bị thế nào? — Quanh bàn có mấy ghế thấp? — Phong nằm ở đâu?*

☆

*TẬP ĐỌC VUI*

## LÀM ƠN

**Ăn cơm muộn, vội-vàng đi học**
**Bút rơi đường, Minh khóc hu-hu**
**May thay nhờ có anh Thu**
**Nhịn ăn quà, giúp mười xu, mua ngòi...**
**Rồi lấy giấy Thu ngồi cuộn giúp**
**Chốc đã thành quản bút cho Minh.**
**Mấy hôm sau, bất-thình-lình**
**Trời mưa, Thu đứng một mình, không ô**
**Minh vội đến che cho cẩn-thận**
**Và đưa Thu về tận cổng nhà...**
**Giúp người, người lại giúp ta**
**Làm ơn chẳng thiệt đâu mà vội lo!** (BẢO-VÂN)

## MƯỜI VOI

Xưa một nhà có ba người con rể. Hai người rể lớn thì giàu-có. Còn người rể thứ ba thì nghèo nhưng hay nói khoác một tấc đến trời.

Khi bố vợ mất, hai người rể lớn, người thì đem lợn gạo, người thì đem gà vịt đến làm lễ viếng. Còn anh thứ ba chẳng có gì, lại còn nói:

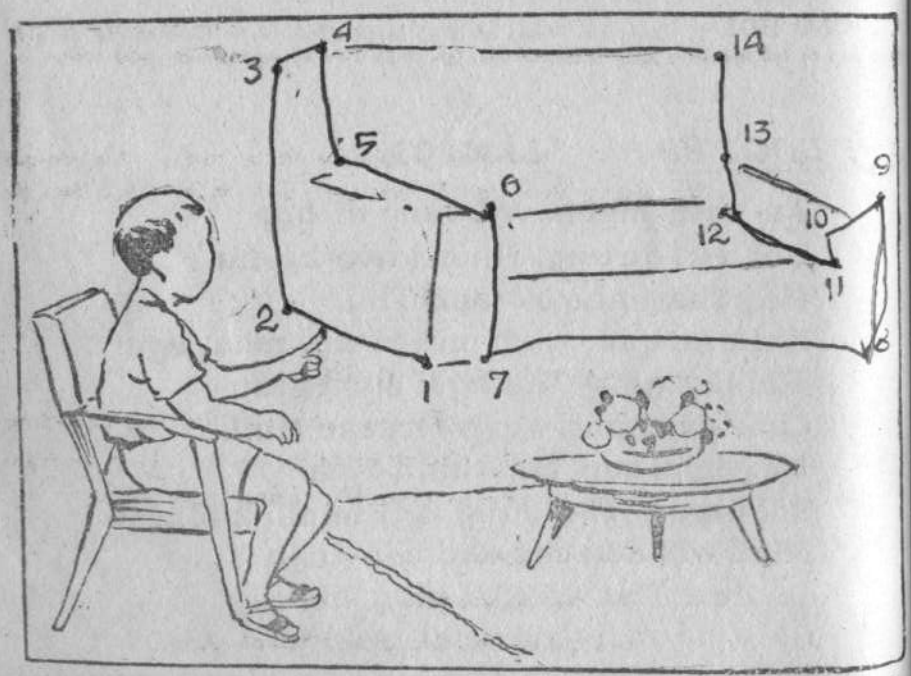
— «To gì con lợn, lớn gì con gà! Để ta đi mua mười voi thật to, thật lớn về cúng cho mà xem.

Nói rồi bỏ đi. Đến lúc đám cất rồi, mới thấy anh lù-lù về phàn-nàn rằng: — « Rõ thật là tức cả mình! Tôi định mua cho đủ được mười voi. Một người đã có tám con đem bán. Tôi biểu kiếm cho đủ được cả mười mới mua. Họ đi kiếm mãi làm cho tôi chờ đợi mất công vô ích!»

Thế là mười voi không được bát nước sáo.

★

*TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN*




*Phòng khách này còn thiếu cái gì ? — Em nối từ số 1 đến số 14 sẽ rõ*

# TUẦN-LỄ THỨ 19

*NGỮ-VỰNG*

## Người trong gia-đình

BÀI GIẢNG.— Gia-đình em có *ông, bà, cha, mẹ* và *các anh, các chị em*. Em *kính-trọng* ông bà và *yêu-quý* cha mẹ. *Anh chị em ruột* có *yêu-mến* nhau thì cha mẹ mới vui lòng.

HỌC TIẾNG.— 1) Ông ; Bà ; Cha ; Mẹ ; Anh ; Chị.

2) Anh em ruột.

3) Kính-trọng, Yêu-mến.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Con có cha như nhà có nóc*

— *Anh em như thể tay chân.*

GIẢI-NGHĨA.— Anh chị em ruột : Anh chị em cùng một cha mẹ sinh ra — Kính-trọng : Tôn-trọng những người hơn mình — Con có cha như nhà có nóc : Nhà có nóc thì không sợ mưa nắng, cha cũng ví như nóc nhà có thể che-chở, giữ-gìn, nuôi-nấng các con trong gia-đình— Anh em như thể tay chân : Anh em ví như tay chân liền với thân-thể, không rời bỏ nhau được.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Gia-đình em gồm có những ai ? — Em yêu-quý ai ? — Đối với ông bà, em phải làm thế nào ? — Anh chị em phải làm thế nào để cha mẹ vui lòng ?*

☆

## Công-ơn ông bà

BÀI GIẢNG.— *Ông bà* tuy đã già-yếu, song vẫn thương các cháu lắm ! Ông thường *kể chuyện* cho các cháu nghe. Bà ru cháu bé ngủ. Nhiều khi ông bà còn *bênh-vực* các cháu khi chúng phải đòn.

HỌC TIẾNG.— 1) Ông ; Bà.

2) Ông bà già-yếu.

3) Kể chuyện ; Ru cháu ; Bênh-vực.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Con cha cháu ông.*

GIẢI - NGHĨA.— Ru : Hát nhè-nhẹ cho trẻ con êm tai, dễ ngủ — Bênh-vực : Che-chở cho — Con cha, cháu ông : Trỏ con cháu những nhà giàu-sang có thế-lực.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Ai thương yêu các cháu ? — Ông thường kể gì cho các cháu nghe ? — Bà làm gì cho cháu bé ngủ ? — Ông bà còn làm gì cho các cháu khỏi phải đòn ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu ngắn.**

I.— *Mẹ ; Bế-ẵm ; Khâu-vá ; Chăm-nom ; Giúp-đỡ.*



II.— *Ông ; Bà ; Kể chuyện ; Ru cháu ; Bênh-vực.*

## *TẬP VIẾT*

**Chữ thường, lớn nửa khổ**

1) *ê, êm-êm.*

2) *ê, về quê.*



## *TẬP ĐỌC* Trong gia-đình

Đi thăm Phong về, Dũng cảm thấy thương bạn. Nhất là vào buổi tối, khi gia-đình sum-họp, Dũng càng nhớ bạn.

Gia-đình Dũng đông, vui hơn gia-đình Phong nhiều. Dũng có ông bà, cha mẹ, có anh em. Sau bữa cơm tối, mọi người tụ-họp trong phòng khách. Ai nấy cười nói vui-vẻ. Dũng kể cho cả nhà nghe chuyện em đi thăm bạn. Rồi Dũng lại tiếp : « Con thương Phong quá ba ạ ! »

PHÁT - ÂM.— Sum-họp — Sau — Trong phòng — Chuyện.

GIẢI - NGHĨA.— Sum-họp : Nhiều người họp lại đông-đúc, vui-vẻ. Tụ-họp : Họp nhau ở một nơi — Phòng khách : Phòng tiếp-khách.

CÂU HỎI.— *Dũng cảm thấy thương ai ? — Khi nào Dũng càng nhớ bạn ? — Gia-đình Dũng có những ai ? — Sau bữa cơm tối, mọi người tụ-họp ở đâu ? — Dũng kể cho cả nhà nghe chuyện gì ?*

---

## *CHÍNH - TẢ* I.— Buổi tối

Ngoài trời mưa vẫn rơi. Trong nhà, ngọn đèn dầu tỏa ánh-sáng ra khắp phòng. Ba nằm trên ghế đọc báo. Má ngồi khâu, vá quần-áo. Chúng em học bài ở bàn. Ông thong-thả uống trà và xem các cháu học...

GIẢI - NGHĨA.— Vẫn rơi : Còn đang rơi — Tỏa : Tỏe ra, tủa ra.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

R : Rơi xuống, Đánh rơi — Con đơi.
D : Dầu hôi, Dầu xe — Giàu-có — Buồn-rầu, Rầu-rĩ.
TR : Nước trà — Ủi chà, Chà-đạp, Chà-xát.

H. T. L.

## Êm-ấm

*Đêm về dưới ánh trăng thanh*
*Em cùng các chị, các anh học bài.*
*Bà ru bé ở võng ngoài*
*Cha đang đọc nốt mấy bài báo hay.*
*Mẹ ngồi lo việc vá may*
*Hồi lâu rồi mới ngừng tay chuyện-trò...*
*Ông thường đọc sách chữ Nho*
*Chú mèo vô-sự nằm co bên giường.*

PHÁT-ÂM.— Nhà tranh, — Ru, — Chuyện-trò — Vô-sự.

GIẢI-NGHĨA.— Nhà tranh : Nhà lợp bằng thứ cỏ mọc ở đồng hoang — Đọc nốt : Đọc cho hết, cho xong — Chữ Nho : Chữ của người Tàu — Vô-sự : Không có việc gì.

CÂU HỎI.— *Em cùng các chị, các anh làm gì ? — Ai ru bé ở võng ngoài ? — Cha mẹ đang làm gì ? — Ai đọc sách chữ Nho ? — Chú mèo nằm co ở đâu ?*

---

CHÍNH-TẢ

## II.— Đứa cháu ngoan

Cha mẹ Tâm mất sớm. Bà nội cho Tâm đi học. Bà cụ phải đi làm thuê để kiếm tiền nuôi cháu. Tâm rất thương bà. Đi học về Tâm làm đỡ bà những việc vặt. Tâm mong chóng lớn đi làm lấy tiền nuôi bà.

GIẢI-NGHĨA : Mất sớm : Chết sớm — Làm đỡ : Làm giúp, làm giùm — Việc vặt : Việc nhỏ, việc nhẹ.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

S : Sớm, Sáng sớm.
C : Công-việc, Làm việc, — Việt-nam.
Đ : Đỡ khổ, Giúp-đỡ.



TẬP ĐỌC

## Công-ơn ông bà

Ba bỏ tờ báo xuống, xoa đầu Dũng nói :

— « Con biết thương-yêu bạn như thế thật đáng khen. Con nên kính-trọng bà mẹ của Phong. Bà là một người rất đáng kính, cũng như ông bà nội của con ngày trước. Hồi ấy, nhà ta nghèo lắm. Ba lại đau-yếu luôn. Nhiều khi ông phải chạy ngược, chạy xuôi để lo tiền thuốc-thang. Vậy mà ông bà vẫn cố-gắng cho ba đi học nên mới có ngày nay ... »

PHÁT-ÂM.— Xoa đầu — Kính-trọng — Ngày trước.

GIẢI-NGHĨA.— Kính-trọng : Quý-trọng — Đau-yếu : Bệnh-tật, gầy-ốm — Chạy ngược, chạy xuôi : Ý nói vất-vả, cực-khổ.

CÂU HỎI.— *Ba Dũng đang đọc gì ? — Ba bảo Dũng nên kính-trọng ai ? — Hồi trước nhà Dũng thế nào ? — Nhờ ai nên ba Dũng mới có ngày nay ?*

☆

TẬP ĐỌC VUI

### BÉ LÀM TÍNH

Hôm qua bé học tính trừ,
Bé làm trúng hết, không hư một bài.
Này : mười trừ tám còn hai,
Má ơi ! Con má có tài hay không ?

☆

Hôm nay, bé học tính nhân,
Bé làm giỏi lắm, chẳng lần nào sai.
Này hai lần một là hai,
Chị ơi ! Em chị có tài hay không ?

NGUYỄN-NHẬT-ÁNH

## CÁI GÌ HƠN ?

Xưa có ba người ngồi tán chuyện rằng :

— « Ở trong nhà thì cái gì công to hơn cả ? »

Một người nói : « Cái nhà ở công to hơn cả »

Người nữa nói : « Cái bếp nấu công to hơn cả. »

Người thứ ba : « Cái giường công to hơn cả. »

Ba người, mỗi người một lẽ, không ai chịu ai cứ cãi nhau mãi.

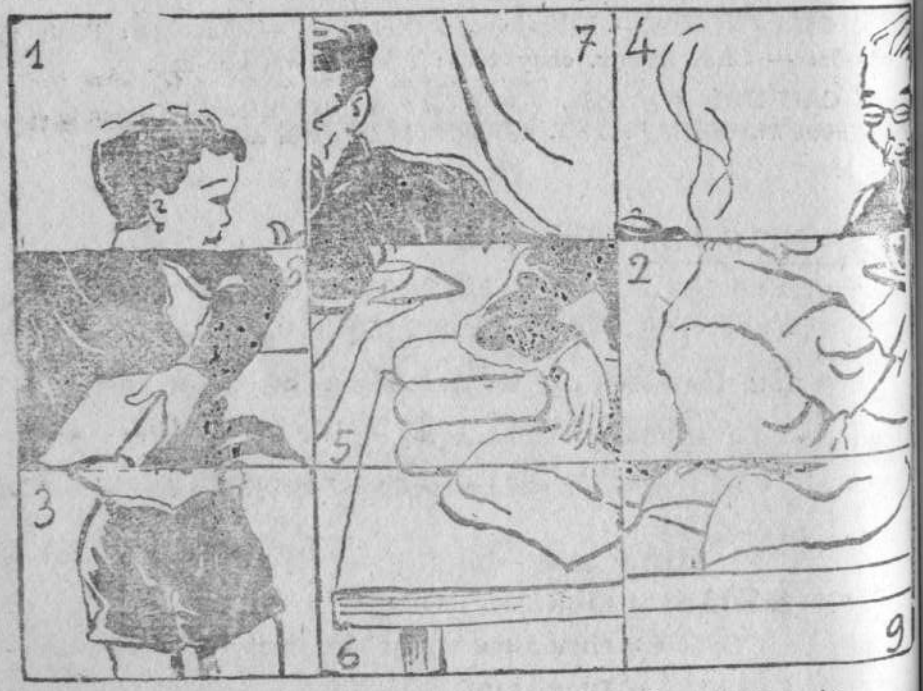
Chợt một ông già, ở đâu hiện xuống giữa sân cất tiếng nói rằng :

— « Cái nhà che nắng, che mưa, ở được yên-lành. Cái bếp nấu-nướng đồ ăn, ăn được no-nê. Cái giường nằm ngồi, nghỉ-ngơi được khỏe-mạnh. Ba cái đều có ơn to cả. Các người chớ khá cãi nhau nữa, vô-ích. »

Rồi ông biến mất.

☆

*TRANH GIẢI - TRÍ CUỐI TUẦN*




*Tranh gì đây ? — Các em phóng ra giấy khác rồi dùng kéo cắt làm 9 mảnh, ráp lại theo thứ-tự sẽ rõ.*

# TUẦN - LỄ THỨ 20

## NGỮ - VỰNG — Cô, dì, chú, bác

BÀI GIẢNG.— Các *chú*, các *cô* bên *họ nội*, ai cũng quý Dũng. Chủ-nhật vừa qua bé Hồng và Dũng theo Má về *thăm họ ngoại*. Các *cậu*, các *dì* tranh nhau bế Hồng. Dũng *chào-hỏi* bà ngoại rất lễ-phép.

HỌC TIẾNG.— 1) Chú ; Cô ; Dì ; Cậu.

2) Họ nội ; ngoại.

3) Thăm họ-hàng, Chào-hỏi.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Chú cũng như cha.*

— *Sẩy cha còn chú, sẩy mẹ bú dì.*

GIẢI - NGHĨA.— **Họ nội** : Họ về bên cha — **Họ ngoại** : Họ về bên mẹ — **Cậu** : Em trai của mẹ — **Dì** : Em gái của mẹ.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Bên họ nội có những ai ? — Chủ - nhật vừa qua Dũng theo má về đâu ? — Bên họ ngoại có những ai ? — Khi gặp bà ngoại Dũng làm thế nào ?*

☆

## Cách xưng-hô

BÀI GIẢNG.— Dũng *xưng* là *cháu* với ông, bà, cô, dì, chú, bác. Dũng xưng *con* với cha mẹ. Dũng xưng *em* với anh chị. Dũng xưng *anh* với bé Hồng, xưng *tôi* với bạn-bè. Cách xưng-hô cần phải *lễ-phép* và *thân-mật*.

HỌC TIẾNG.— 1) Cháu ; Con ; Em ; Anh ; Tôi.

2) Cách xưng-hô lễ-phép ; thân-mật.

3) Xưng cháu.

CA - DAO, THÀNH - NGỮ :

*— Gọi dạ, bảo vâng.*

*— Cháu nó lú, chú nó khôn.*

GIẢI - NGHĨA.— Xưng-hô : Kêu gọi lẫn nhau — Thân-mật : Cũ như anh em họ-hàng gần-gũi — Cháu nó lú, chú nó khôn : (lú : u-mê tối-tăm, dốt) Ý nói cháu nó tuy ngu-dốt nhưng chú nó rất khôn-ngoan. Đừng động đến cháu vì chú nó sẽ bênh-vực.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Dũng xưng là gì với ông bà? — Dũng xưng là gì với cha mẹ ? — Còn đối với anh chị, Dũng xưng là gì ? — Đối với bọn Dũng xưng là gì ? — Cách xưng-hô phải thế nào ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu ngắn :**

I.— *Ông ; Bà ; Anh ; Chị ; Kính-trọng.*

☆

II.— *Họ nội ; Chú ; Họ ngoại ; Dì ; Chào hỏi.*

---

## *TẬP VIẾT*

**Chữ thường, lớn nửa khổ.**

1) *x — xa - xôi.*

2) *x — xa - xỉ.*



## *TẬP ĐỌC* Chú Vinh

Chú Vinh phải đi làm xa. Sáng nay chú đến chào gia-đình Dũng, Lúc nào chú cũng nhanh-nhẹn và vui-vẻ. Chú mặc chiếc áo sơ-mi cộc tay. Hai cánh tay chú to và chắc. Chú Vinh chia kẹo cho các cháu rồi nói :

— « Bây giờ Dũng và Hồng đem vở chú coi. »

Bé Hồng đem vở ra khoe. Bé vẽ gà, vẽ vịt đầy bìa vở, bẩn quá ! Chú Vinh chỉ nhìn bé Hồng rồi cười...

PHÁT-ÂM.— Sáng — Sơ-mi — Chắc — Khoe.

GIẢI-NGHĨA.— Nhanh-nhẹn : Mau-chóng — Cộc tay : Ngắn tay cụt tay.

CÂU HỎI.— *Ai phải đi làm xa ? — Sáng nay chú đến làm gì ? — Chú Vinh chia gì cho các cháu ? — Vở của bé Hồng sạch hay bẩn ?*

---

## *CHÍNH-TẢ* I.— Dì Mai

Dì Mai rất yêu các cháu. Sáng nào dì cũng rửa mặt cho bé Hồng, chải đầu cho Dũng. Những ngày nghỉ, dì Mai dẫn các cháu đi chơi. Bé Hồng không chịu xa dì một bước. Nhiều khi nó còn bắt dì bế nữa !

GIẢI-NGHĨA.— Chải đầu : Chải tóc — Không chịu : Không muốn, không bằng lòng.

NHẬN - XÉT CHÍNH - TẢ :

| | | | |
|---|---|---|---|
| CH : | Chải đầu, Bàn chải | — | Từng-trải, Trải chiếu, Bơi trải. |
| Ỉ : | Ngày nghỉ, Nghỉ học | — | Nghĩ-ngợi, Suy-nghĩ |
| X : | Cách xa, Đi xa | — | Sa-mạc, Sa sút |
| D : | Dì cháu, Dì ghẻ | — | Hỏi gì — Xanh rì, Rì-rầm |

*H. T. L.*

## Chúc Xuân

*Đông tàn, Xuân đến rồi đây*
*Chúc cha mẹ một năm đầy vui-tươi.*
*Nụ cười thắm đượm trên môi*
*Dồi-dào sức khỏe, cuộc đời nở hoa.*
*Chúc ông mạnh-mẽ không già*
*Chúc bà trẻ mãi như là mùa xuân.*
*Cháu con sung-sướng vô ngần*
*Ước gì Xuân cả một năm bốn mùa.*

LAN-KHANH

PHÁT-ÂM.— Rồi đây — Trên môi, — Sức khỏe — Sung-sướng.

GIẢI-NGHĨA.— Tàn : Hết dần dần — Dồi-dào : Nhiều, dư, thừa — Vô ngần : Không có chừng, nhiều lắm.

CÂU HỎI.— *Mùa đông tàn rồi đến mùa gì ? — Em chúc cha mẹ em một năm thế nào ? — Em chúc ai sẽ không già ? — Em chúc bà trẻ mãi như mùa gì ?*

---

*CHÍNH-TẢ*

### II.— Chào hỏi

Ba, má Dũng đang ngồi nói chuyện với khách. Dũng đi học về. Vừa bước chân vào nhà, Dũng đã lên tiếng : « Thưa ba má con đã về ! » Em cúi đầu chào khách : « Thưa bác đến chơi ạ ! » Ông khách mỉm cười khen : « Cháu tôi ngoan quá ! »

GIẢI-NGHĨA.— Khách : Người ngoài, người lạ — Mỉm cười : Cười hơi hé miệng.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

CH : Nói chuyện — Truyện dài, Truyện ngắn.
G : Tiếng nói, Lên tiếng — Tiến lên, Quyết tiến.
C : Bác, Chú bác — Cái bát.
CH : Chào khách, Chào-hỏi — Trào ra, Trào-đình.



*TẬP ĐỌC*

## Tiễn-đưa

Cả họ, ai cũng mến chú Vinh. Hôm chú đi xa, nhiều người đến ga tiễn-đưa. Họ nội, họ ngoại, có gần đủ mặt. Ba, má và các anh chị Dũng cũng đến. Chú cám-ơn từng người. Chú xoa đầu Dũng và Hồng rồi nói : « Các cháu cố học cho thật giỏi nhé ! » Ông, bà và bác luôn luôn căn-dặn chú giữ-gìn sức khỏe. Lúc tàu chạy, bà Dũng và cô Năm dơm-dớm nước mắt.

PHÁT-ÂM.— Ga, — Xoa đầu, — Sức khỏe — Dơm-dớm.

GIẢI-NGHĨA.— Mến : Quý, thương, — Ga : Trạm xe lửa — Căn-dặn : Dặn kỹ, dặn đi, dặn lại nhiều lần — Dơm-dớm : Một chút, một ít.

CÂU HỎI.— *Những ai đến đưa tiễn chú Vinh ? — Chú xoa đầu Dũng và Hồng rồi nói gì ? — Ông bà căn-dặn chú điều gì ? — Ai dơm-dớm nước mắt ?*

★

*TẬP ĐỌC VUI*

### ĐỨNG ĐẦU

**Tháng này em được thầy khen,**
**Vì từ hạng chót, em chen lên đầu.**

★

**Ông cười rung cả hàm râu,**
**Mừng thằng cháu bé, học mau, tiến nhiều.**
**Má em khen suốt buổi chiều :**
**« Con má ngoan quá, má yêu nhất nhà ! »**
**Đậm-đà câu nói của ba :**
**« Con ba học thế, ai mà chẳng yêu ! »**

KHÁNH-LINH

## TÌNH BÈ-BẠN

Ngày xưa có hai anh em bạn là Lưu-Bình và Dương-Lễ. Lưu-Bình không chịu học-hành nên rớt mãi. Còn Dương-Lễ chăm-chỉ nên thi đỗ.

Lưu-Bình nghèo, khổ tìm đến Dương-Lễ nhờ giúp.. Dương-Lễ tỏ vẻ lạnh-nhạt Lưu-Bình bỏ đi.

Giữa đường, Lưu-Bình gặp Châu-Long tình-nguyện nuôi giúp chàng ăn học. Mấy năm qua, trong gian nhà nhỏ, Lưu-Bình đọc sách chăm-chỉ.

Đến kỳ thi, Lưu-Bình đỗ cao. Chàng trở về nhà cũ báo tin mừng cho Châu-Long nhưng nàng đã đi mất! Chàng bèn ghé thăm Dương-Lễ thì thấy Châu-Long ở đó. Hỏi ra mới hay Châu-Long là vợ lẽ của Dương-Lễ. Chàng hiểu rằng trước kia bạn khinh mình để mình phẫn-chí. Rồi bạn lại sai vợ đi nuôi mình cho đến lúc thành-tài...

☆

*TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN*




*Hai bé A và B gọi những người này là gì ? Các em ? chỉ giúp nhé*

# TUẦN-LỄ THỨ 21

*NGỮ . VỰNG*

## Công-ơn cha

BÀI GIẢNG.— Cha có *công sinh dẻ* ra con. Người còn có *công nuôi-nấng, dạy-dỗ* cho các con nên người.

Cha *đi làm* để *kiếm tiền* nuôi gia-đình. Cha chịu *vất-vả, khó-nhọc* chi vì con.

HỌC TIẾNG.— 1) Công sinh-đẻ ; Công dạy-dỗ ; Công nuôi-nấng.
2) Cha vất-vả ; khó-nhọc.
3) Đi làm ; Kiếm tiền.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Công cha như núi Thái-sơn.*

— *Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ.*

GIẢI-NGHĨA.— Công nuôi-nấng : Công chăm-nom, săn-sóc đến đời sống của con — Công cha như núi Thái-sơn : Núi Thái-sơn là núi cao nhất ở bên Tàu. Câu này ý nói : công cha to-lớn lắm. — Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ : Sau này khi nuôi con-cái, chúng ta phải săn-sóc, lo-âu mới biết hồi trước, cha mẹ chúng ta đã cực-khổ vì chúng ta rất nhiều.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Cha có những công gì đối với con? — Hàng ngày cha đi làm để làm gì ? — Vì con, cha phải thế i.. o ?*

☆

## Công-ơn mẹ

BÀI GIẢNG.— Ngoài *công sinh-dẻ*, mẹ còn có *công nuôi-nấng, bế ẵm* con. Mẹ rất *khó-nhọc* vì con. Người *nâng-niu, chăm-nom* thuốc-men khi con đau-ốm. Thấy áo-quần con rách, mẹ *khâu-vá* lại. Công ơn cha mẹ *lớn* bằng trời biển.

HỌC TIẾNG.— 1) Công sinh-đẻ ; Công nuôi-nấng ; C... bế-ẵm.
2) Mẹ khó-nhọc ; Công-ơn lớn.
3) Chăm-nom ; Nâng-niu ; Khâu vá.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Con nhờ đức mẹ.*
*— Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

GIẢI - NGHĨA.— Nâng niu : Bế-ẵm, mơn-trớn, vuốt-ve rất nhẹ — Con nhờ đức mẹ : (Đức tức là phúc) Con tốt hay xấu là nhờ phúc đức của mẹ — Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra : Ơn nghĩa của mẹ ví như nước trong nguồn chảy ra, nhiều lắm không lúc nào hết được.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Ngoài công sinh-đẻ, mẹ còn có công gì đối với con ? — Vì con mà mẹ phải thế nào ? — Khi con đau-ốm, mẹ phải làm gì ? — Mẹ phải làm gì khi thấy quần áo con bị rách ? — Công ơn cha mẹ thế nào ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu ngắn.**

I.— *Cháu — Con — Em — Tôi — Lễ-phép.*
II.— *Cha — Dạy-dỗ — Đi làm — Kiếm tiền — Yêu mến.*

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) — *lao - lực.*

2) *l* — *lặn - lội.*



## *TẬP ĐỌC* Công - ơn cha mẹ

Dũng thương - yêu cha mẹ không kém gì Phong. Dũng biết lắm. Trong lúc em được ngồi trong lớp học-hành, cha em phải đến sở làm việc. Ông không sợ khó - nhọc, vất vả. Ông chỉ mong sao cho gia-đình được no-đủ, các con học-hành tấn-tới.

Cũng trong lúc đó, mẹ Dũng chăm - lo việc nhà. Suốt đời, không bao giờ Dũng quên sự săn-sóc của cha mẹ.

PHÁT-ÂM.— Trong lớp — Sở — Suốt đời — Săn-sóc.

GIẢI-NGHĨA.— Sở : Nơi làm việc — Vất-vả : Cực khổ — Tấn-tới : Mỗi ngày một giỏi hơn — Săn-sóc : Chăm-nom, giữ-gìn.

CÂU HỎI.— *Dũng thương-yêu ai ? — Cha Dũng phải đến đâu làm việc ? — Cha Dũng không sợ thế nào ? — Mẹ Dũng chăm lo làm gì ? — Dũng không bao giờ quên sự săn-sóc của ai ?*

---

## *CHÍNH TẢ* I.— Thương cha

Trưa nay trời mưa bất thình-lình. Dũng tỏ vẻ lo-lắng : « Chắc cha bị ướt hết ! » Kìa bóng cha về tới đầu ngõ. Dũng reo lên : « A ! cha đã về. »

Dũng chạy vào mở tủ, lấy quần-áo khô để cha thay...

GIẢI-NGHĨA.— Bất thình-lình : Không báo trước — Lo-lắng : Lo-sợ, không yên lòng — Ngõ : Lối từ ngoài đường đi vào trong nhà.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

T : Ướt, Mưa ướt — Ước độ, Mơ-ước.
R : Reo-hò — Dăn-deo — Gieo-mạ, Gieo-rắc.
Y : Thay đổi, Vậy thay — Người có thai, Thiên-thai.

*H. T. L.*

## Ông em

*Ông em tuổi đã bảy mươi*
*Tóc râu bạc trắng, da mồi nhăn-nheo*
*Mắt mờ phải có kính đeo*
*Răng ông rụng hết, phì-phèo khi ho.*
*Ông thường kể chuyện, ngâm thơ*
*Lại ưa trồng cảnh, đánh cờ, tỉa hoa*
*Thương-yêu con cháu trong nhà*
*Đứa nào ngoan sẽ được quà ông cho.*

PHÁT-ÂM.— Râu — Rụng — Trồng cảnh — Trong nhà.

GIẢI-NGHĨA.— Da mồi : Da người có vết đen lốm-đốm như da đồi mồi, — Trồng cảnh : Trồng cây hoa cho đẹp — Tỉa : Nhổ bớt từng cái, cắt bớt từng cái.

CÂU HỎI.— *Ông em tuổi đã bao nhiêu ? — Tóc râu ông thế nào ?— Mắt mờ ông phải đeo gì ? — Ông thương-yêu ai ?*

---

*CHÍNH-TẢ*

## I — Mẹ làm cơm

Dũng chạy xuống bếp. Em thấy mẹ đang làm cơm. Đầu bà bịt khăn để che bụi. Hai tay áo xắn lên. Quần ống cao, ống thấp trông rất lôi-thôi. Ai trông thấy cũng phải phì cười. Dũng thấy, mẹ vất-vả mà thương quá.

GIẢI-NGHĨA.— Xắn áo : Kéo hai tay áo lên cao — Bịt : bao phủ, che kín — Lôi-thôi : Không gọn.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

CH : Che bụi, Che nắng, — Cây tre.
X : Xắn lên, Xinh-xắn — Củ sắn *(khoai m*
C : Cao thấp, — Trầu cau, Cây ca



*TẬP ĐỌC*

## Thương mẹ

Phong đã khỏi bệnh nên lại đi học. Một hôm, trong giờ chơi, Phong nói với Dũng :

— « Phong đập heo đất rồi Dũng ạ. » Dũng trợn tròn mắt. Phong tiếp :

— « Mấy ngày Phong ốm, mẹ Phong không đi chợ bán hàng được. Lúc nào mẹ Phong cũng quanh-quẩn bên giường Phong. Có lần mẹ thức suốt đêm để săn-sóc Phong. Sợ mẹ không có tiền mua thuốc, Phong liền đập heo ra... Tết này, Phong sẽ mua con khác. »

PHÁT-ÂM.— Rồi, — Tròn mắt — Săn-sóc — Ra.

GIẢI-NGHĨA.— Trợn mắt : Giương to mắt lên, tỏ ý tức-giận, ý ngạc-nhiên, — Quanh-quẩn : Quanh-co, lần-quần, đây có nghĩa là không đi xa, chỉ ở một chỗ — Suốt đêm : Cả đêm.

CÂU HỎI.— *Mấy ngày Phong ốm (đau), ai không đi bán hàng được ? — Mẹ Phong thường quanh-quẩn ở đâu ? — Có lần mẹ thức suốt đêm để làm gì ? — Phong nói mẹ làm sao ?*

*TẬP ĐỌC VUI*

## YÊU

**Tôi yêu Tổ-quốc của tôi,**
**Nói chẳng hết lời, yêu vẫn cứ yêu.**
**Yêu từ những mái nhà xiêu,**
**Con sông uốn khúc, bóng chiều thướt-tha.**
**Tôi yêu từ lũy tre già,**
**Từ thôn-xóm nhỏ, vườn cà, nương khoai.**
**Trẻ, già, bất luận ai ai,**
**Người trong một nước là tôi yêu cùng.**
**Khi vui, tôi cũng vui chung,**
**Khi buồn, tôi cũng buồn chung với người.**
**Ước sao đất-nước thắm tươi,**
**Bờ-cõi sáng-ngời, rạng-rỡ trời Nam.**

QUỐC-MỸ

## THAM THÌ THÂM

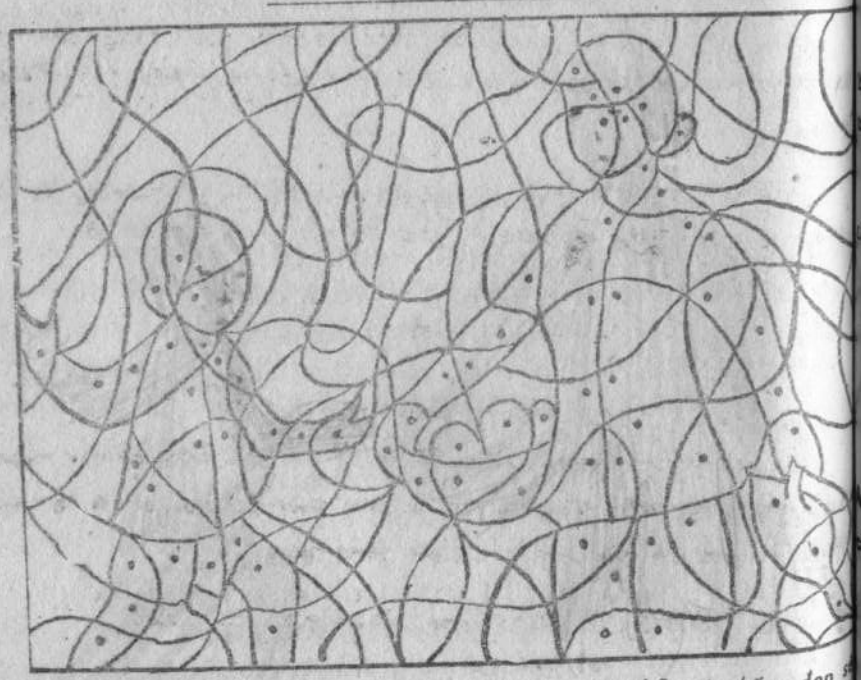
Có anh kia nhà nghèo, đi cày ruộng, tìm được một chiếc chum bằng sành. Vợ anh thấy cái chum đẹp bèn cất tiền trong ấy. Hôm sau, khi lấy tiền mua gạo thì thấy chum đầy những bạc. Chị đổ ra thì chum lại đầy bạc nữa.

Quan huyện nghe câu chuyện ấy, động lòng tham, bèn đòi đổi chum khác cho anh. Quan được chum đem cất vào phòng. Con trai của quan làm rớt hòn bi vào đấy. Nó cúi xuống định lấy thì mắc vào trong chum. Quan vội chạy đến, kéo nó ra.. Khi kéo nó ra rồi, trong chum lại có đứa khác hiện lên. Cứ thế hơn trăm đứa nhỏ.

Từ đó ông quan vì phải nuôi trăm đứa nhỏ ấy hóa nghèo-cực. Ông thề rằng từ nay không tham-lam của ai nữa.

☆

*TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN*



*Hình gì đây ? — Các em tô màu đỏ vào các chỗ có chấm đen*

## TUẦN-LỄ THỨ 22

*NGỮ-VỰNG*

### I.— Bổn-phận đối với gia-tộc.

BÀI GIẢNG.— *Họ* của em rất đông. Ông *trưởng-tộc* giữ-gìn *từ-đường*, thờ-phụng *Tổ-tiên*. Không phân-biệt người *giàu*, người *nghèo*, *anh em họ* phải *yêu-mến*, *giúp-đỡ* nhau.

HỌC TIẾNG.— 1) Họ; Trưởng-tộc; Từ-đường; Tổ-tiên; Anh em họ.
2) Người giàu, nghèo.
3) Yêu-mến; Giúp-đỡ.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Trong họ, ngoài làng*
— *Máu loãng còn hơn nước lã.*

GIẢI-NGHĨA.— Trưởng-tộc: Người nhiều tuổi, đứng đầu một họ, trông nom từ-đường, tổ-chức tế-lễ — Từ-đường: Nhà thờ Tổ-tiên trong họ.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Ai giữ-gìn từ-đường ? — Từ-đường là nơi thờ-phụng ai ? — Anh em trong họ phải đối với nhau như thế nào ?*

☆

### II.— Gia-súc.

BÀI GIẢNG.— Người ta nuôi *chó* để giữ nhà. *Trâu, bò* cày ruộng. *Ngựa* dùng để cưỡi. *Mèo* bắt chuột nên quần-áo của ta đỡ bị chuột cắn. Tục-ngữ có câu : « *Chó dữ mất láng giềng* »

HỌC TIẾNG.— 1) Chó; Trâu; Bò; Ngựa; Dê; Mèo.
2) Chó dữ.
3) Giữ nhà

**CA-DAO, THÀNH-NGỮ :**

*— Chó tha đi, mèo tha lại*
*— Chó dữ mất láng giềng.*

GIẢI-NGHĨA.— Gia-súc : Thú-vật nuôi ở trong nhà — Chó tha đi, mèo tha lại : Trỏ những vật bỏ đi, không ai nhìn tới — Chó dữ mất láng giềng : Nhà có chó dữ, bà con lối xóm không ai dám đến chơi, vì thế thành ra mất láng giềng.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Người ta nuôi chó để làm gì ? — Cày ruộng, kéo xe cần đến những con vật nào ? — Ta nuôi gì để cưỡi ? — Nhờ con gì mà quần-áo ta đỡ bị chuột cắn ?*

## *TẬP LÀM VĂN*

**Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu ngắn**

I.— *Trưởng-tộc ; Từ-đường ; Tổ-tiên ; Anh em họ ; Giúp-đỡ.*

**Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu ngắn**

II.— *Chó ; Mèo ; Trâu ; Bò ; Ngựa.*

## *TẬP VIẾT*

**Chữ thường, lớn nửa khổ.**

1) *b — bò bê.*

2) *b — bà-ba.*



## *TẬP ĐỌC* Lời cha khuyên

Dũng còn nhớ mãi buổi đi tiễn chú Vinh. Khi xe lửa chạy rồi, mọi người ra khỏi nhà ga. Trên đường về, cha nói :

— « Họ nhà ta đông lắm. Các con phải biết thương-yêu mọi người trong họ. Các con chớ nên phân-biệt họ xa, họ gần. Đối với người trên, các con giữ lễ-phép. Đối với người ngang hàng hay kẻ dưới, các con nên thân-mật. Dòng họ nhà ta vẫn được tiếng là hòa-thuận, thương-yêu nhau.

PHÁT-ÂM.— Ga — Trong họ — Giữ lễ-phép — Dòng họ.

GIẢI-NGHĨA.— Phân-biệt : Chia rõ hẳn ra — Thân-mật : Gần-gũi nhau — Hòa-thuận : Bằng lòng, vui-vẻ, thương-yêu nhau.

CÂU HỎI.— *Họ nhà Dũng đông hay ít người ? — Đối với người trên con cháu phải làm gì ? — Ta nên thân-mật với ai ? — Như vậy dòng họ ta sẽ được tiếng gì ?*

## *CHÍNH TẢ* I.— TÌNH GIA-TỘC

**Nhà anh Năm bị cháy hết. Mọi người trong họ vội đến giúp-đỡ anh. Người thì mời gia-đình anh về nhà mình tạm-trú. Người thì tặng vải-lụa, quần-áo. Có người đem cây, đem tôn đến giúp anh dựng lại nhà mới... Tình gia-tộc thật là đáng quý.**

GIẢI-NGHĨA.— Tạm-trú : Ở tạm, ở đỡ ít lâu — Tình gia-tộc : Tình thân của mọi người trong họ.

**NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :**

**Y : Cháy ; Đám cháy ; Cơm cháy ; — Chái nhà.**
**TR : Tạm-trú ; Trú-ẩn — Chú bác ; Chú-ý ; Chăm-chú.**
**G : Gia-tộc ; Gia-vị — Da thịt — Ra vo.**

*H. T. L.*

## Hết lòng

*Chú Tư vừa bị cháy nhà,*
*Gia-tài thiêu-rụi, thế là trắng tay!*
*Họ-hàng vội họp lại ngay,*
*Góp công, góp của, cho vay, đỡ-đần...*
*Bà con, làng xóm xa gần,*
*Tỏ tình tương-ái, tương-thân hết lòng.*
*Vài hôm sau, dưới nắng hồng*
*Ngôi nhà chú đã dựng xong, gọn-gàng...*

PHÁT-ÂM.— Thiêu-rụi — Trắng tay — Hôm sau.

GIẢI-NGHĨA.— Thiêu-rụi : Cháy hết không còn tí gì — Trắng tay : Hết sạch, tiền-bạc, đồ-đạc, đều không còn gì — Tương-ái : Cùng yêu nhau — Tương-thân : Cùng thân với nhau.

CÂU HỎI.— *Nhà chú Tư vừa bị thế nào? — Họ-hàng họp để làm gì? — Bà con làng xóm đến tỏ tình thế nào? — Trong bao lâu nhà chú được dựng xong?*

---

*CHÍNH-TẢ*

## II.— Buổi sáng

Ánh nắng bắt đầu chiếu xuống đồng quê. Trên đường làng, những bác thợ cày, những trẻ mục-đồng dắt trâu bò ra ruộng. Các bà lũ-lượt đi chợ. Tiếng trẻ rủ nhau đi học, tiếng cười nói, tiếng súc-vật kêu, thật là ồn-ào, náo-nhiệt!

GIẢI-NGHĨA.— Mục-đồng : Trẻ chăn trâu — Lũ-lượt : Đi từng đoàn, hết đoàn này đến đoàn khác — Náo-nhiệt : Xôn-xao, nhộn-nhịp.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Y : Thợ cày, Cày ruộng — Cái áo.
TR : Trẻ con, Tuổi trẻ — Chẻ củi, Chẻ tre.
S : Súc-vật, Súc miệng — Xúc cát, Tiếp-xúc, Xúc-xích.
TR : Trâu bò — Châu-ngọc, Châu đầu.



*TẬP ĐỌC*

## Bác Can

Người bác Can cao-lớn, khỏe mạnh. Bác là anh họ của ba Dũng. Mặt bác vuông-vắn, đôi lông mày rậm. Nước da đen xậm. Bác đi đứng rất khoan-thai. Bác có một căn nhà tại vùng quê. Nhà bác là một trại chăn-nuôi.

Một sáng, bác đến chơi. Bác nói với ba Dũng :

— « Hôm nào rảnh, chú cho các cháu về nghỉ ở nơi trại của tôi. Nhân-tiện sẽ cho chúng xem cảnh chăn-nuôi gia-súc nữa. »

PHÁT-ÂM.— Vuông-vắn — Rậm — Gia-súc — Trại.

GIẢI-NGHĨA.— Rậm : Dày, nhiều — Khoan-thai : Ung-dung, thong thả — Trại : Nhà ở riêng một khoảnh, nơi đông ruộng — Rảnh : Không phải làm việc.

CÂU HỎI.— *Ai là anh họ của ba Dũng? — Đôi lông mày của bác thế nào? Bác đi đứng thế nào? — Nhà bác là một trại gì? — Bác nói với ba Dũng thế nào?*

---

*TẬP ĐỌC VUI*

### LÒNG THƯƠNG

Các em nhờ có mẹ cha
Có quần-áo mặc, có nhà tránh mưa
Cơm ngày hai bữa : sớm, trưa
Ra trường vừa học, lại vừa vui-chơi...
Ngoài kia có biết bao người
Mù, què, đói, rách, nằm phơi lề đường
Không cơm áo, thiếu tình thương
Đi qua, rảo bước như thường sao nên?
Lại gần họ, hỡi các em!
Tiền quà nhịn bớt mà đem đỡ-đần
Ngọt-ngào không họ tui-thân
Của cho đã ít, lòng cần nhiều hơn.

BẢO-VÂN

## DỐT CŨNG THÔNG

Xưa có hai người bạn thân. Một người hay chữ. Một người dốt đặc.

Người hay chữ ăn nói văn-hoa ai cũng phải kính-phục. Trái lại người dốt đặc không nói được câu gì.

Người hay chữ khuyên người kia đi học. Hắn đáp :

— « Trí tôi mờ, dạ tôi tối, học làm sao được ?» Bạn nhất-định không nghe, cứ giục đi tìm thầy học.

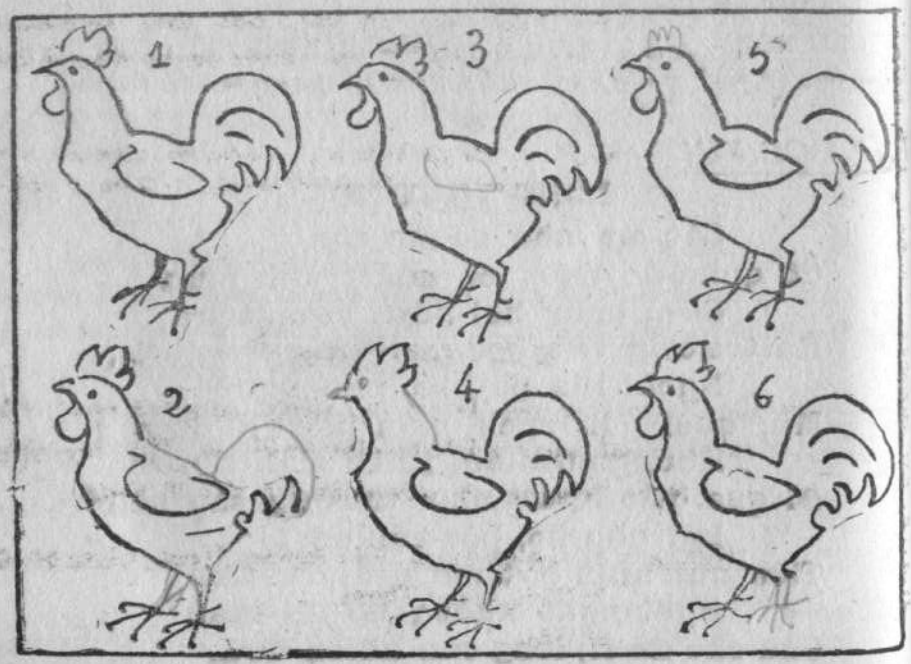
Khi đi đường thấy một cái suối nước chảy, người hay chữ mới hát một câu rằng :

« Nước trong hòn đá chảy ra
« Ban đầu còn nhỏ, dần-dà thành to »

Bạn nghe hiểu ý, từ đó quyết-chí học-hành. Rồi không bao lâu vỡ ngu, trở nên thông-thạo việc đời và giỏi có tiếng.

☆

*TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN*




*So với chú gà số 1 thì các chú gà kia còn thiếu gì ? Em hãy vẽ thêm vào*

# TUẦN-LỄ THỨ 23

## *NGỮ-VỰNG*

### I.— Gia-súc (t.t.)

BÀI GIẢNG.— Ở đồng-quê, người ta nuôi nhiều *lợn* (heo) Những giống lợn ngoại-quốc đều *to* và *mập*. Người ta còn nuôi *thỏ* và *dê*. Dê nuôi để ăn thịt hoặc *vắt* sữa. Thỏ *sinh-sản* rất mau.

HỌC TIẾNG.— 1) Lợn *(heo)* ; Thỏ ; Dê.
2) Heo to, mập.
2) Vắt sữa ; Sinh-sản.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Nhanh như thỏ*

— *Lợn lành chữa lợn què*

GIẢI-NGHĨA.— Mập : Béo, nhiều thịt — Vắt : Vặn đề cho nước hay sữa chảy ra — Lợn lành chữa lợn què : Lợn đang khoẻ-mạnh, đem chữa thành què. Câu này dùng để chỉ những người vụng-về hay làm hỏng việc.

Câu hỏi.— *Ở đồng-quê người ta nuôi nhiều gì ? — Giống lợn ngoại-quốc to hay nhỏ ? — Người ta còn nuôi những con gì ? — Dê nuôi để làm gì ? — Giống gì sinh-sản rất mau ?*

☆

### II.— Gia-cầm.

BÀI GIẢNG.— *Gia-cầm* là *gà, vịt, ngỗng, ngan (vịt xiêm), Chim bồ-câu...* Ngỗng, vịt, ngan thích bơi lội dưới ao, Thịt của chúng *ngon* và *thơm* Nghe tiếng gà *gáy*, nông-dân trở dậy đi làm.

HỌC TIẾNG.— 1) Gia-cầm ; Gà ; Vịt ; Ngỗng ; Ngan ; Chim bồ-câu.
2) Thịt ngon ; Thơm
3) Gáy.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Mẹ gà, con vịt.*

*— Thóc đâu, bồ-câu ở đấy.*

GIẢI - NGHĨA.— Gia-cầm : Loài chim nuôi ở trong nhà — Mẹ gà con vịt : Gà mẹ ấp trứng vịt, nở ra vịt con. Gà mẹ dẫn con vịtđi kiếm mồi. Tới hồ, vịt con xuống nước bơi lội, gà mẹ chỉ đứng trên bờ kêu. Nghĩa rộng là cảnh mẹ ghẻ, con chồng không đi đôi với nhau.— Thóc ở đâu bồ-câu ở đấy : Ý nói chỗ nào kiếm ăn được là có người tìm tới cũng như ở đâu có thóc là có chim bồ-câu tới ăn.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Gia-cầm là những con nào? — Thịt ngan, thịt ngỗng thế nào? — Nghe tiếng con gì gáy nông-dân trở dậy đi làm?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành câu có nghĩa.**

I.— *Heo — Dê — Thỏ — Mập — Vắt sữa.*



II.— *Gia cầm — Gà — Ngỗng — Chim bồ câu — Cày.*

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) *h — hả-hê.*

2) *h — hoan-hỉ.*



## *TẬP ĐỌC* Về quê

Dũng và Hồng được nghỉ lễ bốn ngày. Nhớ lời mời của bác Can, ba nói:

— « Chúng ta về quê ở chơi với bác mấy ngày. Các con sẽ được xem tận mắt cảnh trâu cày ruộng.» Thấy thế anh em Dũng thích quá reo-mừng.

Ra khỏi thành-phố, Dũng tưởng như bầu trời vừa mở rộng thêm. Vài con cò trắng vỗ cánh bay trên cánh đồng rộng bao la. Khắp nơi thoảng mùi thơm nhẹ-nhẹ của hoa cỏ.

PHÁT - ÂM.— Sẽ — Trâu bò — Cày ruộng — Bầu trời — Cò trắng.

GIẢI - NGHĨA.— Tận mắt : (tận . tến nơi) chính mắt mình thấy, gần mắt — Bao-la : Rộng mênh-mông — Thoảng : Lướt qua, đưa qua.

CÂU HỎI.— *Dũng và Hồng được nghỉ mấy ngày? — Anh em Dũng sẽ được xem tận mắt cảnh gì? — Ra khỏi thành-phố Dũng tưởng như bầu trời thế nào? — Vài con gì vỗ cánh bay?*

---

## *CHÍNH-TẢ*

### I.— Con lợn đất

**Con lợn đất dài độ gang tay, béo tròn trùng-trục. Toàn thân nó sơn đỏ. Hai tai và đuôi vắt tréo bên mông, màu xanh lá mạ. Nó nằm yên không động-đậy. Phía gần cuối mông, có khe hở dài để bỏ tiền.**

Theo NGHIÊM-TOÀN

GIẢI - NGHĨA.— Béo tròn trùng-trục : Béo, mập lắm — Toàn thân : Khắp mình, khắp thân-thể.

NHẬN - XÉT CHÍNH - TẢ :

G : Gang tay, Gang thép — Gan lì, Lá gan.
TR : Trùng-trục, Cái trục — Chục bạc.
X : Màu xanh, Xanh-xao — Sanh-đẻ.
TR : Vắt tréo, Tru-tréo — Chéo góc ; Đường chéo.

*H. T. L.*

## Chăm-nom gia-súc

*Ta nuôi con chó giữ nhà,*
*Con mèo bắt chuột, con gà gáy vang.*
*Trâu, bò giúp việc nông-tang,*
*Ngựa kia chuyên-chở đồ hàng khắp nơi*
*Chúng làm tôi-tớ cho người,*
*Quản chi khó-nhọc, trọn đời vì ta!*
*Chăm-nom gia-súc kẻo mà,*
*Chó gầy, hổ mặt chủ nhà đứng nuôi!*

PHÁT-ÂM.— Gia-súc — Chuyên-chở — Trọn đời.

GIẢI-NGHĨA.— Gia-súc : Súc-vật nuôi ở trong nhà — Nông : Làm ruộng — Tang : Trồng dâu, nuôi tằm — Trọn đời : Suốt đời — Hổ mặt : Làm xấu-hổ mặt chủ nhà.

CÂU HỎI.— *Kể những gia-súc mà em biết ? — Ngựa giúp ta việc gì ? — Gia-súc khó-nhọc vì ai ? — Ta nên đối-đãi với chúng như thế nào ?*

*CHÍNH-TẢ*

### II.— Đàn gà mẹ con

Một đàn, mười hai con gà con, chạy theo sau gà mẹ. Con nào cũng béo chút-chít, tròn-trĩnh. Chúng bắt-chước mẹ, lấy hai chân bới đất, tìm mồi. Mỗi khi bắt được sâu, gà mẹ lại cục, cục gọi các con tới.

GIẢI-NGHĨA.— Chút-chít : Rất béo và xinh — Bới đất : Lấy chân cào đất lên để tìm mồi.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

CH : Chút-chít, Một chút — Trút sạch, Trút lá.
CH : Bắt-chước — Đằng trước, Trước tiên, Trước hết.
S : Con sâu, Giếng sâu — Xâu chìa khóa, Xâu cá, Làm xâu.
C : Cục cục, Cục đá, Cục-súc — Quần cụt, Ngõ cụt.



*TẬP ĐỌC*

## Con ngựa

Nhà bác Can cách đường lớn tới hai cây-số. Sau khi xuống xe hơi, ba cha con lại trèo lên một chiếc xe ngựa. Chiếc xe hơi vượt nốt quãng đường đất gồ-ghề. Con ngựa kéo xe rất bé nhỏ nó phải kéo chiếc xe lớn đầy hành-khách...

Một lúc sau, con ngựa đã mệt. Nó đi chậm lại. Bọt trắng ứa ra hai bên mép. Lúc này Dũng mới thấy nó gầy trơ xương. Thật khác hẳn với loài ngựa đua cao-lớn, khoẻ-mạnh. Bé Hồng nói :

— « Coi vậy mà nó kéo xe giỏi nhỉ. »

PHÁT-ÂM.— Trèo lên, — Gồ-ghề, — Bọt trắng, — Trơ xương.

GIẢI-NGHĨA.— Gồ-ghề : Lồi-lõm, không phẳng, — Vượt : Ở bên này sang bên kia, — Gầy trơ xương : Gầy lắm, trông thấy cả xương nổi lên, — Ứa : Tràn ra, chảy ra.

CÂU HỎI.— *Nhà bác Can cách đường lớn mấy cây số ? — Ba cha con trèo lên chiếc xe gì ? — Con ngựa kéo xe gầy hay béo ? — Bé Hồng nói thế nào ?*

*TẬP ĐỌC VUI*

### CHỊ EM

**Chị em duyên dáng, dịu-hiền**
**Má lúm đồng tiền, xinh quá là xinh!**
**Mắt huyền trong sáng, long-lanh**
**Nụ cười luôn nở trên vành môi tươi.**
**Tóc thề bỏ xõa bờ vai,**
**Như làn mây mỏng buông lơi mỗi chiều.**
**Thướt-tha, dáng chị yêu-kiều**
**Công-việc nhà nhiều, mình chị lo-toan.**
**Các em lỗi, chẳng phàn-nàn**
**Mẹ thường vẫn bảo chị ngoan nhất nhà.**

THÙY-LAM

## VOI NGỰA ĐUA

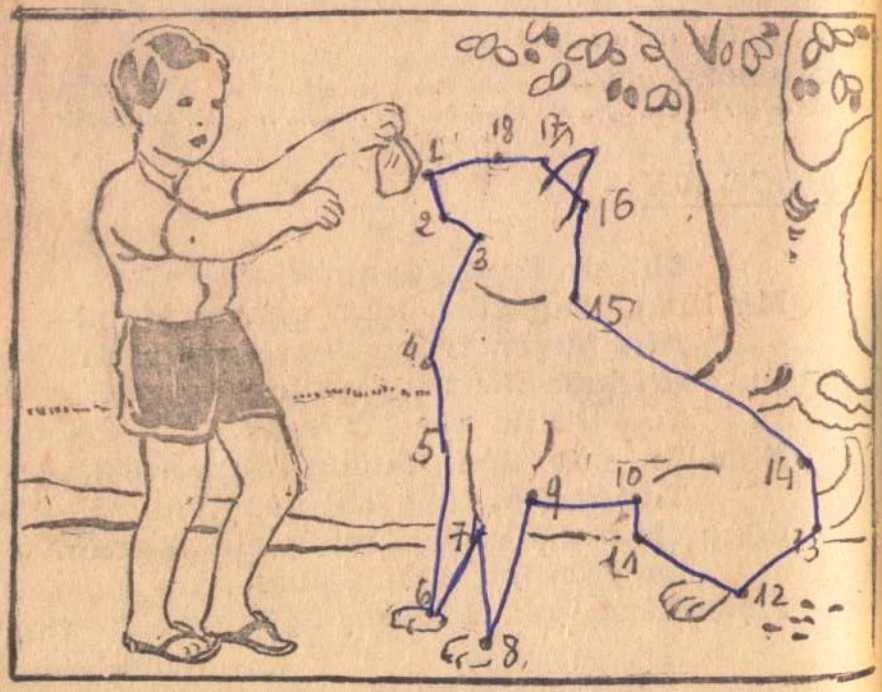
Xưa ngựa thấy voi chậm-chạp có ý khinh. Ngựa đòi thi tài với voi xem ai chạy giỏi.

Lúc thi chạy thẳng, thì voi chạy không kém gì ngựa. Lúc chạy đường quanh, thì ngựa chạy nhanh hơn voi nhiều. Voi thua, ngựa lên mặt.

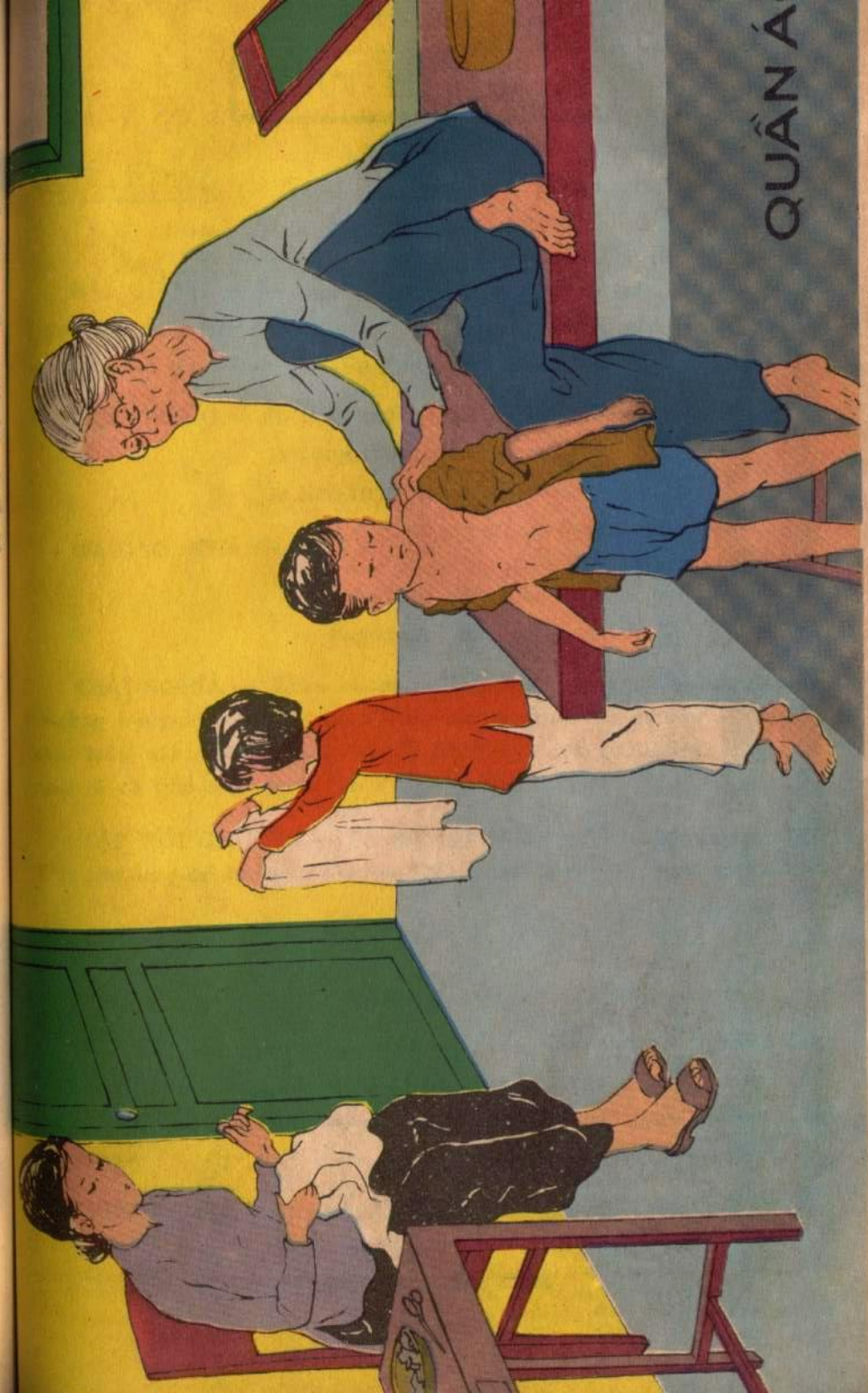
Hôm sau voi thách ngựa thi chạy đường quanh nhưng phải chạy sang tận hòn núi xa xa, đằng trước mặt. Ngựa không cho vào đâu, chắc ăn đứt voi mười phần. Nhưng chạy được một chốc, thấy có con sông chắn ngang, ngựa phải đứng lại. Voi liền lội xuống sông mà sang được núi bên kia. Ngựa đành phải chịu thua và từ đấy không dám khinh thường voi nữa.

*

*TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN*




*Chú bé này làm gì thế ? Em hãy nối từ số 1 đến số 18 sẽ rõ.*



# TUẦN-LỄ THỨ 24

## *NGỮ-VỰNG*

### I.— Trâu

BÀI GIẢNG.— Ta nuôi trâu để *kéo* cày. Lông trâu *thưa* và *cứng*. *Trâu mộng* hay *trâu rừng* thường hung-dữ hơn trâu nhà. *Trâu nái* đẻ ra trâu con gọi là *nghé*. Trâu thuộc loại ăn cỏ và *nhai lại*.

HỌC TIẾNG.— 1) Trâu mộng ; Trâu rừng ; Trâu nái ; Nghé.
2) Lông thưa, cứng.
3) Kéo cày ; Nhai lại.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Trâu buộc ghét trâu ăn.*
— *Ruộng sâu, trâu nái.*

GIẢI-NGHĨA.— Trâu mộng : Trâu đực to-lớn, khoẻ-mạnh và thường hung-dữ — Trâu nái : Trâu cái — Nghé : Trâu con — Ruộng sâu, trâu nái : Ruộng sâu, cày-cấy dễ, thu được nhiều lúa. Trâu nái nuôi sẽ có trâu con rất có lợi.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Ta nuôi trâu để làm gì ?— Lông trâu thế nào ? Trâu nào hung-dữ hơn trâu nhà ?— Trâu con gọi là gì ?— Trâu thuộc loài gì ?*

### II.— Chó

BÀI GIẢNG.— Ta nuôi *chó* để *giữ nhà*. Chó *Bẹc-giê* thường cao lớn. Chó nhốt trong *cũi* rất *dữ*. Khi được thả ra, gặp người lạ là nó *cắn* ngay. *Chó săn* dùng để đi săn thú. Chó *khôn* thấy người lạ là *sủa vang*.

HỌC TIẾNG.— 1) Chó ; Chó Bẹc-giê ; Chó săn ; Cũi.
2) Chó khôn, dữ.
3) Giữ nhà ; Sủa ; Cắn.

**CA-DAO, THÀNH-NGỮ :**

*— Chó cậy gần nhà:*

*— Chó treo, mèo đậy.*

GIẢI-NGHĨA.— **Chó Bẹc-giê : Loại chó của người Âu, Mỹ nuôi để chăn cừu — Cũi : Chuồng làm bằng tre hay gỗ để nhốt chó — Chó cậy gần nhà : Chó ở nhà, thấy người lạ hay chó khác đến là cắn, nhưng nếu đi xa nhà thì sợ-sệt — Chó treo mèo đậy : Đồ-ăn muốn giữ cho chó khỏi ăn thì treo lên. Muốn giữ mèo thì phải đậy lại, vì chó không biết leo-trèo như mèo.**

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Ta nuôi chó để làm gì? — Loại chó nào thường cao lớn? — Chó nhốt ở đâu thì dữ? — Người ta nuôi chó gì để săn thú? — Chó khôn thấy người lạ thì làm thế nào?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu ngắn.**

I.— *Trâu; Trâu nái; Nghé; Kéo cày; Nhai lại.*

★

II.— *Chó bẹc-giê; Chó săn; Dữ; Sủa; Cắn.*

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ

1) *k — khỏe - khoắn.*

2) *k — khô - khan.*



## *TẬP ĐỌC*

### Con trâu

Dũng không để ý tới con ngựa kéo xe. Em còn phải nhìn một con trâu đang kéo cày ở ruộng. Hai sừng trâu cong và nhọn. Thân nó to-lớn, nặng-nề. Bốn chân nó bước trong ruộng ngập bùn. Cái đuôi luôn luôn ve-vẩy để đuổi ruồi. Nhiều mảnh đất bùn mỏng bám trên tấm lưng đen thưa lông. Con trâu này có vẻ hiền-lành và chăm-chỉ. Dũng nói: « Con trâu thế mà chịu khó ba nhỉ. » Ba khẽ gật đầu cười.

PHÁT-ÂM.— Cày ruộng — Sừng trâu — Ruồi — Trên lưng.

GIẢI-NGHĨA.— **Mải nhìn** : (mải : mê-miết), chú-ý nhìn, nhìn một cách say-sưa, thích-thú — **Ve-vẩy** : đưa đi, đưa lại.

CÂU HỎI.— *Dũng đang mải nhìn con gì? — Hai sừng trâu thế nào? Đuôi trâu luôn luôn ve-vẩy để làm gì? — Lông trâu thưa hay dày? — Con trâu trông có vẻ thế nào?*

---

## *CHÍNH-TẢ*

### I.— Con nghé

**Cánh đồng cỏ xanh mơn-mởn. Xa xa, một con nghé đứng sừng-sững, cất đầu ngơ-ngác nhìn. Bỗng nó nhảy quàng lên mấy cái. Rồi nó nhảy đến cạnh mẹ nó. Thỉnh-thoảng nó lại kêu lên mấy tiếng « nghé ngọ » còn non-nớt.**

Theo TRẦN-TIÊU

GIẢI-NGHĨA.— **Mơn-mởn** : Trỏ màu lá cây non và tốt — **Ngơ-ngác** : Nhìn khắp nơi như không hiểu gì cả — **Quàng** : Đùa-giỡn.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

**X : Xa xa, Xa-xỉ — Bãi sa-mạc, Sa-sút.**
**C : Ngơ-ngác — Thơm ngát.**
**X : Cỏ xanh, — Sanh đẻ.**
**S : Sừng-sững.**

*H T . L.*

## Bảo trâu

*« Trâu ơi! Ta bảo trâu này!*
*Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta.*
*Cấy-cày vốn nghiệp nông-gia,*
*Ta đây, trâu đấy, ai mà quản công?*
*Mai ngày, ruộng lúa đầy bông,*
*Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng, trâu ăn.*
*Dẫu rằng vất-vả, khó-khăn,*
*Cùng trâu, ta liến phăng-phăng không lùi. »*

Theo CA-DAO

PHÁT-ÂM.— Ra ngoài ruộng — Nông-gia — Dẫu rằng.

GIẢI-NGHĨA.— Nông-gia : Nhà nông, người làm ruộng — Quản công : Ngại công khó-nhọc — Vất-vả : Chật-vật, khổ cực — Phăng-phăng : Ngay lập-tức, theo đường thẳng.

CÂU HỎI.— *Đây là lời nói của ai? — Người làm ruộng đi cày với con gì? — Trâu ăn gì ở ngoài đồng? — Nhờ ai ta mới có cơm ăn?*

---

*CHÍNH TẢ*

## II.— Con Tô

Con Tô thuộc giống chó Nhật, nó khác hẳn chó ta. Tô thấp lùn, mình thon, lưng cong, chân ngắn. Bộ lông trắng toát có chỗ xoắn-tít lại, che kín cả thân. Hai tai nó nhỏ và cụp xuống. Người ta chỉ còn thấy cái mõm dài và đôi lỗ mũi hồng.

GIẢI-NGHĨA.— Thon : Dài và nhỏ ngang — Trắng toát : Trắng hết cả — Cụp : Quắp vào, gập lại.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

| | | | |
|---|---|---|---|
| CH | : Che kín, Che-chở | — | Cây tre. |
| I | : Tai nghe, Tai-nạn | — | Tay chân. |
| O | : Mõm chó | — | Mỏm núi. |
| OI | : Giống chó Nhật, Giống như in | — | Rông lên. |



*TẬP ĐỌC*

## Bầy chó dữ

Nhà bác Can ở ngay đầu làng. Ba cha con vừa đến cổng thì có hai con chó nhảy xổ ra sủa. Bé Hồng đang lon-ton đi trước. Thấy chó dữ, bé vội thụt lùi lại, nắm chặt tấy áo ba.

Hai con chó dữ thật! Con nào cũng cao lớn, tai cúp. Màu lông phơn-phớt vàng. Chúng nhe những cái răng nhọn hoắt ra gầm-gừ. Vừa lúc ấy, bác Can chạy ra đe chó. Lũ chó liền thôi sủa rồi chạy vào một góc nằm.

PHÁT-ÂM.— Xổ ra — Răng — Gầm-gừ — Sủa.

GIẢI-NGHĨA.— Lon-ton : Nói dáng đi nhanh-nhẹn — Phơn-phớt vàng : Hơi vàng — Nhọn hoắt : Nhọn lắm.

CÂU HỎI.— *Hai con gì nhảy xổ ra sủa? — Ai đang lon-ton đi trước? — Thấy chó, bé Hồng làm thế nào? — Lông chó màu gì? — Răng của nó thế nào? — Ai chạy ra đe chó?*

*

*TẬP ĐỌC VUI*

## EM TÔI

**Em tôi sắp-sửa lên ba**
**Giờ đang tập nói, cả nhà đều vui,**
**Luôn mồm gọi : « chị Trang ơi! »**
**Trên môi nở sẵn nụ cười hồn-nhiên.**
**Me rằng : « Bé đẹp như tiên**
**Cô tiên nho-nhỏ, dịu-hiền của me! »**
**Chiều chiều bé cứ lăm-le**
**Chạy ra cửa, đón ba về đòi theo.**
**Em tôi ai cũng mến-yêu**
**Thường hay nũng-nịu đủ điều cùng tôi.**
**Tranh giành mọi thứ đồ-chơi**
**Mẹ tôi lại bảo lớn rồi, nhường em!**

HOÀI-NGÂN-TRANG

## CÔNG VÀ GÀ

Xưa có nhà nuôi một con công, lấy làm quý lắm. Nhà ấy ngày nào cũng bỏ ra nhiều tiền mua ngô, mua gạo cho công ăn. Còn đàn gà, trước kia chăm nuôi bao nhiêu thì giờ hình như lại muốn bỏ mặc, kiếm được con sâu, con bọ nào thì ăn, chứ không hề nhìn đến.

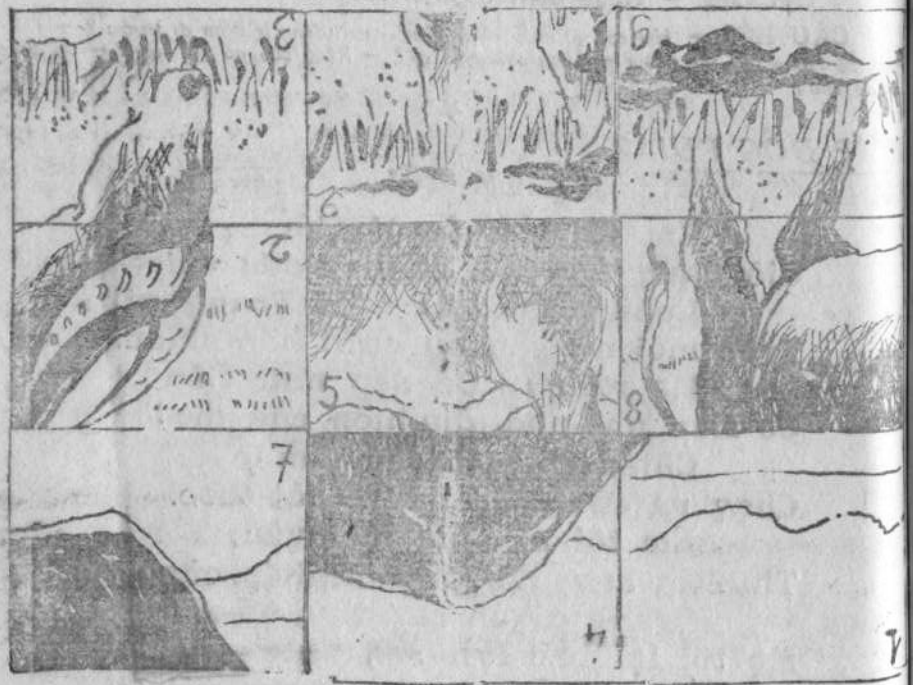
Công ăn no, công béo-tốt. Công tự-do đi lại trong vườn, nhởn nhơ đây đó. Rồi bỗng một hôm, công vỗ cánh, bay vào rừng mất.

Nhà kia than-tiếc vô cùng, nhưng làm gì được? Công đi rồi lại phải chăm-nuôi, săn-sóc đàn gà vậy. Vì thế mới có câu ca giễu rằng:

*Công ăn, công múa, công đi,*
*Gà ăn, gà ở, nuôi gì lợi hơn?*

☆

*TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN*



*Tranh gì đây? — Các em hãy phóng ra giấy khác rồi cắt thành 9 mảnh nhỏ, ráp lại theo thứ-tự sẽ rõ.*

# TUẦN-LỄ THỨ 25

## *NGỮ-VỰNG*

### I.— Mèo

BÀI GIẢNG.— So với *mèo khoang, mèo mướp* thì *mèo tam-thể* đẹp nhất. Mèo có răng nanh *nhọn*. Có con mèo *hay chuột* lại có con chỉ thích *ăn vụng*. Nhiều người thích nuôi *mèo xiêm* để làm cảnh.

HỌC TIẾNG.— 1) Mèo khoang; Mèo mướp; Mèo tam-thể; Mèo xiêm.
2) Răng nanh nhọn; Mèo hay chuột *(bắt chuột giỏi)*.
3) Ăn vụng.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ:

— *Như mèo thấy mỡ.*
— *Mèo mả, gà đồng.*

GIẢI-NGHĨA.— Mèo mướp: Mèo có bộ lông xám vằn đen — Tam-thể: Ba màu lông: đen, vàng, trắng. — Ăn vụng: Ăn lén, khi người khác không trông thấy — Mèo mả, gà đồng: Trỏ những hạng người lang-thang không có chỗ ở nhất-định và hay làm việc không tốt như loại mèo hoang.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Hãy kể tên những loại mèo mà em biết? — Răng nanh mèo thế nào? — Nhiều người thích nuôi loại mèo gì?*

☆

### II.— Lợn (*heo*)

BÀI GIẢNG.— *Lợn ăn bèo với cám,* hoặc cơm thừa. Mỗi năm *lợn sề* đẻ hai lứa, mỗi lứa hàng chục *lợn con*. Lợn đói ăn thì *gầy* hay *phá chuồng*. Trẻ con mua *lợn đất* bỏ tiền vào đó để dành.

HỌC TIẾNG.— 1) Lợn (*heo*); Lợn sề; Lợn con; Lợn đất.
2) Lợn gầy.
3) Ăn bèo; Phá chuồng.

CA-DAO THÀNH-NGỮ :

*— Lợn thả; gà nhốt (rốt).*

*— Lợi thì nuôi lợn nái; hại thì nuôi bồ-câu.*

GIẢI - NGHĨA.— Lợn sề : Lợn cái nuôi để lấy lợn con — **Lợi thì nuôi lợn nái** : Mỗi năm lợn nái (*lợn sề*) đẻ được nhiều lợn con, bán được nhiều tiền, vì vậy nuôi lợn nái mới có lợi. Hại thì nuôi **bồ-câu** : Vì bồ-câu ăn nhiều lúa lại làm hại mái nhà, hư hỏ nước.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Con gì ăn bèo và cám ? — Lợn gì nuôi để có lợn con? — Lợn đói ăn thì thế nào ? — Trẻ em mua lợn gì để bỏ tiền vào để dành ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Trả lời những câu hỏi về một đề-mục :**

### Tả con mèo

I.— *Ai cho nhà em con mèo ? — Bộ lông của nó mấy màu ? — Là những màu gì ? — Em đặt tên nó là gì ? — Ria mèo dài hay ngắn ? — Nhờ nó, quần-áo của em không bị con gì cắn ?*

### Tả con lợn

II.— *Em đã trông thấy con lợn ở đâu ? — Con lợn nầy béo hay gầy ? — Mắt lợn to hay nhỏ ? — Lợn thường ăn gì ? — Người ta nuôi lợn để làm gì ?*

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) *gh — ghi-gói.*

2) *gh — ghê-gớm.*



## *TẬP ĐỌC* Ba con mèo

Trước hiên nhà bác Can, một con mèo mướp đang khom mình sau chậu cây cảnh. Gần đó, hai con khác nằm lim-dim ngủ. Chúng cuốn mình dưới chân chiếc ghế vải.

Một con chim sẻ sà xuống. Chim đậu trên bờ tường thấp quanh hiên. Chú mèo mướp vội vươn mình, chồm lên vồ. Chim bay mất. Chú mèo thu vuốt sắc lại. Chú kêu « meo meo » như bực-bội. Bác Can nói : — « Đây lắm chuột quá ! Ba con mèo bắt cũng không hết. »

PHÁT - ÂM.— Sau — Lim-dim — Chim sẻ — Sà xuống.

GIẢI-NGHĨA.— **Lim-dim** : Mắt nhắm chưa khít — **Sà xuống** : Bay, liệng thấp xuống — **Bực-bội** : Tức-giận, không được như ý muốn.

CÂU HỎI : *Con mèo mướp đang làm gì ? — Con gì sà xuống ? — Con chim sẻ đậu ở đâu ? — Chú mèo mướp vươn mình làm gì ?*

---

## *CHÍNH - TẢ* I.— Con mèo tam thể

**Trông chú mèo tam-thể giống hệt con cọp nhỏ. Bộ lông của chú mượt và có ba màu : vàng, trắng, đen. Đầu chú nhỏ. Đôi mắt xanh và trong như ngọc-thạch. Ở mép, lơ-thơ có mấy sợ ria dài và cứng...**

GIẢI-NGHĨA.— **Mượt** : Nhẵn, trơn — **Ngọc-thạch** : Loại đá quí, — **Lơ-thơ** : Thưa-thớt, thỉnh-thoảng mới có.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

TR : Trông, Trông-nom — Chông-gai.

M : Màu vàng, Màu sắc — Mào gà.
Mầu nhiệm, Phép mầu

R : Râu-ria, Ria đường.

H. T. L.

## Con mèo vàng

*Chị em mua phải con mèo*
*Ngày thì sợ chuột, đêm trèo mái tranh.*
*Một hôm nó đụng chiếc mành*
*Trời ơi! Mành đổ, tan-tành mâm cơm...*
*Giận mèo em khóc, em hờn,*
*Bỏ cơm nhịn đói, chẳng buồn đi chơi.*
*Dỗ em, chị bảo: « Em ơi!*
*Nín đi chẳng có mèo cười, xấu ghê! »*

QUỐC-MỸ

PHÁT-ÂM.— Sợ chuột — Tan-tành — Mái tranh — Trời ơi.

GIẢI-NGHĨA.— Tan-tành: Đổ vỡ hết. — Đụng: Va, chạm phải — Mành: Sáo bằng gỗ, hay tre để che nắng, gió. — Hờn: Bực-tức khóc quấy — Dỗ: Dùng lời nói ngọt, khuyên người khác cho hết buồn — Nín: Im không khóc.

CÂU HỎI.— *Chị em mua phải con mèo thế nào? — Mành đổ làm tan-tành cái gì? — Giận mèo em làm gì? — Dỗ em, chị bảo thế nào?*

CHÍNH-TẢ

### II.— Con lợn sề

Con lợn sề vục mõm vào chậu cám. Nó nhai nuốt tồm-tộp, cái đuôi ve-vẩy. Trông nó ăn mới tục-tằn làm sao! Thôi thì cám dính lên trán, lên mắt. Khi chậu cám gần hết, nó bước cả hai chân trước vào chậu mà liếm.

GIẢI-NGHĨA.— Vục mõm: Nhúng cả mõm vào — Ve-vẩy: Đưa đi đưa lại — Tục-tằn: Thô-lỗ, không lễ-phép — Dính: Bám vào.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ

S: Lợn Sề — Xề-xệ.
TR: Cái trán — Chán-ngán, Không chán.
TR: Trước, đằng trước, trước hết, Bắt-chước.
S: Làm sao, Ngôi sao — Xôn-xao, Xao-nhãng.



TẬP ĐỌC

## Bầy heo con

Bác Can gái đang bận lùa bầy heo vào chuồng. Con heo sề gầy (*ốm*) quá! Cái mũi lúc nào cũng động-đậy như đánh hơi. Bụng nó kéo lê xuống đất. Lũ heo con thì thấp bé lủn-củn. Chúng vừa chạy theo mẹ, vừa kêu eng-éc. Vào chuồng heo mẹ vục đầu vào ăn cám trong cái chậu gỗ. No bụng rồi, nó nằm kềnh ra ngủ. Bác Can gái đóng cửa chuồng heo rồi đi rửa tay.

PHÁT-ÂM.— Heo sề — Xuống đất — Trong chậu — Rửa tay.

GIẢI-NGHĨA.— Lùa: Dồn vào, đưa vào. — Lủn-củn: Chỉ cái dáng ngắn-ngủn, nhỏ-bé. — Nằm kềnh: Nằm giơ cả bốn chân lên.

CÂU HỎI.— *Bác Can gái đang bận làm gì? — Con heo sề gầy hay béo? — Bụng nó kéo lê ở đâu? — Heo mẹ ăn cám ở trong cái gì? — Ăn no rồi nó làm gì?*

☆

TẬP ĐỌC VUI

### RU EM

À ơ... Em ngủ đi thôi!
Để chị xuống bếp không thời cơm khê.
Nín đi, mẹ cũng sắp về
Thì em lại được nơ-nê chứ gì?
Kìa em trông bé « búp-bê »
Nó ngoan, đâu có ngủ nhè như « cô ».
Bài hôm qua chửa kịp đồ
Chiều nay chắc lại « đê-rô » mất rồi!
Bữa nay hư lắm bé ơi!
Chị thời lo quýnh, em thời o-oe
Chốc đây chị phải mét me
Cho em một trận « đòn », quẻ ngán không?

HOÀI-VĂN

## CHÓ VÀ MẶT-TRĂNG

Xưa có con chó, nhân lúc nhá-nhem tối, lẻn vào hàng thịt, ngoạm trộm được một miếng thịt rồi tha đi.

Nhà hàng biết đuổi theo.

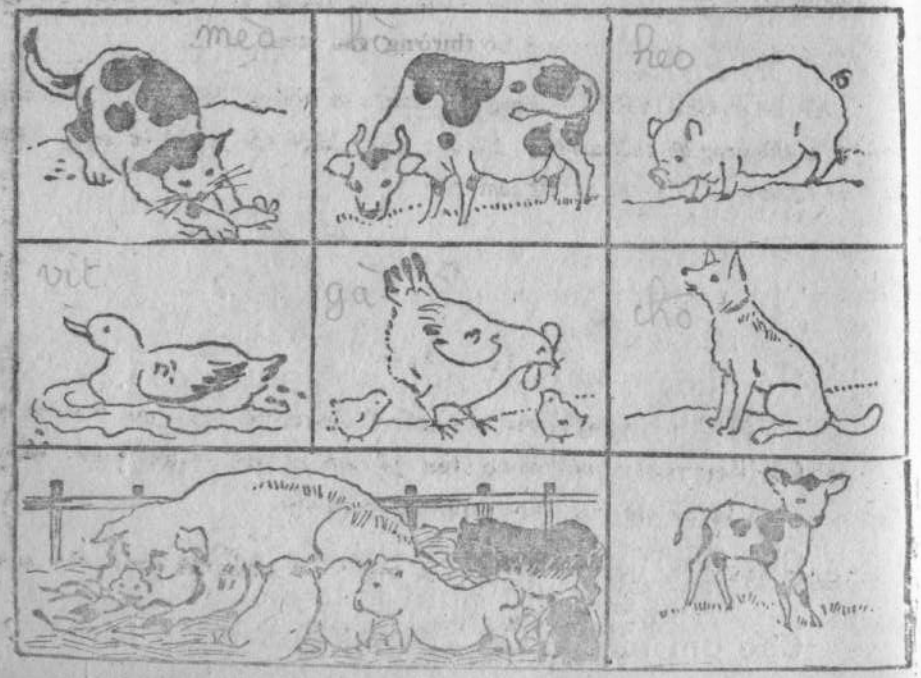
Chó chạy qua cầu, thấy người đuổi kịp lắm phải nhả miếng thịt xuống sông trả rồi chạy một mạch.

Lúc lộn về, chó trông dưới cầu, thấy cái bóng trăng mập-mờ trăng-trắng dưới nước, ngỡ là miếng thịt còn đấy, vội nhảy xuống để đớp.

Nào ngờ, đã không phải thịt, lại bị dòng nước cuốn-cuộn kéo đi. Chó không tài nào mon-men vào bờ được nữa. Chó chết.

☆

TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN




*Hãy viết tên vào dưới mỗi hình rồi tô màu cho đẹp.*

# TUẦN-LỄ THỨ 26

## *NGỮ-VỰNG*

### I.— Bò

BÀI GIẢNG.— **Bò** *kéo xe,* hoặc *kéo cày* **giúp nhà nông. Sừng bò** *thẳng, ngắn* **hơn sừng trâu.** *Bò đực* **to và khỏe còn gọi là** *bò mộng.* **Bò con là** *bê.* **Ta nuôi bò cái để** *vắt sữa.*

HỌC TIẾNG.— 1) **Bò đực ; Bò mộng ; Bê ; Sừng.**
2) **Sừng thẳng, ngắn.**
3) **Kéo xe, Vắt sữa.**

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Lo bò trắng răng*

*— Yếu trâu còn hơn khỏe bò.*

GIẢI-NGHĨA.— **Lo bò trắng răng**: Lo những việc đâu đâu, không liên-quan gì đến mình vì răng bò thường vẫn trắng rồi...

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Bò giúp chúng ta những việc gì? — So với sừng trâu thì sừng bò thế nào? — Bò đực to và khỏe còn gọi là bò gì? — Bò con gọi là gì? — Ta nuôi bò để làm gì?*

☆

### II.— Gà

BÀI GIẢNG.— **Sáng sớm,** *gà trống* **vươn cổ** *dài, gáy* **«te te». Gà** *mái* **kêu «cục-cục» rồi** *mang* **đàn** *gà con* **ra góc vườn kiếm mồi. Gà non gọi là** *gà giò.* ***Gà chọi*** **nuôi để chọi thi.**

HỌC TIẾNG.— 1) **Gà trống ; Gà mái ; Gà con ; Gà chọi ; Gà giò.**
2) **Cổ dài.**
3) **Gáy ; Mang con.**

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Gà trống nuôi con.*

*— Gà què ăn quần cối xay.*

GIẢI-NGHĨA.— Mang con : Đem con đi kiếm mồi — Gà trống nuôi con : Gà trống thay gà mái nuôi con thật vụng-về, vất-vả. Câu này chỉ cảnh vất-vả của những người đàn-ông mà vợ chết phải nuôi con một mình.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Sáng sớm gà trống làm gì ? — Gà gì kêu cục-cục ? — Gà mái mang đàn con đi làm gì ? — Người ta nuôi gà gì để chọi thi ? — Gà non gọi là gà gì ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Trả lời những câu hỏi về một đề-mục.**

### I.— Tả con bò

*Em trông thấy con bò ở đâu ? — Nó đang làm gì ? — Con bò này to hay nhỏ ? — Lông bò màu gì ? — Sừng nó ngắn hay dài ? — Người ta nuôi bò để làm gì ?*

★

### II.— Tả con gà trống

*Con gà gì lớn nhất trong sân ? — Trên đầu nó có gì màu đỏ ? — Mỏ nó cứng hay mềm ? — Lông ở chung quanh cổ gà màu gì ? — Chân gà trống có gì cứng và sắc ? — Con gà trống làm gì khi trời sắp sáng ?*

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ

1) *th — thích - thú.*

2) *th — tha - thiết.*



TẬP ĐỌC

## Đàn bò

Chiều hôm ấy, hai anh em Dũng đi chơi ngoài đồng-ruộng. Mặt-trời đã ngả về tây. Trên bãi cỏ xanh, một đàn bò đang cúi đầu gặm cỏ. Con nào cũng mập. Cặp sừng của chúng ngắn và thẳng. Phần lớn những con này có bộ lông màu vàng. Chỉ có vài con màu lông chỗ đen, chỗ trắng. Có một con to lớn hơn cả. Xương lưng nó gồ lên. Chắc nó là con đầu đàn. Nó đi đâu là đàn bò kia theo đến đó. Bé Hồng nói : «Anh chàng chăn bò cầm roi, oai quá nhỉ !»

PHÁT ÂM.— Ruộng — Mặt-trời — Cặp sừng — Roi.

GIẢI-NGHĨA.— Ngả : nghiêng xuống, hạ xuống — Cặp sừng : Hai cái sừng — Gồ : Nổi cao lên.

CÂU HỎI.— *Hai anh em Dũng đi chơi ở đâu ? — Mặt-trời đã ngả về phương nào ? — Trên bãi cỏ xanh, đàn bò đang làm gì ? — Cặp sừng của chúng thế nào ? —*

---

## *CHÍNH - TẢ*

### I.— Trên bờ ruộng

Trên bờ ruộng, hai mẹ con chị bò vàng đang gặm cỏ. Ăn-uống no-nê rồi, bò mẹ thong-thả đi xung-quanh bò con. Nó liếm khắp mình con cho lông thêm mượt. Nó ve-vẩy đuôi để đuổi muỗi cho con. Thỉnh-thoảng chú bê con lại chạy ra xa rồi nhảy quẳng lên...

GIẢI - NGHĨA.— Thong-thả : Từ-từ, chậm-chậm — Mượt : Nhẵn, trơn — Ve-vẩy : Phất nhè-nhẹ.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

R : No-nê rồi, Xong rồi — Dồi-dào, Dồi lợn — Giồi phấn.

X : Xung-quanh, Xung-phong — Cây sung, Sung-sướng.

X : Chạy ra xa, Xa gần — Sa-cơ, Sa-mạc, Sa-trường.

*H. T. L.*

## Bình-minh

*Ó, o, gà gáy khắp nơi*
*Sương mờ phủ kín bầu trời miền quê.*
*Bóng người rảo bước trên đê,*
*Từng đoàn lặng-lẽ hướng về đồng xa...*
*Khói lam ôm-ấp mái nhà,*
*Đàn chim vui hót khúc ca vang lừng.*
*Nắng lên rực-rỡ, tưng-bừng,*
*Tràn-lan đến tận khu rừng xa xa...*

PHÁT-ÂM.— Sương — Bầu trời — Rực-rỡ.

GIẢI-NGHĨA.— Phủ : Che đậy — Đê : đường cao đắp theo bờ sông hay bờ biển để giữ nước — Tưng-bừng : Nhộn-nhịp, vui-vẻ. — Tràn-lan : Lan rộng ra khắp nơi.

CÂU HỎI.— *Tiếng gà gáy nổi lên ở đâu ? — Trên đê, có bóng ai rảo bước ? Trên mái nhà có gì bốc lên ? — Nắng lên trông thế nào ? — Nắng lan-tràn đến tận đâu ?*

*CHÍNH-TẢ*

## II.— Con gà trống

Chú gà trống có bộ lông dài, mượt, nhiều màu. Khi chú vươn cổ ra gáy trông mới đẹp làm sao ! Cái mào đỏ chót. Đôi mắt tròn xoe nhưh ai hạt đậu đỏ. Bộ lông đuôi dài lê-thê. Chú ta đi trông thật là hùng-dũng.

GIẢI-NGHĨA.— Tuyệt đẹp : Đẹp lắm — Đỏ chót : Thật đỏ — Đỏ lắm — Dài lê-thê : Rất dài.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

TR : Gà trống, Cái trống — Chống đỡ.
Y : Gà gáy, Cái gáy (*ót*) — Con gái.
CH : Đỏ chót, Sau chót — Trót dại, Trót đời
X : Tròn xoe, — Sun-soe.



*TẬP ĐỌC*

## Tiếng gà buổi sáng

Không-khí miền quê trong-sạch và mát-mẻ. Anh em Dũng ngủ thật ngon. Nghe tiếng gà gáy sáng, Dũng thức dậy. Dũng mở cửa sổ nhìn ra vườn. Tiếng gà vang lên khắp nơi, thật vui tai.

Chuồng gà vịt ở cuối vườn. Một con gà trống đang đứng trên nóc chuồng. Cứ mỗi lần cất tiếng gáy, nó lại nghiêng đầu vỗ cánh phành-phạch.

Mặt-trời đang nhô lên ở phương Đông.

PHÁT-ÂM.— Trong-sạch — Sáng — Cửa sổ — Gà trống.

GIẢI-NGHĨA.— Nóc : Đỉnh, đường giữa chỗ hai mái nhà chụm liền với nhau. — Vỗ cánh : Đập cánh. — Nhô lên : Trồi lên.

CÂU HỎI.— *Không-khí miền quê thế nào ? — Nghe tiếng gì Dũng thức dậy ? Tiếng gà gáy, Dũng nghe như thế nào ? — Mỗi lần gáy, gà trống làm thế nào ? — Mặt-trời đang nhô lên ở đâu ?*

*TẬP ĐỌC VUI*

### CON MÈO

Chị ơi ! em có con mèo
Mình thon-thon trắng, meo meo suốt ngày.
Em thường bế nó trên tay
Vuốt-ve nó suốt cả ngày... chị ơi !
Ban đêm, đôi mắt sáng ngời
Nó rình bắt chuột khắp nơi, trong nhà.
Mỗi lần nó phóng vụt ra
Sao trông hùng-dũng như là con beo.
Chỗ nào nó cũng leo-trèo
Mái nhà, vựa thóc, nó theo rình mồi.
Khi đi, khi đứng, khi ngồi
Toàn thân uyển-chuyển, mình đuôi nhịp-nhàng.

ĐẶNG-HỮU-HÀO

## CHA NÀO, CON ẤY

Nguyễn-Cốc có ông nội già-yếu. Bữa cơm ông thường làm đổ canh, bể bát. Cha của Cốc bèn lấy cái gáo dừa làm chén để dưới đất cho ông ngồi ăn riêng.

Một hôm, Cốc chơi lấy ván ráp thành cái máng cho heo ăn. Cha Cốc hỏi :

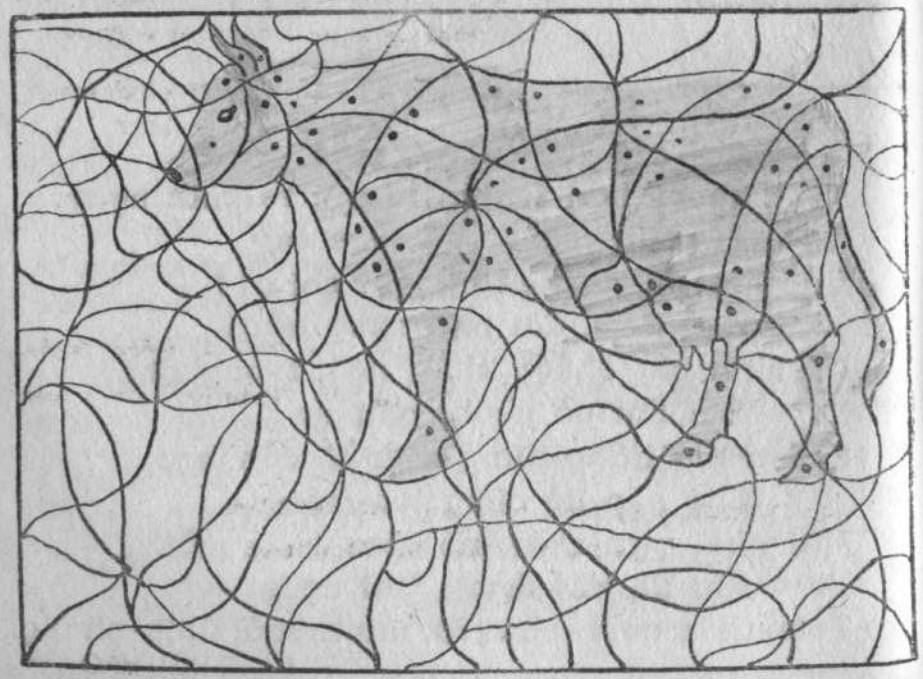
— « Con làm gì thế ? »

— « Con làm cái máng này dành khi cha già, con trộn cơm cho cha ăn. Một hôm người cha đẩy xe bỏ ông nội Cốc vào rừng. Cốc đem xe về nhà. Người cha hỏi, Cốc trả lời rằng :

— Con đem cái xe này về để khi cha già, sẽ đẩy bỏ cha trong rừng. » Người này nghe nói sợ-hãi trở vào rừng, tìm cha đem về. Từ đó cha Cốc ăn ở với ông nội Cốc rất hiếu-thảo.

☆

*TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN*



*Hình gì đây ? — Các em tô màu đỏ vào các ô có chấm đen sẽ rõ.*

# TUẦN-LỄ THỨ 27

*NGỮ-VỰNG*

## I.— Vịt

BÀI GIẢNG.— *Mỏ* vịt *giẹp* và to. Nhờ thế vịt *mò tép, xúc thóc* rất nhanh. *Cổ* vịt ngắn. Chân vịt *thấp* có *màng* mỏng. *Vịt bầu*, to hơn *vịt đàn*.

HỌC TIẾNG.— 1) Vịt bầu ; Vịt đàn ; Mỏ ; Cổ ; Màng.
2) Mỏ giẹp ; Chân thấp.
3) Mò tép ; Xúc thóc.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Mẹ gà, con vịt*
— *Nước đổ đầu vịt*

GIẢI-NGHĨA.— Vịt bầu : Giống vịt lớn — Vịt đàn : Giống vịt nhỏ hơn vịt bầu, nuôi thành từng đàn — Nước đổ đầu vịt : Lông ở đầu vịt trơn không thấm nước, khi đổ nước lên thì nước chảy tuột đi hết. Câu này dùng chỉ những kẻ không nghe lời, bảo trước quên sau.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Mỏ vịt thế nào ? — Vịt dùng mỏ để làm gì ? — Chân vịt có gì dính liền với nhau ? — Vịt bầu to hơn vịt nào ?*

☆

## II.— Ngỗng — Ngan

BÀI GIẢNG.— Cùng loại với vịt còn có *ngan* và *ngỗng*. Ngỗng có cổ *dài*. Ngan đực có *mào đỏ* trông rất dữ. Ngan mình *tròn*, thích ăn tôm-tép như vịt. Trái lại ngỗng chỉ *ăn thóc* và cỏ.

HỌC TIẾNG.— 1) Ngan *(vịt xiêm)* ; Ngỗng ; Mào.
2) Cổ dài ; Mào đỏ ; Mình tròn.
3) Ăn thóc.

CA-DAO, **THÀNH-NGỮ :**

*— Ngỗng ông tết ông*
*— Tréo cẳng ngỗng.*

GIẢI-NGHĨA.— Ngỗng ông tết ông : Lấy ngỗng của ông rồi lại đem tết (*biếu*) ông thì chả có lòng tốt gì cả. **Tréo cẳng ngỗng :** Trỏ những việc trái-ngược nhau.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Cùng loại với vịt còn có những con gì ? — Cổ ngỗng thế nào ? — Trên đầu ngan đực có gì ? — Ngỗng thích ăn gì ? — Mình ngan tròn hay giẹp ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

Trả lời những câu hỏi về một **đề-mục.**

### I.— Tả con vịt.

*Vịt thường bơi lội ở đâu ? — Cổ vịt dài hay ngắn ? — Chân vịt cao hay thấp ? — Ngón chân vịt có gì bọc lại với nhau ? — Ta nuôi vịt để làm gì ?*

★

### II.— Tả con ngỗng.

*Em trông thấy con ngỗng ở đâu ? — Lông nó màu gì ? — Cổ nó dài hay ngắn ? — Mỏ ngỗng màu gì ? — Ngỗng thích ăn gì ? — Tiếng ngỗng kêu to hay nhỏ ? —*

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) *ch — chăm-chỉ.*
2) *ch — che-chở.*



## *TẬP ĐỌC*

### Đàn gà

Bé Hồng đã thức dậy từ hồi nào. Bác Can gái ra vườn mở cửa chuồng gà. Hồng lon-ton chạy theo sau.

Cửa chuồng vừa mở, lũ gà con chạy túa ra. Chúng còn bé. Cẳng con nào cũng nhỏ tí-teo. Có con vướng chân, ngã lăn ra ngay ở cửa chuồng. Nó cuống-cuồng vẫy đôi cánh ngắn-ngủn, để đứng dậy. Con nào cũng kêu chiêm-chiếp và chạy loanh-quanh. Gà mẹ đủng-đỉnh theo sau. Thỉnh-thoảng nó lại kêu : « cục, cục. »

PHÁT ÂM.— Ra vườn — Lon-ton — Tí-teo — Theo sau.

GIẢI-NGHĨA.— Lon-ton : Nói dáng đi nhanh-nhẹn — Túa : Tuôn ra — Tí-teo : Nhỏ bé — Cuống-cuống : Tỏ vẻ lo-sợ, rối-rít.

CÂU HỎI.— *Ai ra vườn mở cửa chuồng gà ? — Cẳng những con gà con thế nào ? — Gà con vì sao ngã lăn ở cửa chuồng ? — Những con gà con kêu thế nào ? — Con gì đủng-đỉnh đi theo sau ?*

---

## *CHÍNH-TẢ*

### II.— Đàn vịt

**Đàn vịt hơn mười con chạy ùa xuống ao.. Mình chúng thon-thon, giềm-giẹp, nổi lềnh-bềnh trên mặt nước. Chúng hụp lặn trong ao, rúc láy, rúc để. Khi thì nó chổng ngược đuôi lên để mò tôm cá. Lúc thì nó dựng thẳng mình lên trên mặt nước...**

GIẢI-NGHĨA.— Thon-thon : Nhỏ và dài — Giềm-giẹp : Không tròn, hơi bẹt ra — Rúc : Đâm đầu xuống, lấy mỏ rỉa.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

| | | | |
|---|---|---|---|
| GI | : Giềm-giẹp | — | Dẹp giặc, Dọn-dẹp |
| C | : Rúc xuống | — | Rút ra, Rút lui, Rút lại |
| ? | : Trôi-nổi, Nổi lềnh-bềnh | — | Nỗi đau-đớn, Khốn nỗi. |

*H. T. L.*

## Con gì?

*Con gì thấp nhất trong sân*
*Dáng đi lạch-đạch, bàn chân có màng?*
*Đuôi cong, cổ ngắn, mỏ vàng,*
*Xuống ao bơi, lặn, nhẹ-nhàng như không?*
*Tha-hồ đập cánh, rỉa lông,*
*Nước ao tung-tóe mà không ướt đầu!*
*Mò tôm, bắt cá, giờ lâu,*
*Rủ nhau lên cạn, đi đâu từng đàn...*

PHÁT-ÂM.— Lạch-đạch, — Rỉa lông, — Tung-tóe.

GIẢI-NGHĨA.— Lạch-đạch : Dáng đi nặng-nề, — Lặn : Hụp xuống dưới nước, — Rỉa lông : Lấy mỏ gỡ từng cái lông một, — Tung-tóe : Làm nước bắn ra khắp nơi.

CÂU HỎI.— *Con vật tả ở trong bài này là con gì? — Dáng đi của nó thế nào? — Nó hay bơi lặn ở đâu? — Ta nuôi vịt để làm gì?*

---

*CHÍNH-TẢ*

## I.— Con ngan đực

Con ngan đực đang đi từ vườn về nhà. Nó vừa đi, vừa lắc-lư cái đầu, vừa kêu khà-khà. Trên đầu nó có cái mào đỏ. Con ngan này dữ lắm! Nó cắn rất đau. Mèo chó cũng không dám lại gần nó. Nó đến nằm bên đống rơm.

GIẢI-NGHĨA. — Lắc-lư : Lảo-đảo muốn đổ, — Rơm : Thân cây lúa gặt rồi và đã đập hết hạt.

NHẬN-XÉT, CHÍNH-TẢ :

G : Đang đi, Đang làm — Đan áo, Đan rổ,
D : Dữ lắm, Chó dữ, Dữ-dội — Giữ nhà, Giữ-gìn
D : Dám lại, Không dám — Giám-đốc, Giám-mục — Rám má.



*TẬP ĐỌC*

## Đàn vịt

Ăn điểm-tâm xong, anh em Dũng ra bờ ao ngồi câu cá. Anh Nam, con trai bác Can, mắc mồi vào lưỡi câu. Đàn vịt cũng bắt đầu ùa xuống ao kiếm mồi. Trên mặt đất, chúng đi rất nặng-nề chậm-chạp. Xuống nước chúng lội rất nhanh-nhẹn, nhẹ-nhàng. Chúng chẳng cần bơi mà vẫn nổi lềnh-bềnh. Mỏ con nào cũng vàng, giẹp và to. Thỉnh-thoảng một con lại cắm đầu xuống nước để mò cá.

Dũng nhìn đàn vịt mãi không chán.

PHÁT-ÂM.— Con trai — Ùa xuống — Rất nhanh — Nổi lềnh-bềnh.

GIẢI-NGHĨA.— Ăn điểm-tâm : Ăn lót dạ. — Ùa xuống : Tràn xuống, xô xuống. — Mò : Tìm kiếm vật gì ở dưới nước.

CÂU HỎI.— *Anh em Dũng ra bờ ao làm gì? — Đàn gì bắt đầu xuống ao kiếm mồi? — Trên mặt đất, vịt đi thế nào? — Xuống nước, chúng lội nhanh hay chậm? — Chúng cắm đầu xuống nước để làm gì?*

*TẬP ĐỌC VUI* ☆

### BÉ LE

Hôm qua làm tính được mười
Từ trường, bé chạy một hơi về nhà,
Vội-vàng bé đến khoe bà...
Bà xoa đầu bé : « Đúng là cháu tôi! »
Bé vui, vui quá đi thôi
Chạy vòng xuống bếp, bé cười cùng me
Chị Huyền bảo : « Thế đã le! »
Thật tình bé chẳng buồn khoe chút nào!
Mà le thì xấu hay sao?

MỸ-HƯƠNG

## MẸ HIỀN, CON THẢO

Xưa một nhà có hai mẹ con, mẹ thì hay ăn thịt gà mà con thì hết lòng chiều mẹ.

Phải khi bà mẹ mệt-nhọc, chỉ ước-ao thịt gà. Hàng-xóm không ai có gà mà chợ thì xa. Ở nhà chỉ có một con gà mái, nhưng nó lên ổ, mới nở được mười hai con gà con. Người con xin làm thịt con gà mái để mẹ ăn.

Bà mẹ gạt đi bảo rằng :

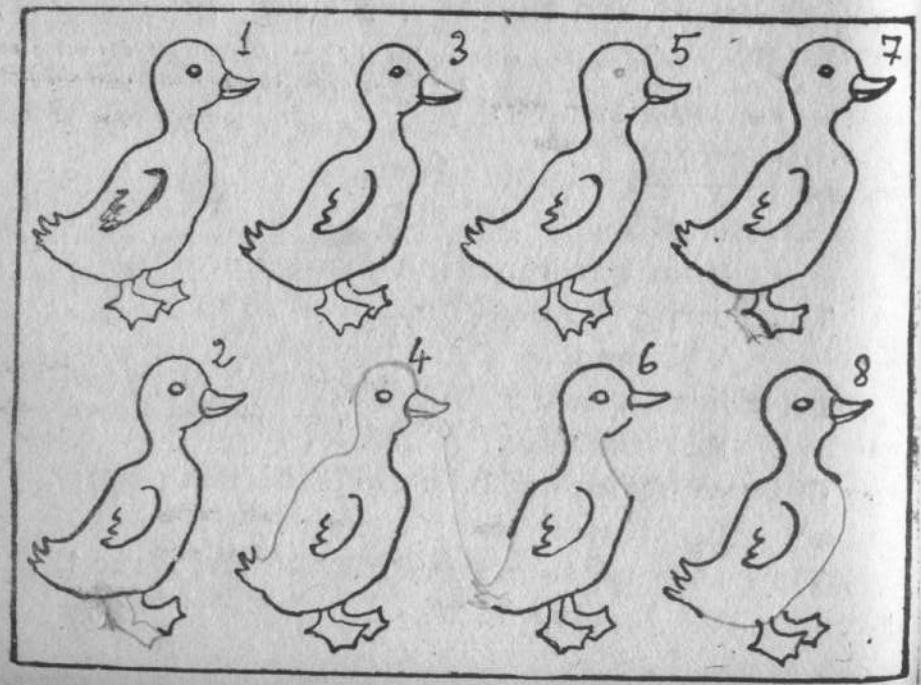
— « Hãy để nó nuôi con nó cho lớn, trước là thương loài vật, sau bán lấy tiền. Con không nghe nói : « Như gà mất mẹ » hay sao ?»

Con thưa rằng :

— « Gà rồi đẻ ra được ! Mẹ cứ cho phép con làm thịt gà để mẹ xơi ! » Mẹ nhất-định không chịu, người con đành phải chiều ý mẹ.

☆

TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN




# TUẦN-LỄ THỨ 28

## NGỮ-VỰNG

### I.— Dê

BÀI GIẢNG.— Người ta nuôi *dê* để ăn thịt hoặc *vắt sữa*. *Sữa dê* thơm và ngon. *Sừng* dê *nhọn* và ngắn. Con dê nào cũng có *râu*. Chúng ăn cỏ, thinh-thoảng lại *nhảy-nhót*, kêu be-be.

HỌC TIẾNG.— 1) Dê ; Sữa ; Sừng ; Râu.
2) Sữa thơm, Sừng nhọn.
3) Nhảy-nhót.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Vểnh râu dê.*
— *Treo đầu dê, bán thịt chó.*

GIẢI-NGHĨA.— Nhảy-nhót : Nhảy luôn và nhảy từng chút một — Vểnh râu dê : Thành-ngữ này dùng để chỉ những kẻ tự-đắc, khinh người — Treo đầu dê, bán thịt chó : Chỉ sự lừa-dối, đánh lừa khách mua. Ngoài cửa hàng thì treo đầu con dê, ai cũng tưởng bán thịt dê nhưng khi mua thì lại toàn thịt chó.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Người ta nuôi dê để làm gì ? — Sữa dê thế nào ? — Sừng dê dài hay ngắn ? — Dưới hàm dê có gì ? — Tiếng dê kêu thế nào ?*

☆

### II.— Thỏ

BÀI GIẢNG.— Có hai loại thỏ là *thỏ nhà* và *thỏ rừng*. Tai thỏ rất dài. Vì hai *chân trước* ngắn, hai *chân sau* dài, nên thỏ chỉ *nhảy* hoặc *chạy*. Thỏ rừng thường ở trong *hang*.

HỌC TIẾNG.— 1) Thỏ nhà ; Thỏ rừng ; Tai ; Hang.
2) Tai dài ; Chân trước ; Chân sau.
3) Nhảy ; Chạy.

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Thỏ tử, hồ bi.*

*— Nhanh như thỏ.*

GIẢI-NGHĨA.— **Hang** : Lỗ, hốc ở sâu trong núi hay dưới đất — **Thỏ tử, hồ bi** : Thỏ chết thì cáo cũng thương. Câu này ý nói người cùng loại thường thương-yêu nhau.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Có mấy loại thỏ ? — Tai thỏ dài hay ngắn ? — Tại sao thỏ chỉ chạy, nhảy mà không đi ? — Thỏ rừng ở đâu ?*

## *TẬP LÀM VĂN*

**Trả lời những câu hỏi thuộc một đề-mục.**

### 1.— Tả con dê

*Dê to hay nhỏ hơn bò ? — Dưới hàm dê có gì ? — Sừng dê dài hay ngắn ? — Dê ưa ăn gì ? — Dê kêu như thế nào ? — Người ta nuôi dê để làm gì ?*

☆

### 2.— Tả con thỏ

*Có mấy loại thỏ ? — Tai thỏ dài hay ngắn ? — Chân trước của thỏ thế nào ? — Hai chân sau của thỏ thế nào ? — Thỏ thường đi hay nhảy ? — Thỏ thích ăn gì ?*

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ.

1) *nh — nhè-nhẹ*

2) *nh — nho-nhỏ*



## *TẬP ĐỌC*

### Giật mình

Dũng đang chăm-chú nhìn đàn vịt. Bỗng một tiếng « quác » thật lớn nổi lên ngay sau lưng bé Hồng. Bé giật mình, suýt ngã tòm xuống ao.

Hai con ngỗng lớn đang chạy lại chĩa thẳng mỏ về phía trước. Chúng vỗ cánh như muốn dọa nạt. Lông chúng trắng toát. Đầu con nào cũng gồ lên một cục. Thật đáng sợ. Bé Hồng hoảng-hồn. Nó vội giơ cần câu lên. Vừa xua hai con ngỗng, nó vừa kêu : «Eo ôi ! Vịt gì mà cổ dài thế này ?» Dũng cười : «Ngỗng đấy chứ, đâu phải vịt. »

PHÁT-ÂM.— Giật mình — Sau lưng — Suýt ngã — Trắng toát :

GIẢI-NGHĨA.— **Suýt ngã** : Chực ngã, chút xíu là té — **Trắng toát** . **Trắng hết cả — Hoảng-hồn** : Sợ hết hồn, sợ bất thình-lình.

CÂU HỎI.— *Dũng đang chăm-chú nhìn gì ? — Bỗng một tiếng gì nổi lên ? — Hai con gì chĩa thẳng mỏ về phía trước ? — Bé Hồng giơ cái gì lên ?*

## *CHÍNH-TẢ*

### I.— Lợn, dê, mèo

Một người mang lợn, dê, mèo đi chợ bán. Dọc đường chỉ có lợn kêu eng-éc. Sốt ruột, người chủ mắng lợn. Lợn trả lời : « Ông ơi ! Người ta mua dê để vắt sữa, mua mèo để bắt chuột. Còn tôi họ mua về để giết thịt nên tôi sợ quá... hu... hu ! »

GIẢI-NGHĨA.— **Chú** : Người đứng đầu, người cai-quản — **Sốt-ruột** : Nóng lòng, bực-tức.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ

G : Măng, La măng — Mau-mắn

TR : Trả lời, Trả nợ — Chả lụa, Chả thích (không thích)

D : Dọc đường, Dọc khoai — Rọc phách, Ròng-rọc, Bực-rọc.

*H. T. L.*

## Được lên lớp

*Xuân qua, hạ tới bao lần,*
*Nắng vàng tươi đồ xuống sân trường làng*
*Bên hiên, điệp trồ hoa vàng*
*Trường em lại sắp rộn-ràng mãn niên.*
*Sáng nay, thầy gọi đến tên*
*Những trò lên lớp, có em trong này*
*Mừng vui, tay nắm chặt tay,*
*Suýt reo thành tiếng khi thầy đọc xong...*

PHÁT-ÂM.— Sân trường, — Sắp — Rộn-ràng — Trò — Reo.

GIẢI-NGHĨA.— Hạ : Mùa hè, mùa nóng — **Rộn-ràng** : Bận-bịu rối-rít, — **Mãn niên** : Hết năm.

CÂU HỎI.— *Nắng vàng tươi đồ xuống đâu ? — Điệp trồ hoa màu gì ? — Trường em lại sắp thế nào ? — Sáng nay, ai gọi những trò được lên lớp ? — Trong số học-trò lên lớp có ai ?*

---

*CHÍNH-TẢ*

## II.— Chuồng thỏ

Chuồng thỏ thường làm bằng gỗ, sơn xanh. Cửa chuồng là ám lưới sắt. Hai con thỏ bạch thấy người liền nằm nép mình vào óc chuồng. Bộ lông của chúng trông thật là mượt. Hai tai dài, ôi mắt tròn và đen, cái mũi hồng. Trong chuồng, mấy củ cà-rốt ằm ngổn-ngang.

GIẢI-NGHĨA.— Thỏ bạch : Thỏ có bộ lông trắng — **Ngổn-ngang** : ra-bãi, bề-bộn, mỗi nơi một cái.

NHẬN-XÉT, CHÍNH-TẢ :

CH : Chuồng thỏ; Chuồng vịt — Trần truồng.
T : Lưới sắt, Bằng sắt — Sắc-bén, Sắc đẹp.
TR : Trông, Trông-nom — Chông-gai.
G : Ngổn-ngang, Nằm ngang — Con ngan.



*TẬP ĐỌC*

## Bữa cơm ngon

Buổi trưa, bác Can gái ra bờ ao hỏi : « Thế nào ? Các cậu đã câu được nhiều cá chưa ? Hãy về ăn cơm chứ ? »

Anh Nam cười : « Chưa được con nào mẹ ạ. Hôm nay cá cũng sợ ngổng như bé Hồng. Chúng nó trốn hết rồi. »

Nói xong mọi người vui-vẻ trở về nhà. Bữa cơm này không có cá. Bác Can gái đã làm thịt mấy con chim bồ-câu. Thịt chim quay vàng, béo ngậy, ăn thật mềm và ngon. Hồng được bác gắp cho cả một đùi chim bồ-câu quay.

PHÁT-ÂM.— Ra — Sợ — Trốn hết — Rồi.

GIẢI-NGHĨA.— **Trồn** : Lánh đi, tránh đi không để cho người ta bắt được — **Quay** : Xâu thịt để trên than lửa mà xoay đều nướng cho chín — **Ngậy** : Nói món ăn béo, thơm.

CÂU HỎI.— *Bác Can gái hỏi gì ? — Ai trả lời bác Can ? — Bác Can làm thịt mấy con gì ? — Thịt chim quay ăn thế nào ?*

☆

*TẬP ĐỌC VUI*

## CÓ GÌ

**Có gì mà bé vội le !**
**Học đi trước đã, sau khoe muộn gì ?**
**Điểm cao chớ có thị-kỳ**
**Khoe-khoang, chúng bạn cười « khì » thì sao !**
**Bé vui, vui đến thế nào ?**
**Giỏi ai chẳng biết, tự cao làm gì !**
**Cho dù bé giỏi hôm ni**
**Biết đâu mai lại có khi dở nhiều ?**
**Chị Huyền bảo hãy nghe theo**
**Cố mà học giỏi, giỏi nhiều đừng le !**
**Le hoài... cũng xấu lắm nghe !**

BẮC-GIANG

## CHƯA ĐÁNH, ĐÁNH ĐƯỢC

Xưa một nhà có một nương khoai thật lắm củ. Một đêm có đứa đến trộm mất ít khoai.

Nhà chủ bắt hụt, hung-hăng tức-giận, đỏ mặt tía tai, bảo rằng hễ bắt được trộm thì đập cho kỳ chết.

Đêm sau anh ta ra nương rình.

Quả-nhiên tên trộm đói lại đến định trộm khoai nữa.

Nhà chủ vớ được, sẵn gậy trong tay vụt lấy, vụt để một hồi.

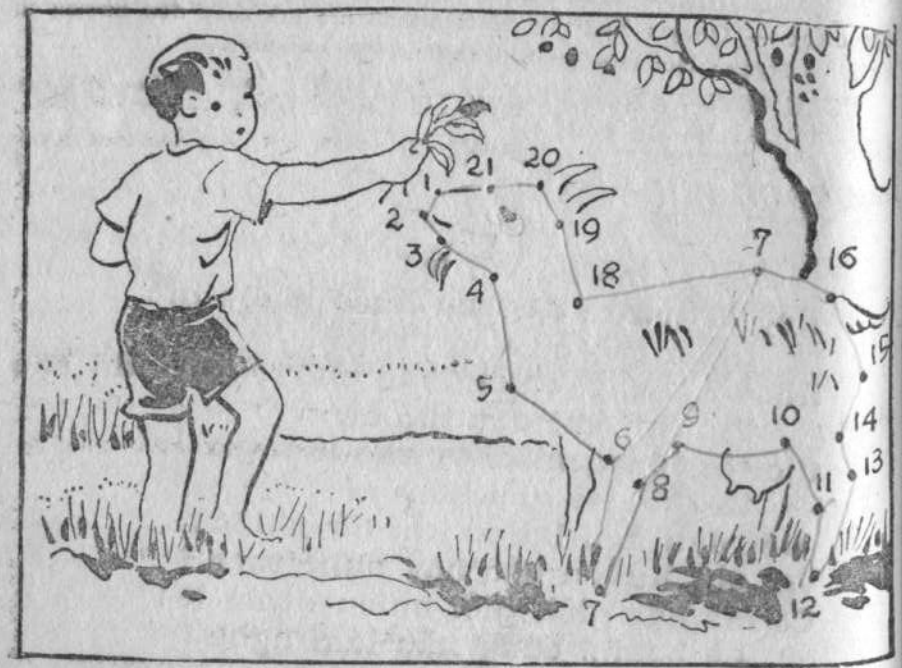
Nó kêu, nó la, nó rên, nó khóc, nó giả giấy chết, nó nằm lăn ra ăn vạ.

Nhà chủ sợ cuống phải dỗ-dành, xin-van nó, biếu nó khoai, cho nó tiền và đem nó về tận nhà.

*Chửa đánh được người, mặt đỏ như vang*
*Đánh được người rồi, mặt vàng như nghệ.*

☆

TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN




*Em bé này làm gì thế ? — Các em hãy nối từ 1 đến 21 sẽ rõ.*

# TUẦN - LỄ THỨ 29

## GỮ - VỰNG

### I.— Chim bồ - câu

BÀI GIẢNG.— *Chim bồ-câu* sống thành từng *đôi*. Chúng thích những *chuồng đẹp*. Mỗi *đôi chim* có một *tổ*. Chúng *tha rác* về làm. Chim thay phiên nhau *ấp trứng* và tha mồi *mớm*, cho con.

HỌC TIẾNG.— 1) Chim bồ-câu ; Chuồng ; Tổ ; Đôi chim.
2) Chuồng đẹp.
3) Tha rác ; Ấp trứng ; Mớm.

CA - DAO, THÀNH - NGỮ :

— *Chim tìm tổ, người tìm tông.*
— *Cá chậu, chim lồng.*

GIẢI - NGHĨA.— **Chuồng** : Nơi nhốt súc-vật — **Tha rác** : Nhặt rác về làm tổ — **Chim tìm tổ, người tìm tông** : Chim tìm về tổ khi chiều tối, người ta tìm họ-hàng mỗi khi xa-cách nhau — **Cá chậu, chim lồng** : Chỉ cảnh tù đày, mất hết tự-do như cá bị nhốt trong chậu, chim bị nhốt trong lồng, không được tự-do bơi-lội, bay-nhảy.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Chim bồ-câu thích ở những chuồng thế nào ? Mỗi đôi sống trong mấy tổ ? — Chim tha gì về làm tổ ? — Chim thay phiên nhau làm gì ?*

☆

### II.— Chim bồ - câu (t.t)

BÀI GIẢNG.— Chim bồ-câu bay xa được là nhờ đôi *cánh* khỏe. Mỗi lứa, chim đẻ hai *trứng*. Khi có *chim non* thì cả *cặp chim* cùng đi *kiếm mồi* về *mớm* cho con. Ngày xưa người ta còn nuôi chim bồ-câu để *đưa thư*.

HỌC TIẾNG.— 1) Cánh chim ; Trứng chim ; Cặp chim.
2) Chim non.
3) Kiếm mồi ; Mớm ; Đưa thư.

CA - DAO, THÀNH - NGỮ :

*— Thóc ở đâu, bồ-câu ở đấy.*

*— Chim sa, cá lặn.*

GIẢI - NGHĨA.— **Mớm**: Chuyên từ miệng này sang miệng kia — **Chim sa, cá lặn** : Chỉ người có sắc đẹp, đẹp đến nỗi chim đang bay trông thấy cũng rơi xuống, cá nổi lên trông thấy cũng lặn liền.

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Chim bồ-câu bay xa được là nhờ gì ? — Mỗi lứa, chim bồ-câu đẻ mấy trứng ? — Cặp chim đi kiếm mồi về làm gì ? — Ngày xưa, người ta nuôi chim để làm gì ? —*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Trả lời những câu hỏi về một đề-mục.**

### I.— Tả chim bồ-câu

*Người ta nuôi chim bồ-câu ở đâu ? — Cánh nó mạnh hay yếu ? — Chân chim dài hay ngắn ? — Mỏ chim cứng hay mềm ? — Chim bồ-câu ăn gì ? —*

☆

### II.— Tả chim bồ-câu (t.t.)

*Mỗi lứa chim bồ-câu đẻ mấy trứng ? — Khi có chim non, chúng kiếm mồi về làm gì ? Chim bồ-câu kêu như thế nào ? — Ngày xưa, người ta còn nuôi chim bồ-câu để làm gì ?*

---

## *TẬP VIẾT*

Chữ thường, lớn nửa khổ

1) *tr — trắng - trẻo.*

2) *tr — trẻ - trung*



## *TẬP ĐỌC*

### Chuồng chim

Trong lúc ăn cơm, Dũng hỏi:

— « Thưa bác, nuôi chim bồ-câu có khó không ? » Bác Can nói:

— « Không khó đâu cháu ạ ! Ở thành-phố, cháu cũng có thể nuôi chim được. Chuồng chim cần phải giữ cho sạch-sẽ. Chim bồ-câu thích ở chuồng đẹp. Vì thế anh Nam vẽ đầy hoa lá, lên nóc và cửa chuồng. Chúng sinh-sản mau lắm. Lúc đầu bác chỉ nuôi ba đôi. Bây giờ đã có mấy chục con rồi. »

PHÁT-ÂM.— Trong lúc — Sạch-sẽ — Sinh-sản — **Rồi.**

GIẢI - NGHĨA.— **Sinh-sản** : Đẻ ra — **Đôi** : Hai chiếc, hai con.

CÂU HỎI.— *Dũng hỏi bác Can thế nào ? — Chim bồ-câu thích ở chuồng thế nào ? — Anh Nam vẽ gì lên nóc và cửa chuồng ? — Chim bồ-câu sinh-sản mau hay chậm ?*

---

## *CHÍNH-TẢ*

### I.— Bầy chim bồ-câu

**Mới năm giờ sáng. Tiếng « gù... gù » của bầy chim bồ-câu trong chuồng đã vọng ra, nghe thật dịu-dàng. Mặt-trời sắp mọc. Bầy chim cùng đập cánh bay. Chúng lượn nhiều vòng rộng rồi hẹp, khi lên cao, lúc xuống thấp rất đều...**

GIẢI - NGHĨA.— **Lượn** : Bay thành vòng, không vỗ cánh — **Dịu-dàng** : Êm-đềm, nhẹ-nhàng.

NHẬN - XÉT CHÍNH - TẢ :

R : Rộng hẹp, Rộng-rãi — Dộng đầu xuống đất.

S : Sắp-sửa, Sắp bay, Sắp-đặt — Xăm-xắp nước.

H. T. L.

## Hè về

*Trường em, qua buổi hè sang,*
*Đàn chim ríu-rít, lá vàng nhẹ rơi*
*Cổng trường thôi đã đóng rồi,*
*Nóc trường rêu phủ, tường vôi nhạt mờ*
*Sân trường cỏ mọc lơ-thơ,*
*Xung quanh lặng-lẽ như tờ, buồn thay!*
*Trong phòng, bàn ghế xưa nay*
*Một màu loáng-bóng, giờ đây bụi mờ.*

PHIÊN-ÂM.— Hè sang — Riu-rít — Cổng trường — Rêu phủ.

GIẢI-NGHĨA.— Ríu-rít : Tiếng kêu, tiếng nói liền nghe không rõ, — Rêu : Loài rong nhỏ, mọc bám vào vật khác như tường, đá đất, Lơ-thơ : Thưa, không rậm. — Lặng-lẽ như tờ : Im-lặng không có

CÂU HỎI.— *Cổng trường lúc này đã thế nào ? — Rêu phủ ở đâu ? — Sân trường cỏ mọc thế nào ? — Xung quanh trường im-lặng hay ồn-ào ? — Giờ đây bàn ghế đã thế nào ?*

---

CHÍNH-TẢ

### II.— Mớm mồi

**Chim mẹ vừa bay về thì hai cái đầu nhỏ đã thò ra. Đó là hai cái đầu chim non với những sợi lông vàng óng. Chúng vừa kêu vừa há mỏ ra để chờ. Chim mẹ nhả thóc vừa nhặt được ở dưới sân lên, mớm cho đàn con. Rồi chim mẹ lại bay đi kiếm mồi nữa...**

GIẢI-NGHĨA.— Thò ra : Chui ra, đưa ra, ló ra, — Vàng óng : Vàng bóng trông rất đẹp, — Nhả : Buông, bỏ vật gì đang ngậm trong miệng.

NHẬN-XÉT, CHÍNH-TẢ :

D : Dưới sân, Trên đưới — Rưới nước mắm, Rách-rưới.
R : Rồi, Xong rồi — Dồi lợn — Trau-giồi.
? : Nhả thóc, Nhả-nhớt — Nhã-nhặn, Thanh-nhã.



TẬP ĐỌC

## Cách chăn-nuôi

Nhân dịp bàn về cách nuôi chim, bác Can nói thêm :

— « Chăn nuôi loài vật nào cũng thế. Phải nhớ cho chúng ăn-uống đầy-đủ. Giữ-gìn chuồng cho sạch. Trâu, bò phải được chích ngừa bệnh dịch. Loài gà hay bị toi. Ta phải quét dọn chuồng luôn. Heo vốn ở bẩn. Nên dội nước vào chuồng và tắm cho nó. Như thế heo sẽ khỏe-mạnh. Chuồng heo không có mùi hôi...

Chỉ cần cố-gắng một chút, là việc chăn-nuôi sẽ phát-đạt.»

PHÁT-ÂM.— Sạch — Trâu bò — Dịch — Sẽ khỏe — Phát-đạt.

GIẢI-NGHĨA.— Ngừa : Phòng, giữ trước — Phát-đạt : Mở-mang, thịnh-vượng.

CÂU HỎI.— *Ta phải cho loài vật ăn-uống thế nào? — Những con gì phải được chích ngừa bệnh dịch? — Loài nào hay bị toi ? — Phải làm thế nào để cho heo khỏe-mạnh ? — Muốn cho việc chăn-nuôi phát-đạt phải làm thế nào ?*

TẬP ĐỌC VUI ★

### GHÉT GHÊ

**Bé ơi ! Bé bé nhất nhà !**
**Bé hay làm nũng sao mà... ghết ghê !**
**Bắt bà kể chuyện Bé nghe**
**Bắt anh bắt bướm, bắt me mua quà...**
**Bé ơi ! Bé bé nhất nhà !**
**Bé hay ăn vạ, sao mà... ghết ghê !**
**Bắt bà mua cả búp-bê**
**Mua con chim sắt, thằng hề, chiến-xa,**
**Bé ơi ! Bé bé nhất nhà !**
**Bé hay nghịch-ngợm, sao mà... ghết ghê !**
**Suốt ngày Bé chỉ mải mê**
**Tung-tăng ngoài nắng, gọi về, Bé la...**

NGUYỄN-THỊ-CHUNG

## CỌP KHÔNG SỢ DÊ

**Một đàn dê ăn cỏ ở dưới chân núi. Có con cọp ngồi rình trong bụi cây, thấy dê quát một tràng « be be be... », loài nào loài ấy khiếp sợ chạy trốn cả. Cọp thấy thế cũng sợ. Nhưng sau cọp nghĩ : « Mình to lớn hơn nó nhiều, thì mình có sợ chi .. » Tuy vậy cọp vẫn còn rụt-rè không dám ra khỏi bụi.**

**Nhưng ngồi mãi, cọp thấy dê cũng chỉ kêu đến thế thôi. Cọp mới thử gầm lên một tiếng, thì thấy dê co-quắp lại, như muốn be be mà cuống cả lưỡi, be không ra hơi nữa.**

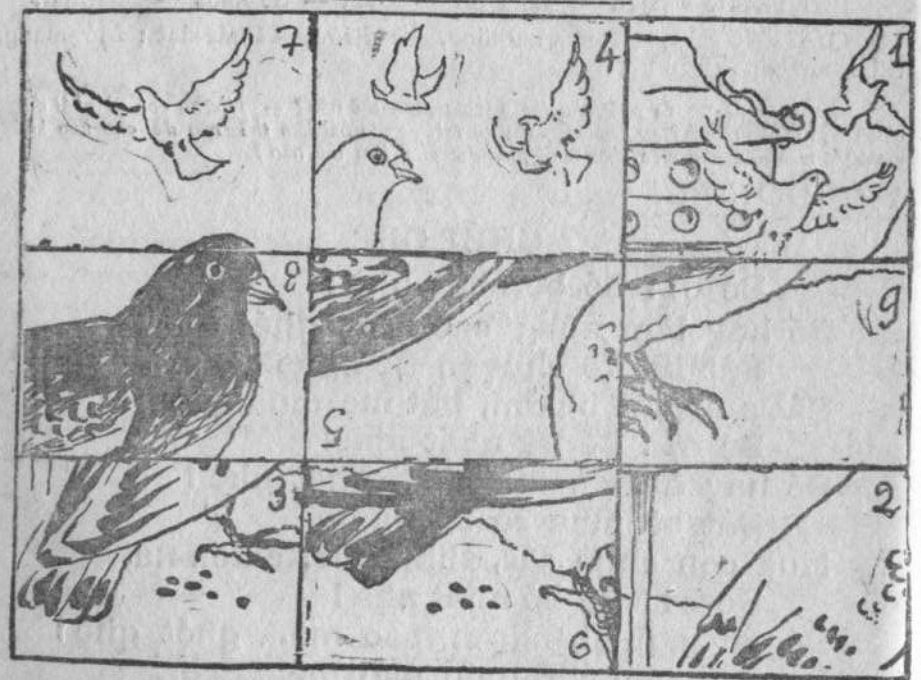
**Biết là dê nhát gan, cọp mới xồ ra vồ bắt, thì thật dễ như chơi.**

**Từ đó cọp thấy dê là cọp bắt ăn, không sợ dê, khiếp dê như trước nữa.**

*Không có thực tài thì không đáng sợ !*

☆

TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN



*Tranh gì đây ? — Các em phóng ra giấy khác, cắt thành 9 mảnh nhỏ rồi sắp lại theo thứ-tự sẽ rõ.*

# TUẦN-LỄ THỨ 30

*NGỮ-VỰNG*

## I.— Chăn-nuôi.

BÀI GIẢNG.— *Gia-súc* **phải được nuôi ở** *chuồng* **cao-ráo,** *sạch-sẽ.* **Nên năng** *tắm-rửa* **cho chúng. Phải** *thu-dọn* **chuồng luôn cho sạch. Ở nơi có** *đồng cỏ rộng* **thì** *việc chăn-nuôi* **sẽ rất** *phát-đạt.*

HỌC TIẾNG.— 1) **Gia-súc ; Chuồng ; Đồng cỏ ; Việc chăn-nuôi.**
2) **Chuồng sạch-sẽ ; Việc chăn-nuôi phát-đạt.**
3) **Tắm-rửa ; Thu-dọn,**

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

— *Chó gầy hổ mặt người nuôi.*

— *Chăn tằm, ươm tơ.*

GIẢI-NGHĨA.— **Chó gầy hổ mặt người nuôi : Chó gầy** *(ốm)* **chứng-tỏ là chủ nhà không để ý săn-sóc đến nó. Câu này khuyên người ta nên chăm-nom gia-súc.**

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Ta phải nuôi gia-súc ở chuồng thế nào ? — Phải thu-dọn chuồng để làm gì ? — Ở nơi có đồng cỏ rộng thì việc chăn-nuôi thế nào ?*

☆

## II.— Chăn-nuôi (t.t.)

BÀI GIẢNG.— **Muốn cho súc-vật** *béo* **và** *khỏe,* **ta phải cho chúng ăn-uống đầy-đủ.** *Bệnh dịch trâu bò; bệnh toi gà* **giết hại gia-súc rất nhiều. Phải nhờ thú-y-sĩ** *chích thuốc* **cho chúng. Con nào bị bệnh phải** *nhốt* **riêng một chỗ.**

**HỌC TIẾNG 1) Bệnh dịch trâu bò ; Bệnh toi gà ; Thú-y-sĩ.**
**2) Súc-vật béo, khỏe.**
**3) Chích thuốc ; Nhốt.**

CA-DAO, THÀNH-NGỮ :

*— Chăn trâu rồi sau dắt nghé.*

*— Trâu ta ăn cỏ đồng ta.*

GIẢI-NGHĨA.— Bệnh dịch trâu bò : Bệnh giết hại một lúc nhiều trâu bò — Thú-y-sĩ : Thầy-thuốc chuyên chữa bệnh cho súc-vật — Chăn trâu rồi sau dắt nghé : Câu này ý nói : có chăn trâu cẩn-thận thì sau mới có trâu con (*nghé*).

TẬP NÓI CHUYỆN.— *Phải cho súc-vật ăn-uống đầy-đủ để làm gì ? — Hàng năm có những bệnh dịch gì ? — Ai sẽ tiêm thuốc cho súc-vật ? — Súc-vật bị bệnh phải để ở đâu ?*

---

## *TẬP LÀM VĂN*

**Trả lời những câu hỏi thuộc các đề-mục dễ**

### 1.— Tả chuồng gà

*Chuồng gà thường làm bằng gì ? — Mái làm bằng gì ? — Gà đi trên những cái gì ? — Chuồng gà cần phải thế nào ? — Chuồng gà sạch thì gà đỡ bị bệnh gì ?*

☆

### II.— Việc chăn-nuôi

*Dân quê ta hay nuôi gì — Hàng năm có bệnh gì giết hại gia-súc ? — Gia-súc bị bệnh phải nhờ ai chữa ? — Chuồng của chúng phải giữ thế nào ? — Tại sao thú-vật đau phải nhốt riêng ?*

---

## *TẬP VIẾT*

**Chữ thường, lớn nửa khổ**

1) *ngh — nghề-nghiệp.*

2) *ngh — nghỉ-ngơi.*



## *TẬP ĐỌC* Trại chăn-nuôi

Dũng đã trở lại trường. Thầy cho cả lớp đi thăm trại chăn nuôi, trên một khu đất rộng.

Đường trong trại có cây cao, bóng mát. Trong dãy chuồng có nhiều ngựa giống lớn. Mấy con heo mập, tưởng như đi không nổi. Chúng ở trong những chuồng xây bằng gạch. Chuồng nào cũng sạch-sẽ. Dũng đã nghe bác Can nói về việc chăn-nuôi. Vì thế thầy hỏi gì, Dũng cũng trả lời được. Thầy xoa đầu Dũng nói :

— « Lớn lên, Dũng có thể làm chủ trại đấy ! »

PHÁT-ÂM.— Trở lại — Trại — Trong dãy chuồng — Sạch-sẽ.

GIẢI-NGHĨA.— Dãy : Một hàng — Chú trại : Người đứng đầu, cai-quản, trông-nom trại.

CÂU HỎI.— *Thầy cho cả lớp đi đâu ? — Đường đi trong trại thế nào ? — Dũng thấy những con gì ? — Chúng ở đâu ? — Dũng đã được nghe ai nói về chăn nuôi ? Thầy nói gì với Dũng ?*

---

## *CHÍNH-TẢ* I.— Trại chăn-nuôi

**Thăm trại đến tận trưa, thầy trò Dũng mới ra về. Tới nhà, Dũng còn nhớ rõ những con heo, con gà khéo nuôi. Trông chúng đẹp như tranh vẽ. Những con bò to-béo nằm thong-thả nhai lại trên nền chuồng cao-ráo, sạch-sẽ. Dũng ao-ước sau này có cái trại như thế.**

GIẢI-NGHĨA.— Tận : Hết, đến — Cao-ráo : Cao và khô.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

| | | |
|---|---|---|
| TR | : Trưa, Buổi trưa | — Chưa làm, Chưa thấy |
| TR | : Tranh vẽ, Tranh giành | — Quả chanh, Chanh-chua |
| D | : Dãy bàn, Dãy nhà, Dãy núi | — Đầy đẫy, Giẫy cỏ, Làm rẫy |
| X | : Xây nhà, Xây dựng | — Sây da. Sây-sát. |

H. T. L.

## Bãi - trường

*Em ơi! hoa phượng đầy đường*
*Nhạc ve tấu khúc bãi-trường rồi đây.*
*Chiều nay sắp-sửa chia tay,*
*Mai kia xa bạn, xa thầy, buồn ghê.*
*Quay về đón gió miền quê,*
*Hết thăm biển rộng, lại về đồng xanh*
*Ước gì ngày, tháng trôi nhanh,*
*Để mau trở lại, học-hành cùng nhau!*

PHÁT ÂM.— Bãi-trường — Sắp-sửa — Biển rộng — Trôi — Trở lại.

GIẢI-NGHĨA.— Tàu : Hát, cử — Non : Núi — Ước : Cầu-mong.

CÂU HỎI :— *Mùa gì hoa phượng nở đầy đường? — Chiều nay, các em sắp-sửa làm gì?— Mai kia vì sao em thấy buồn?— Nghỉ hè này, em sẽ đi chơi những đâu? — Các em mong trở lại trường làm gì?*

---

CHÍNH-TẢ

### II.— Hè về

**Chóng quá, vừa mới hôm nào chúng em sửa-soạn đi học. Thế mà hôm nay đã sắp bãi-trường! Giờ đây, dưới mái trường, thầy-trò còn vui-vẻ gặp nhau. Rồi mấy bữa nữa, mỗi người chia tay về một ngả. Nghĩ tới đây, em thấy buồn và nhớ vô cùng.**

GIẢI NGHĨA.— Bãi-trường : Đóng cửa trường nghỉ học một thời hạn nhất-định như nghỉ hè, nghỉ tết.

NHẬN-XÉT, CHÍNH-TẢ: :

? : Sửa-soạn, Sắp-sửa — Sữa tươi, Sữa hộp
Y : Hôm nay, Nay mai — Con nai.
TR : Trường, mái trường, Chiến-trường — Chán-chường,.
U : Gặp nhau, Cùng nhau — Nhao-nhao.



TẬP ĐỌC

## Tạm-biệt

Đã sắp tới nghỉ hè rồi. Chóng quá! Một niên-học đã hết.

Những cây phượng-vĩ trong sân trường bắt đầu nở hoa đỏ tươi. Bầu trời cao và trong xanh. Những con chim nhỏ nhảy tung-tăng trên cành, trong ánh nắng chan-hòa. Bài học đã hết, thầy cho học ôn. Lớp học bắt đầu nóng. Nhưng buổi nào cũng đông-đủ mọi người.

Tiếng ve rộn-rã báo-hiệu giờ chia-ly tạm-biệt. Bốn phương trời lại sắp được đón những cậu học-trò nhỏ bé tới thăm.

PHÁT-ÂM.— Sắp tới — Sân trường — Bầu trời — Rộn-rã.

GIẢI-NGHĨA.— Niên-học : Năm học — Chan-hòa : Chảy lênh-láng — Rộn-rã : Bận-bịu, rối-rít.

CÂU HỎI.— *Đã sắp tới nghỉ gì ?— Hoa phượng màu gì ?— Những con chim nhỏ nhảy tung-tăng ở đâu ? — Lớp học bắt đầu thế nào ? — Bốn phương trời lại sắp được đón ai ?*

★

TẬP ĐỌC VUI

### CÁC EM

**Các em là búp măng-non**
**Là chim mới nở dưới vòm trời cao**
**Là hoa xuân tắm nắng đào**
**Là hy-vọng của đồng-bào Việt-nam**
**Giờ em chăm học, chăm làm**
**Thì mai sau sẽ giỏi-giang hơn người**
**Nước nhà trông đợi em ơi !**
**Phải mau ghi-nhớ những lời thầy khuyên.**

BẢO-VÂN

## CẶP NGỖNG

Có một người kia rất giầu, ngày nào cũng tiệc-tùng. Có người bạn đến thăm anh và ở chơi mấy bữa. Một hôm đang ngồi trước sân, thấy cặp ngỗng đi ngang anh ta khoe với bạn :

— « Cặp ngỗng này quý lắm. Để lúc bạn về, tôi làm thịt một con đãi bạn ! »

Cặp ngỗng nghe nói, lấy làm buồn-lo vô cùng. Đêm kia, ngỗng trống bảo ngỗng mái rằng :

— « Trong hai ta, một đứa phải chết. Đêm nay, tôi ra nằm ở cửa chuồng cho họ bắt giết »

Ngỗng mái nói : « Một kẻ chết, một kẻ sống có vui gì ! Vậy hai ta ra nằm trước cửa chuồng cho chủ nhà giết cho xong ! »

Người khách tình-cờ qua đó nghe hiểu tiếng súc-vật lấy làm đau-đớn vô cùng. Hôm sau chàng từ-chối không ăn thịt ngỗng và tạ từ ra về. Nhờ đó cặp ngỗng khỏi bị làm thịt.

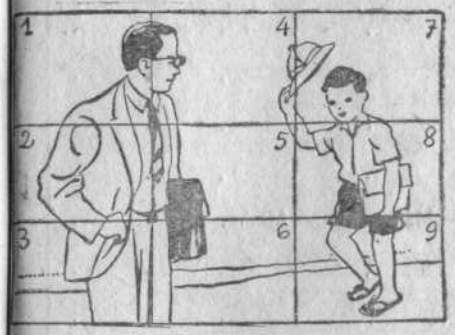
*Lòng chân thật có thể làm động lòng kẻ khác.*

TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦN




# 8 TRANH GIẢI ĐÁP

## cắt và ráp hình



TRÒ CHÀO THẦY
(TRANG 32)



MỜI ÔNG SƠI NƯỚC
(TR. 130)



U GIÀ VO GẠO
(TR. 64)



TRÂU ĂN CỎ
(TR. 162)



MÁ MAY ÁO

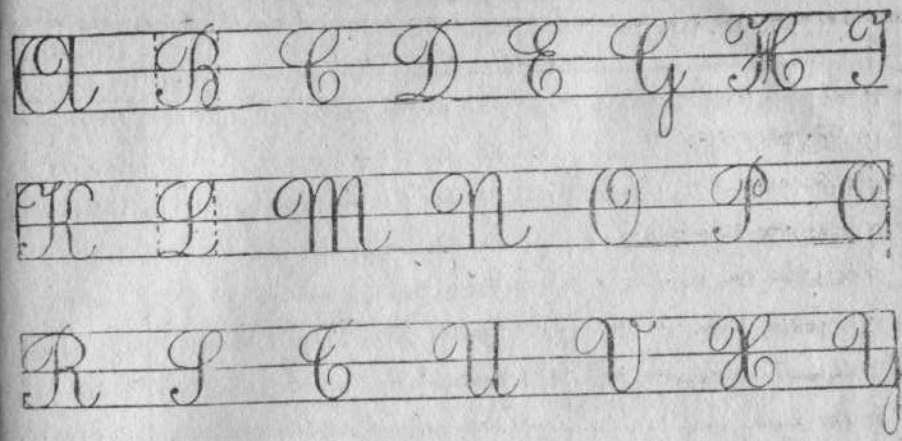


CHIM BỒ CÂU
(TR. 196)

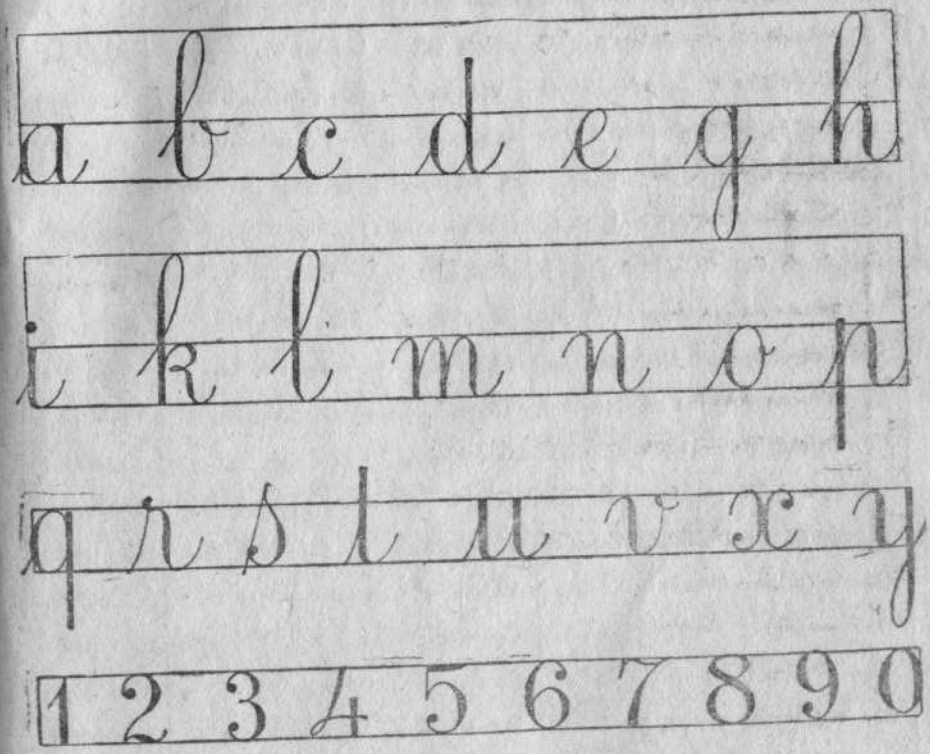
# GIẢI ĐÁP TRANH GIẢI-TRÍ CUỐI TUẦ

| Tuần-lễ thứ | Ý-NGHĨA BỨC TRANH | Trang |
|---|---|---|
| 1 | Thầy giáo cắp cặp | 12 |
| 2 | Cái bàn học | 20 |
| 3 | Con quay (bông-vụ) | 26 |
| 4 | Học trò chào thầy (xem hình trang bên) | 32 |
| 5 | Thân-thể — Chân — Đầu — Tay — Miệng — Mắt — Mũi — Mình | 40 |
| 6 | Người mù chống gậy đi xin ăn | 46 |
| 7 | Em bé đánh răng | 52 |
| 8 | Bàn chân | 58 |
| 9 | U già ngồi vo gạo (xem hình trang bên) | 64 |
| 10 | Bát đủa — Đĩa — Tách — Dao, muỗng, nĩa — Khăn ăn — Ấm-tích — Chai rượu | 72 |
| 11 | ly — Phin pha cà-phê<br>Em bé pha trà | 78 |
| 12 | Ấm đun nước pha trà | 84 |
| 13 | Ông già định đi may áo dài | 92 |
| 14 | Má may áo (xem hình trang bên) | 98 |
| 15 | Mũ vải — Dép — Giầy đàn bà — Mũ dút — Giầy tây — Guốc — Nón — Mũ trẻ | 104 |
| 16 | Xăng-đan<br>Bé sửa-soạn là quần áo | 110 |
| 17 | 9 căn nhà lá | 116 |
| 18 | Cái bàn đi-văng | 124 |
| 19 | Bưng nước mời ông (xem hình trang bên) | 130 |
| 20 | Ông — Bà — Bác — Cha — Chú — Anh — Chị — Anh em họ | 136 |
| 21 | Má đi chợ về — Bé chạy ra reo | 144 |
| 22 | 6 chú gà trống | 150 |
| 23 | Chú bé cho chó ăn | 156 |
| 24 | Trâu ăn cỏ (xem hình trang bên) | 162 |
| 25 | Mèo — Vịt — Heo nái — Bò — Gà — Heo — Chó — Bê. | 168 |
| 26 | Con bò sữa | 176 |
| 27 | 8 chú vịt | 182 |
| 28 | Em bé cho dê ăn | 188 |
| 29 | Chim bồ câu (xem hình trang bên) | 196 |
| 30 | Ngỗng — Bồ câu — Gà tây — Ngựa — Dê — Thỏ — Gà — Lừa | 202 |

## MẪU CHỮ HOA



## MẪU CHỮ THƯỜNG



# BẢNG PHÂN - CHIA CHƯƠNG TRÌNH TÂN VIỆT - NGỮ LỚP TỪ

| Tuần-lễ thứ | NGỮ - VỰNG | TẬP ĐỌC | HỌC THUỘC LÒ | CHÍNH - TẢ | TẬP LÀM VĂN | TẬP VIẾT | Trang |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hiệu-trưởng. Nhân-viên trong trường | Nhớ trường. — Ông Hiệu-trưởng | Ngày khai-giảng | Ông Hiệu-trưởng. Thầy giáo | Tập điền câu bằng những tiếng đã học ở Ngữ-vựng | i, í, ì, i, ỉ, ị. | 7-12 |
| 2 | Học-sinh — Bạn-bè | Cô giáo cũ. — Bạn học | Lớp em | Vào lớp. Bạn mới | Tập điền câu bằng những tiếng đã học ở Ngữ-vựng | u, ùi, u, ủi | 13-20 |
| 3 | Các trò chơi. — Các trò chơi (t.t) | Bạn học (t.t). — Thầy giáo mới | Giờ ra chơi | Giờ chơi. — Học-trò mới | Tập điền câu bằng những tiếng đã học ở Ngữ-vựng | t, tí, ti, t, tu, tu. | 21-26 |
| 4 | Đối với thầy. — Đối với bạn | Lời thầy. — Bổn-phận học-trò | Yêu thầy | Thầy trò ngày xưa. — Tình bạn | Tập điền câu bằng những tiếng đã học ở Ngữ-vựng | n, nu, ni, nút nít | 41-32 |
| 5 | Thân thể — Đầu | Anh trưởng lớp. — Anh Tiến | Chú em | Tập thể-dục. — Em bé | Tập điền câu bằng những tiếng đã học ở Ngữ-vựng | m, mịt-mù, mũm-mĩm | 33-40 |
| 6 | Mắt, mũi. — Mồm, tai | Bạn Phong. — Người bạn mới | Cái chi quý nhất ? | Người mù. — Anh Tâm | Tập điền câu bằng những tiếng đã học ở Ngữ-vựng | v, vi-vu, v, vùn-vụt | 41-46 |
| 7 | Đánh răng, rửa mặt. — Tắm, chải tóc | Dậy sớm. — Đánh răng | Điếc luôn | Súc răng. — Làm dáng | Tập điền câu bằng những tiếng đã học ở Ngữ-vựng | r, rù-rì, r, run-run | 17-52 |
| 8 | Tay, — Chân | Rửa mặt, chải đầu. — Tắm | Bàn tay mẹ | Tập bơi (lội). — Cho con bú | Tập điền câu bằng những tiếng đã học ở Ngữ-vựng | e, em-ru ê, êm-êm | 53-58 |
| 9 | Đồ ăn — Đồ uống | U-già. — Bữa cơm | Bưng bát cơm đ | Vo gạo. — Bát nước chè xanh | Trả lời những câu hỏi về tập đề trong tuần | o, oi, ói, o, óc, on | 59-61 |
| 10 | Rượu — Đồ dùng để ăn | Sau bữa cơm. — Những chai rượu | Làm cơm | Người say rượu. — Cái nồi đất | Trả lời những câu hỏi về tập đề trong tuần | ô, ô-tô, ô, ôn-tồn | 65-73 |
| 11 | Đồ dùng để uống. — Vệ-sinh về đồ ăn | Ngày giỗ. — Lau bát đĩa | Chén trà buổi sớ | Pha chè tàu. — Thích ăn chất chua | Trả lời những câu hỏi về tập đề trong tuần | ơ, mơn-mởn, ơ, tờ-mờ | 73-78 |
| 12 | Vệ-sinh đồ ăn (t.t). — Vệ-sinh đồ uống | Vội vàng. — Đừng ăn nhiều | Nhớ lời thầy dạy | Heo vẽ mình. — Đào giếng | Trả lời những câu hỏi về tập đề trong tuần | a, an-toàn, a, ao ta | 79-84 |
| 13 | Các thứ áo. — Các thứ áo (t.t) | Chiếc áo dài. — Bộ quần-áo ngủ | Đi chơi | Quốc-phục. — Chiếc áo rách | Trả lời những câu hỏi về tập đề trong tuần | ă, ăn-mặc, ă mắm mặn | 85-92 |
| 14 | Quần, — Khăn. | Chị Lan. — Khách đến | Anh em | Chiếc quần mới. — Cô bé đồng-quê | Trả lời những câu hỏi về tập đề trong tuần | â, ầm-ầm, â, ân-cần | 93-98 |
| 15 | Mũ (nón). — Giầy dép | Mũ mới. — Giầy mới | Chị em | Cái mũ trắng. — Đôi giầy mới | Trả lời những câu hỏi về tập đề trong tuần | d, dìu-dắt, d, dàn-dà | 99-104 |
| 16 | Giặt ủi. — Giữ-gìn quần-áo. | Giặt quần-áo. — Tủ áo | Áo quần | Giặt quần áo. — Cái tủ áo | Trả lời những câu hỏi về tập đề trong tuần | đ, đu-đủ, đ, đon-đả | 105-110 |
| 17 | Nhà cửa. — Các thứ nhà | Nhà Dũng. — Phong ốm (đau) | Nhà em | Ngôi nhà mới. — Nếp nhà tre | Lấy những tiếng sau này đặt thành câu ngắn | q, quấn-quít, q, quần-quật | 111-116 |
| 18 | Các gian nhà. — Đồ dùng trong nhà | Nhà Phong. — Trong nhà | Trong nhà | Trong nhà. — Bộ bàn ghế mới | Lấy những tiếng sau này đặt thành câu ngắn | e, mẹ em, e en-ét | 117-124 |
| 19 | Người trong gia-đình. — Công-ơn ông bà | Trong gia đình. — Công ơn ông bà | Êm ấm | Buổi tối. — Đứa cháu ngoan | Lấy những tiếng sau này đặt thành câu ngắn | ê, êm-êm, ê, về quê | 125-130 |
| 20 | Cô, dì, chú bác. — Cách xưng hô | Chú Vinh. — Tiễn đưa | Chúc xuân | Dì hai. — Chào hỏi | Lấy những tiếng sau này đặt thành câu ngắn | x, xa-xôi, x, xa-xỉ | 131-136 |
| 21 | Công-ơn cha mẹ. — Công ơn mẹ | Công ơn cha mẹ. — Thương mẹ | Ông em | Thương cha. — Mẹ làm cơm | Lấy những tiếng sau này đặt thành câu ngắn | l, lao-lực, l, lặn-lội | 137-144 |
| 22 | Bổn-phận đối với gia-tộc. — Gia-súc | Lời cha khuyên. — Bác Can | Hết lòng | Tình gia tộc. — Buổi sáng | Lấy những tiếng sau này đặt thành câu ngắn | b, bò bê, b, bà ba | 145-150 |
| 23 | Gia-súc (t.t). — Gia-cầm | Về quê. — Con ngựa kéo xe | Chăm-nom gia súc | Con lợn đất — Đàn gà mẹ con | Lấy những tiếng sau này đặt thành câu ngắn | h, hả-hê, h, hoan-hỉ | 155-156 |
| 24 | Trâu. — Chó | Con trâu. — Bầy chó dữ | Bảo trâu | Con nghé. — Con Tô | Lấy những tiếng sau này đặt thành câu ngắn | k, khỏe-khoắn, k, khô-khan | 157-162 |
| 25 | Mèo. — Lợn (heo) | Ba con mèo. — Bầy heo con | Con mèo vàng | Con mèo tam thể. — Con lợn sề | Trả lời những câu hỏi về một đề-mục. Con mèo. | ghg, hi — nhớ, gh, ghê-gớm, | 163-168 |
| 26 | Bò. — Gà | Đàn bò. — Tiếng gà buổi sáng | Bình-minh | Trên bờ ruộng. — Con gà trống | Trả lời những câu hỏi về đề-mục con bò, gà trống | th, thích-thú, th, tha-thiết | 170-176 |
| 27 | Vịt. — Ngỗng, ngan | Đàn gà con. — Đàn vịt | Con gì ? | Đàn vịt. — Con ngan đực | Trả lời những câu hỏi về đề-mục : Con vịt, con ngỗng. | ch, chăm-chỉ, che, che chở | 177-182 |
| 28 | Dê. — Thỏ | Giặt mình. — Bữa cơm ngon | Em được lên lớp | Lợn, dê, mèo. — Chuồng thỏ | Trả lời những câu hỏi đề-mục : Con dê, con thỏ | nh, nhè-nhẹ, nh, nho-nhỏ | 183-188 |
| 29 | Chim bồ câu. — Chim bồ câu(t.t) | Chuồng chim bồ câu. — Cách chăn nuôi | Hè về trường em | Bầy chim bồ-câu. — Mớm mồi | Trả lời những câu hỏi đề-mục : Chim bồ-câu | tr, trắng-trẻo, tr, trẻ trung | 189-196 |
| 30 | Chăn nuôi. — Chăn nuôi (t.t) | Trại chăn nuôi. — Tạm biệt | Bãi trường | Trại chăn-nuôi. — Hè | Trả lời những câu hỏi đề-mục : | ngh, nhgề-nghiệp nghỉ-ngơi, | 197-208 |

sơn mới

2 8000

In tại nhà in riêng của nhà xuất bản
G.P. số 570/TBTTCH/BC3/XB ngày 1-3-67

Giá : 40 đ.